

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC MẶT
TRÊN ĐỊA BÀN ĐỒNG NAI
ĐỢT 03 NĂM 2026

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Kỹ thuật Tài Nguyên và Môi trường

Đồng Nai, năm 2026

BÁO CÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC MẶT TRÊN ĐỊA BÀN ĐỒNG NAI ĐỢT 03 NĂM 2026

Thời gian quan trắc từ ngày 02/02/2026 đến ngày 04/3/2026

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

MỤC LỤC

Chương 1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC	1
1.1. Mục tiêu.....	1
1.2. Nội dung của chương trình quan trắc đợt 03	1
1.3. Mạng lưới quan trắc.....	1
1.4. Phương pháp lấy mẫu, đo đạc tại hiện trường và phân tích mẫu	12
1.4.1. Phương pháp lấy mẫu	12
1.4.2. Phương pháp đo đạc tại hiện trường.....	13
1.4.3. Phương pháp phân tích tại phòng thí nghiệm.....	13
1.5. Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng	14
Chương 2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC MẶT TRÊN ĐỊA BÀN ĐỒNG NAI ĐỢT 03 NĂM 2026.....	17
2.1. Đánh giá kết quả quan trắc nước mặt	17
2.1.1. Khu vực phía Nam Đồng Nai	17
2.1.1.1. Đối với các vị trí cấp nước sinh hoạt.....	17
2.1.1.2. Chất lượng nước khu vực nuôi thủy sản.....	18
2.1.1.3. Đối với các khu vực giáp ranh.....	24
2.1.1.4. Chất lượng nước mặt các sông suối khác trên địa bàn tỉnh.....	27
(1) Thượng nguồn sông Đồng Nai (suối Đaklua, xã Đaklua)	27
(2) Trung lưu sông Đồng Nai	27
(3) Lưu vực sông Sa Mách (xã Phú Lý)	28
(4) Lưu vực sông Mã Đà - sông Bé (xã Trị An).....	28
(5) Lưu vực Lòng hồ Trị An (xã La Ngà, xã Định Quán và xã Thống Nhất).....	29
(6) Lưu vực sông La Ngà	30
(7) Lưu vực sông Thao	31
(8) Lưu vực sông Buông.....	32
(9) Các sông suối phía Đông Nam Đồng Nai.....	32
(10) Lưu vực sông Thị Vải.....	33
(11) Lưu vực hạ lưu sông Đồng Nai.....	35
2.1.2. Khu vực phía Bắc Đồng Nai	38
2.2. Đánh giá việc thực hiện công tác QA/QC theo quy định	52
2.2.1. Về đảm bảo chất lượng trong đo đạc, thu mẫu tại hiện trường	52
2.2.2. Về đảm bảo chất lượng tại phòng thí nghiệm	55
2.3. Kết Luận	55

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Bảng 1. Vị trí nước mặt đợt 03 năm 2026</i>	<i>1</i>
<i>Bảng 2. Phương pháp đo đặc thông số tại hiện trường</i>	<i>13</i>
<i>Bảng 3. Kết quả mẫu kiểm soát chất lượng đối với thông số Tổng Photpho, Fe, Amoni và pH</i>	<i>54</i>
<i>Bảng 4. Đánh giá kết quả QC phòng thí nghiệm khu vực Nam Đồng Nai</i>	<i>55</i>

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam;

QCVN: Quy chuẩn Việt Nam;

BTNMT: Bộ Tài nguyên và Môi trường;

QC: Kiểm tra - kiểm soát chất lượng;

QA: Đảm bảo chất lượng;

APHA: Hiệp hội Sức khỏe Cộng đồng Hoa Kỳ (American Public Health Association);

EPA: Cơ quan Bảo vệ Môi trường Quốc gia (Environmental Protection Agency);

ISO: Tổ chức Quốc tế về tiêu chuẩn hoá (International Organization for Standardization);

CTK: Cùng thời kỳ;

TBNN: Trung bình nhiều năm.

Chương 1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

1.1. Mục tiêu

Theo dõi, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường nước mặt tại các vị trí quan trắc trên địa bàn Đồng Nai, qua đó xác định, cảnh báo khu vực ô nhiễm.

1.2. Nội dung của chương trình quan trắc đợt 03

- Thu mẫu và phân tích mẫu tại các vị trí theo TKKT và dự toán được phê duyệt;
- Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QC);
- Tổng hợp kết quả, phân tích lập báo cáo đánh giá kết quả quan trắc;
- Cập nhật dữ liệu quan trắc vào hệ thống cơ sở dữ liệu Nông nghiệp và Môi trường.

1.3. Mạng lưới quan trắc

Chương trình quan trắc nước mặt đợt 03 năm 2026 trên địa bàn Đồng Nai được thực hiện tại 164/169 vị trí tại 18 sông, 51 suối, 22 hồ của khu vực phía Nam Đồng Nai, không thực hiện thu mẫu tại 04 suối Gõ, Mè, Rét, Gia Liêu (từ ngày 03/02/2026 đến ngày 02/03/2026) và tại 81/81 vị trí tại 09 sông, 45 suối, rạch, 27 hồ, đập, bầu của khu vực phía Bắc Đồng Nai (từ ngày 02/02/2026 đến ngày 04/3/2026), cụ thể như sau:

Bảng 1. Vị trí nước mặt đợt 03 năm 2026

STT	Lưu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú
				Cơ bản	Bổ sung	Đợt 03/2026
A	KHU VỰC PHÍA NAM ĐỒNG NAI					
	Khối lượng mẫu chính (A.I+A.II)					
A.I	Mẫu chính gián đoạn					
1	Thượng nguồn Sông Đồng Nai	Suối Đăklua	Cầu Đăklua	17	1	- 17 thông số cơ bản (Nhiệt độ, pH, DO, độ dẫn điện (EC), BOD5, COD/TOC, TSS, Tổng Photpho, Tổng Nitơ, Coliform, Coliform chịu nhiệt, Fe, Pb, Zn, Tổng phenol, Amoni, EColi) - bổ sung (Tổng dầu mỡ)
2	Lưu vực Sông Đa Hoai	Sông Đa Hoai	Sông Đa Hoai	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
3		Suối Đa Guy	Suối Đa Guy	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
4	Trung lưu Sông	Sông Đồng Nai	Xã Nam Cát Tiên	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
5		đoạn 1	Bến đò 107	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)

STT	Lưu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú
				Cơ bản	Bổ sung	Đợt 03/2026
6	Đồng Nai	Suối Bún	Cầu Suối Bún	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
7		Suối Đartop	Cầu C3	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
8		Suối Cầu Vắt	Cầu Suối Vạc	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
9	Vùng lòng hồ Trị An	Hồ Trị An	Cách cầu La Ngà 1,5km về phía hạ lưu - Mặt	17	2	- bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
			Cách cầu La Ngà 1,5km về phía hạ lưu - Giữa & Đáy	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
10			Trước cầu La Ngà - Mặt	17	2	- bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
			Trước cầu La Ngà - Giữa & Đáy	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
11			Cửa sông Đồng Nai đổ vào - Giữa & Đáy	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
12			Xã La Ngà - Giữa & Đáy	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
13			Xã Thống Nhất - Giữa & Đáy	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
14			Gần đảo Ó - Giữa & Đáy	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
15			Gần Chiến khu D - Giữa & Đáy	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
16			Gần hồ nhỏ - Giữa & Đáy	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
17			Gần cửa đập - Giữa & Đáy	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
18			Giữa hồ lớn - Giữa & Đáy	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
19			Nhà máy nước Vĩnh An - Tầng giữa	13	1	- bổ sung (Tổng Crom) - trừ 04 thông số trạm (pH, DO, nhiệt độ, EC)
			Nhà máy nước Vĩnh An - Tầng đáy	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
20		Khu vực nuôi cá bè La Ngà (hồ Trị An)	Cầu La Ngà	17	2	- bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
21			Vị trí tiếp nhận nước từ KXLCTR Đa Lộc	17	2	- bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
22			Hộp lưu suối Tam Bung-sông La Ngà	17	2	- bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
23			Cầu số 1 suối Tam Bung	17	2	bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
24			Suối Gia Tân	Cầu Đức Huy	17	2
25	Lưu vực Sông Sa Mách	Suối Sa Mách	Cầu Sa Mách	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
26	Lưu vực Sông Mã	Sông Bé	Hộp lưu sông Bé-sông Mã Đà	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)

STT	Lưu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú
				Cơ bản	Bổ sung	
27	Đà - Sông Bé		Cách hợp lưu Sông Bé - SDN 400m về phía thượng lưu	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
28		Sông Mã Đà	Sông Mã Đà	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
29		Hồ Bà Hào	Hồ Bà Hào	17	1	
30	Lưu vực Sông La Ngà	Sông La Ngà	xã Phú Lâm	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
31			xã Định Quán	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
32			Sau Thác Trời	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
33		Cổng 3 Miệng	Cổng 3 Miệng	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
34		Hồ Bàu Ngựa	hồ Bàu Ngựa	17		
35		Hồ Đa Tôn	hồ Đa Tôn	17		
36		Hồ Suối Tre	hồ suối Tre	17		
37		Hồ Cầu Dầu	Hồ Cầu Dầu	17		
38		KV nuôi tôm càng xanh	Đập suối Mọi	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
39			Đầu ra KV nuôi tôm theo tiêu chuẩn VietGap	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
40		Suối Cải	Suối Cải	17	2	bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
41		Suối Chồn	Cầu suối Chồn	17	2	bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
42			Cầu Bình Lộc	17	2	bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
43		Suối Tam Bung	Suối Tam Bung	17	2	bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
44		Suối Gia Huỳnh	Cầu Gia Huỳnh	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
-		Suối Rét	Suối Rét	0		Không thu mẫu
-			Cầu 4 thước	0		Không thu mẫu
-		Suối Gõ	Suối Gõ	0		Không thu mẫu
-		Suối Mè	Suối Mè	0		Không thu mẫu
45	Lưu vực Sông Thao	Sông Thao	Cầu Bàu Xéo	17	2	bổ sung (CN-, Tổng dầu mỡ)
46			Cầu sông Thao	17	2	bổ sung (CN-, Tổng dầu mỡ)
47		Rạch Đông	Cầu Rạch Đông	17	2	bổ sung (CN-, Tổng dầu mỡ)
48		Hồ Sông Mây	Đầu vào hồ	17	1	bổ sung (F-)
49			Giữa hồ	17	1	bổ sung (F-)
50			Đầu ra hồ	17	1	bổ sung (F-)
51		Suối Cầu Hai	Suối Cầu Hai	17	2	bổ sung (F-, Tổng dầu mỡ)
52		Suối Địa	Suối Địa	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
53		Hồ Bàu Hàm	hồ Bàu Hàm	17		

STT	Lưu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú
				Cơ bản	Bổ sung	
Đợt 03/2026						
54		Hồ Thanh Niên	hồ Thanh Niên	17		
55		Hồ Bà Long	Hồ Bà Long	17		
56	Lưu vực Sông Buông	Sông Buông	cầu An Viễn	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
57			Cầu trong KDL Giang Điền	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
58			Xã Phước Tân	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
59			Hộp lưu Sông Buông – SDN	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
60		Suối Bí	Cầu Suối Bí	17	2	bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
61			Cầu số 3	17	2	bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
62		Suối Cầu Quan	Suối Cầu Quan	17	2	bổ sung (Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
63		Suối Độn	Cầu Suối Độn	17	2	bổ sung (Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
64		Sông Ray	Cầu Lang Minh	17	2	bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
65	Cầu sông Ray		17	2	bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)	
66	Gần hồ Sông Ray		17	2	bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)	
-	Các Sông Đông Nam Đồng Nai	Suối Gia Liêu	Suối Gia Liêu	0		Không thu mẫu
67		Suối Thè	Cầu Suối Thè	17	2	bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
68		Suối Gia Măng	Trước đập Gia Măng	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
69		hồ suối Vọng	hồ suối Vọng	17		
70		hồ Giao Thông	hồ Giao Thông	17		
71		hồ Suối Đồi	hồ Suối Đồi	17		
72		hồ Suối Rạng	hồ Suối Rạng	17		
73		hồ Bàu Môn	hồ Bàu Môn	17		
74		Suối Gia Uí	Thượng nguồn – trước khi đổ vào hồ Núi Le	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
75		hồ Núi Le	hồ Núi Le	17		
76		hồ Gia Uí	hồ Gia Uí	17		
77	Suối Sông Uí	Trước hộp lưu s.Sông Uí-s.Rùa	17	2	bổ sung (CN-, Tổng dầu mỡ)	

STT	Lưu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú
				Cơ bản	Bổ sung	
						Đợt 03/2026
78			Sau nhà máy cồn Tùng Lâm 500 m	17	2	bổ sung (CN-, Tổng dầu mỡ)
79			Cầu Sông Ui	17	2	bổ sung (CN-, Tổng dầu mỡ)
80			Tiếp nhận nước từ hồ H4	17	2	bổ sung (CN-, Tổng dầu mỡ)
81		Suối Rùa	Suối Rùa	17	2	bổ sung (CN-, Tổng dầu mỡ)
82		Suối Lạnh	Suối Lạnh	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
83		Suối Chà Răng	Suối Cạn (sau KXL CTR Xuân Mỹ)	17	3	bổ sung (CN-, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
84			Hộp lưu Suối Cạn - Suối Chà Răng	17	3	bổ sung (CN-, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
85			Sau khu dân cư Cù Bị	17	3	bổ sung (CN-, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
86	Lưu vực Sông Thị Vải	Sông Thị Vải	Hộp lưu rạch Bà Ký - sông Thị Vải	17	3	bổ sung (CN-, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
87			Khu vực xã Phước An	17	3	bổ sung (CN-, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
88			Rạch nước lớn Vedan	17	3	bổ sung (CN-, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
89			Cảng Gò Dầu	17	3	bổ sung (CN-, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
90			Khu vực phao số 23	17	3	bổ sung (CN-, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
91			Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ	17	3	bổ sung (CN-, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
92			Khu vực Phao số 7 xã Phước An	17	3	bổ sung (CN-, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
93	Lưu vực Sông Thị Vải	Sông Bà Hào (KV nuôi hào)	Hộp lưu S.Bà Hào - S.Đồng Kho	17	3	bổ sung (CN-, độ mặn, Tổng dầu mỡ)
94			Sông Bà Hào	17	3	bổ sung (CN-, độ mặn, Tổng dầu mỡ)
95			Hộp lưu S. Bà Hào - Rạch Tắc Hồng	17	3	bổ sung (CN-, độ mặn, Tổng dầu mỡ)
96			Hộp lưu S. Bà Hào - S. Gò Gia	17	3	bổ sung (CN-, độ mặn, Tổng dầu mỡ)
97		Suối Le	Cầu Vạc	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
98			Cầu Thái Thiện	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
99		Suối Trầu	Cầu Quán Tre	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
100		Suối Quýt	Suối Quýt	17	2	bổ sung (CN-, Tổng dầu mỡ)
101		Suối Cả	Cầu Suối Cả	17	2	bổ sung (CN-, Tổng dầu mỡ)
102			Trước đập suối Cả	17	2	bổ sung (CN-, Tổng dầu mỡ)
103		cống Lò Rèn	cống Lò Rèn	17	3	bổ sung (độ mặn, F-, Tổng dầu mỡ)
104		Rạch Miếu	Rạch Miếu	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
105		Rạch Long Phú	Rạch Long Phú	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
106		Rạch Bà Ký	Rạch Bà Ký	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)

STT	Lưu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú
				Cơ bản	Bổ sung	
Đợt 03/2026						
107		Rạch Cái Sinh	Rạch Cái Sinh	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
108		Rạch	Trước đập Vũng Gấm	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
109		Vũng Gấm	Đầu vào khu vực nuôi tôm	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
110		Rạch Tràm	Rạch Tràm	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
111		Rạch Tắc Le Le	Rạch Tắc Le Le	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
112		hồ cầu Mới tuyến 5	hồ cầu Mới tuyến 5	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
113		hồ cầu Mới tuyến 6	hồ cầu Mới tuyến 6	17	1	bổ sung (Tổng Crom)
114	Hạ lưu sông Đồng Nai	Sông Đồng Nai đoạn 2	Tại hợp lưu S.Bé – S.Đồng Nai	17	3	Bờ Phải và Giữa: bổ sung (độ mặn, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
				13	2	- Bờ Trái: trừ 05 thông số trạm pH, DO, nhiệt độ, EC, độ mặn - bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
115			Cách hợp lưu S.Bé – S. Đồng Nai 500m về phía hạ lưu	17	3	bổ sung (độ mặn, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
116			Gần nhà máy nước Thiện Tân	17	3	Bờ Phải và Giữa: bổ sung (độ mặn, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
				13	2	- Bờ Trái: trừ 05 thông số trạm (pH, DO, nhiệt độ, EC, độ mặn) - bổ sung (Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
117			Bến đò Bà Miêu	17	3	bổ sung (độ mặn, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
118			Cầu Thanh Hội	17	3	bổ sung (độ mặn, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)
119	Bến đò Biên Hòa - Bửu Long	17	3	bổ sung (độ mặn, Tổng Crom, Tổng dầu mỡ)		
120	Hạ lưu sông Đồng Nai	Suối Đá Bàn	Suối Đá Bàn	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
121		Cầu Tân Trạch	Cầu Tân Trạch	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
122		Cống Ông Hoàng	Cầu ông Hoàng	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
123		Hồ Mo Nang	Hồ Mo Nang	17		
124			Cầu Hóa An	17	4	bổ sung (độ mặn, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
125		Sông Đồng Nai đoạn 3	Nhà máy nước Biên Hòa	17	4	Bờ Phải và Giữa: bổ sung (độ mặn, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
			13	3	- Bờ Trái: trừ 05 thông số trạm: pH, DO, nhiệt độ, EC, độ mặn	

STT	Lưu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú	
				Cơ bản	Bổ sung	Đợt 03/2026	
						- bổ sung (Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)	
126			Cầu Rạch Cát	17	4	bổ sung (độ mặn, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)	
127			Cầu Bửu Hòa	17	4	bổ sung (độ mặn, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)	
128			Giữa làng cá bè	13	3	- Đo liên tục 5 thông số (nhiệt độ, EC, DO, pH, độ mặn) - bổ sung (Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)	
129			Hợp lưu Sắn Máu - SDN	13	3	- Đo liên tục 5 thông số (nhiệt độ, EC, DO, pH, độ mặn) - bổ sung (Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)	
130			Hợp lưu suối Linh - SDN	13	3	- Đo liên tục 5 thông số (nhiệt độ, EC, DO, pH, độ mặn) - bổ sung (Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)	
131			Giữa làng cá bè Ba Xê	13	3	- Đo liên tục 5 thông số (nhiệt độ, EC, DO, pH, độ mặn) - bổ sung (Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)	
132			Gần cầu An Hào	17	4	bổ sung (độ mặn, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)	
133			Cầu Đồng Nai	17	4	bổ sung (độ mặn, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)	
134			Suối Chùa	Trước khi tiếp nhận nước thải các KCN	17	2	bổ sung (Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
135			Suối Linh	Cầu Suối Linh	17	2	bổ sung (Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
136			Suối Sắn Máu	Cầu Sắn Máu	17	2	bổ sung (Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
137			Suối Bà Lúa	Cầu số 1 - QL 15	17	2	bổ sung (Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
138	Hợp lưu suối Bà Lúa – SDN	17		2	bổ sung (Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)		
139	Suối Tân Mai	Suối Tân Mai	17	2	bổ sung (Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)		
140	Hạ lưu sông Đồng Nai	Suối Siệp	Cầu Suối Siệp	17	3	bổ sung (CN-, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)	
141		Hồ Biên Hùng	Hồ Biên Hùng	17			
142		Hồ Long Ân	Hồ Long Ân	17			
143		Sông	Xã An Phước	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)	
144		Đồng Nai đoạn 4	Hợp lưu Rạch Bà Chèo - SDN	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)	

STT	Luu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú
				Cơ bản	Bổ sung	
145			Hộp lưu rạch Suối Nước Trong - SDN	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
146			Xã Nhơn Trạch	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
147		Suối Nước	Cầu Nước Trong	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
148		Trong	Cầu Ninh Hương	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
149		Rạch Bà Chèo	Hộp lưu Suối Ông Định – Rạch Bà Chèo	17	3	bổ sung (CN-, Độ mặn, Tổng dầu mỡ)
150			Cầu Ông Định	17	3	bổ sung (CN-, Độ mặn, Tổng dầu mỡ)
151		Suối Bung Môn	Cầu Bình Sơn	17	1	bổ sung Tổng dầu mỡ
152		Sông Đồng Môn	Cầu Quán Thủ	17	3	bổ sung (F-, độ mặn, Tổng dầu mỡ)
153			gần nhà máy nước Formosa	17	3	bổ sung (F-, độ mặn, Tổng dầu mỡ)
154		Sông Ông Quế	Sông Ông Quế	17	1	bổ sung (Tổng dầu mỡ)
155		Rạch Bàng	Rạch Bàng	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
156		Sông Lòng Tàu	Xã Đại Phước	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
157			Gần KCN Ông Kèo	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
158		Sông Ông Kèo	Công Ông Kèo	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
159			Cầu Phước Lý	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
160		Sông Nhà Bè	Hộp lưu sông Nhà Bè – sông Sài Gòn	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
161		Sông Đồng Tranh	Xã Đại Phước	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
162			Xã Phước An	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
163		Sông Gò Gia	Xã Phước An	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
164			Cách hộp lưu Sông Gò Gia-Sông Thị Vải 500m	17	2	bổ sung (độ mặn, Tổng dầu mỡ)
B	KHU VỰC PHÍA BẮC ĐỒNG NAI					
B.I	Mẫu chính gián đoạn					
1		Sông Bé	Hồ Thác Mơ	17		
2		Sông Bé	Cầu Đắc Lung	17	4	bổ sung (CN-, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
3		Sông Bé	Đập tràn cầu Đơn	17		
4		Sông Bé	xã Thiện Hưng	17	4	bổ sung (CN-, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
5	Khu vực Sông Bé	Sông Bé	Thủy điện Srok Phu Miêng	17		
6		Sông Bé	Cầu Trà Thanh	17	4	bổ sung (CN-, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
7		Sông Bé	Cầu Sông Bé	17	4	bổ sung (CN-, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
8		Sông Bé	Cầu Nha Bích	17	4	bổ sung (CN-, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)

STT	Lưu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú
				Cơ bản	Bổ sung	
9		Cầu Suối Dung	Cầu Suối Dung	17		
10		Hồ Long Thủy	Hồ Long Thủy	17		
11		Cầu Đakia	Cầu Đakia	17		
12		Suối chợ	Suối chợ	17		
13		Hồ nước xã Long Hà	Hồ nước xã Long Hà	17		
14		Cầu Suối Cát	Cầu Suối Cát	17		
15		Hồ Sóc Xiêm	Hồ Sóc Xiêm	17		
16		Cầu Suối Đâm	Cầu Suối Đâm	17		
17		Đập Long Tân	Đập Long Tân	17		
18		Hồ nông trường 8	Hồ nông trường 8	17		
19		Suối Rạt, xã Phú Riêng	Suối Rạt, xã Phú Riêng	17		
20		Hồ nông trường 10	Hồ nông trường 10	17		
21		Hồ Suối Lam, xã Thuận Lợi	Hồ Suối Lam, xã Thuận Lợi	17		
22		Suối con chảy qua nhà máy chế biến cao su Thuận Lợi	Suối con chảy qua nhà máy chế biến cao su Thuận Lợi	17		
23		Cầu suối Nghrien	Cầu suối Nghrien	17		
24		Hồ Suối Cam	Hồ Suối Cam	17		
25		Suối Sông Rinh	Suối Sông Rinh	17		
26		Cầu An Lộc	Cầu An Lộc	17		
27		Hồ cấp nước Phường Bình Long	Hồ cấp nước Phường Bình Long	17		

STT	Lưu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú
				Cơ bản	Bổ sung	
28		Hồ cấp nước Tân Khai	Hồ cấp nước Tân Khai	17		
29		Suối Ấp Xa Trạch	Suối Ấp Xa Trạch	17		
30		Suối Xa Cát	Suối Xa Cát	17		
31		Suối Tiên	Suối Tiên	17		
32		Cầu Xa Cát	Cầu Xa Cát	17		
33		Cầu Suối Đông	Cầu Suối Đông	17		
34		Hồ Phước Hòa	Hồ Phước Hòa	17		
35		Suối Ngang	Suối Ngang	17		
36		Cầu Suối Đôi	Cầu Suối Đôi	17		
37		Suối Bung Rục	Suối Bung Rục	17		
38		Cầu Bà Và	Cầu Bà Và	17		
39		Suối Hồ Đá	Suối Hồ Đá	17		
40		Cầu Tham Rót	Cầu Tham Rót	17		
41		Hồ cấp nước xã Thuận Lợi	Hồ cấp nước xã Thuận Lợi	17		
42		Cầu 2	Cầu 2	17		
43		Suối Cà Bè (Đắk Rip)	Suối Cà Bè (Đắk Rip)	17		
44		Suối Đồng Tiền	Suối Đồng Tiền	17		
45		Suối Rạt, xã Đồng Phú	Suối Rạt, xã Đồng Phú	17		
46		Suối Rạt, cầu Ba Bi	Suối Rạt, cầu Ba Bi	17		
47		Hồ Suối Giai	Hồ Suối Giai	17		
48		Suối Bàu Chu	Suối Bàu Chu	17		
49		Suối Rạt - cầu số 11	Suối Rạt - cầu số 11	17		
50		Cầu trắng	Cầu trắng	17		
51		Sông Sài Gòn	Sông Sài Gòn, xã Tân Khai	17	4	bổ sung (CN-, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)

STT	Lưu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú
				Cơ bản	Bổ sung	
52	Khu vực Sông Sài Gòn	Hồ Nước xã Lộc Thanh	Hồ Nước xã Lộc Thanh	17		
53		Hồ cầu Trắng	Hồ cầu Trắng	17		
54		Hồ rừng cắm	Hồ rừng cắm	17		
55		Cầu Xa Ngâu	Cầu Xa Ngâu	17		
56		Cầu Mua	Cầu Mua	17		
57		Cầu Suối chợ	Cầu Suối chợ	17		
58		Cầu Bù Linh	Cầu Bù Linh	17		
59		Hồ cấp nước xã Lộc Quang	Hồ cấp nước xã Lộc Quang	17		
60		Cầu Lộc Điện	Cầu Lộc Điện	17		
61		Cầu Cần Lê	Cầu Cần Lê	17		
62		Suối Chà Là	Suối Chà Là	17		
63		Suối Tà Mông	Suối Tà Mông	17		
64	Khu vực Sông Đồng Nai	Sông Đồng Nai	Sông Đồng Nai, xã Phước Sơn	17	4	bổ sung (CN-, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
65		Cầu Tân Hòa	Cầu Tân Hòa	17		
66		Cầu Đắc R'Lấp	Cầu Đắc R'Lấp	17		
67		Cầu Đặc Trầm	Cầu Đặc Trầm	17		
68		Cầu Đắc Wor 2	Cầu Đắc Wor 2	17		
69		Hồ nước trắng cỏ Bù Lạch	Hồ nước trắng cỏ Bù Lạch	17		
70		Hồ Sơn Thủy, xã Thọ Sơn	Hồ Sơn Thủy, xã Thọ Sơn	17		
71		Hồ nước xã Thọ Sơn	Hồ nước xã Thọ Sơn	17		
72		Hồ cấp nước xã Bù Đăng	Hồ cấp nước xã Bù Đăng	17		

STT	Lưu vực/ Khu vực	Sông suối, hồ	Vị trí thu mẫu	Số thông số		Ghi chú
				Cơ bản	Bổ sung	
73		Cầu Bù Đăng	Cầu Bù Đăng	17		
74		Hồ nước xã Bù Đăng	Hồ nước xã Bù Đăng	17		
75		Cầu 38	Cầu 38	17		
76		Cầu Pan Toong	Cầu Pan Toong	17		
77		Hồ cấp nước xã Nghĩa Trung	Hồ cấp nước xã Nghĩa Trung	17		
78		Cầu Bù Na 2	Cầu Bù Na 2	17		
79	Sông Chiu Riu	Suối Bông	Suối Bông, xã Lộc Thạnh	17	4	bổ sung (CN-, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
80	Khu vực Sông Măng	Sông Măng (Đắk Jer Man), xã Hung Phước	Sông Măng (Đắk Jer Man), xã Hung Phước	17	4	bổ sung (CN-, Tổng Cr, Chất HDBM, Tổng dầu mỡ)
81		Bàu nước cạnh tiếp nhận nước thải nhà máy cao su và trại heo nông trường 717	xã Thiện Hưng	17		

1.4. Phương pháp lấy mẫu, đo đạc tại hiện trường và phân tích mẫu

1.4.1. Phương pháp lấy mẫu

Về phương pháp lấy mẫu phục vụ cho việc phân tích hóa lý, vi sinh và thủy sinh được thực hiện theo các TCVN sau:

- + Phương pháp lấy mẫu sông, suối: TCVN 6663-6:2018
- + Phương pháp lấy mẫu nước hồ: TCVN 6663-4:2020
- + Phương pháp lấy mẫu vi sinh: TCVN 8880:2011
- + Phương pháp lấy mẫu thủy sinh: SMEWW 10200B:2023; SMEWW 10500B:2023

Nguyên tắc lấy mẫu quan trắc môi trường nước như sau:

- + Đối với các sông:

- Đối với các sông Đồng Nai, sông Thị Vải: Mỗi mặt cắt thu mẫu tại 3 vị trí: bờ trái, giữa dòng và bờ phải.

- Đối với các sông, suối khác: mỗi mặt cắt thu mẫu tại 1 vị trí giữa dòng.

+ Đối với hồ Trị An: tại mỗi vị trí thu 3 mẫu tại 3 tầng (tầng mặt 1 mẫu, tầng giữa 1 mẫu và tầng đáy 1 mẫu).

+ Đối với các hồ khác: tại mỗi vị trí thu một mẫu tại tầng mặt.

1.4.2. Phương pháp đo đạc tại hiện trường

- Tọa độ các vị trí được xác định tại hiện trường bằng hệ thống định vị GPS đã chuyển đổi theo hệ tọa độ quốc gia VN2000.

- Các chỉ tiêu hóa lý (*pH*, *Oxy hòa tan*, *nhiệt độ*, *độ dẫn điện*, *độ mặn*) được xác định ngay tại hiện trường bằng thiết bị đo nhanh. Các thông số còn lại được xác định bằng cách thu mẫu và phân tích tại phòng thí nghiệm.

Bảng 2. Phương pháp đo đạc thông số tại hiện trường

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	pH	TCVN 6492:2011; HDCV TB-682
2	DO	TCVN 7325:2016; HDCV TB-66
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023; HDCV TB-66
4	Độ dẫn điện	SMEWW 2510B:2023; HDCV TB-66
5	Độ mặn	SMEWW 2520B:2023; HDCV TB-66

Ghi chú:

- Đối với đoạn sông Cái tại 03 mặt cắt của khu vực nuôi cá bè (Hợp lưu Suối Sắn Máu – Sông Đồng Nai, Giữa làng cá bè, Hợp lưu Suối Linh – Sông Đồng Nai): đo mặt cắt ngang từ bờ trái qua bờ phải, chiều rộng trung bình khoảng 250m: khoảng cách đo 10m/kết quả đo. Và đo chiều dọc sông với chiều dài từ vị trí Hợp lưu Suối Sắn Máu – Sông Đồng Nai đến Hợp lưu Suối Linh – Sông Đồng Nai khoảng 3000m: khoảng cách đo 100m/kết quả đo.

- Đối với 01 vị trí cá bè Ba Xê thực hiện đo dọc sông với chiều dài từ đầu Cù lao Ba Xê đến Hợp lưu suối Bà Lúa – sông Đồng Nai khoảng 1200m: khoảng cách đo 40m/kết quả đo.

- Đối với đoạn cá bè La Ngà thực hiện đo dọc sông với chiều dài từ Đầu khu vực nuôi cá bè đến gần điểm xả AB Mauri khoảng 4000m: khoảng cách đo 100m/kết quả đo.

1.4.3. Phương pháp phân tích tại phòng thí nghiệm

Phương pháp phân tích đã và đang sử dụng các phương pháp thử theo quy định của quy chuẩn quốc gia QCVN 08:2023/BTNMT hoặc các phương pháp thử đã được Quốc tế công nhận (APHA, EPA).

1.5. Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng

Trong năm 2026, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện các nội dung đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong hoạt động quan trắc môi trường theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

(1) Bảo đảm chất lượng trong thiết kế chương trình quan trắc môi trường

❖ Thực hiện các yêu cầu cơ bản đối với chương trình quan trắc

+ Đáp ứng phù hợp với mục tiêu quan trắc, bảo đảm chất lượng, thời gian, có tính khả thi. Căn cứ theo pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường, quy hoạch mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường, thông tin thu thập theo yêu cầu của cơ quan nhà nước về môi trường;

+ Tuân thủ theo các hướng dẫn kỹ thuật, phương pháp đo đạc, thu mẫu và bảo quản mẫu cho từng thành phần môi trường cần quan trắc;

+ Thực hiện đầy đủ các bước thiết kế chương trình quan trắc môi trường.

❖ Các bước thiết kế chương trình quan trắc môi trường

+ Xác định rõ kiểu, loại quan trắc (quan trắc nền/quan trắc tác động);

+ Xác định cụ thể thành phần môi trường quan trắc, thông số quan trắc và tần suất quan trắc.

(2) Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong quan trắc tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm

❖ Về đảm bảo chất lượng

Trung tâm tiếp tục duy trì công nhận đạt TCVN ISO/IEC 17025:2017, đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ, cụ thể:

+ Nhân sự: Bố trí lực lượng đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, thường xuyên đào tạo nâng cao tay nghề viên chức bằng nhiều hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài. Người thực hiện phân tích khi được đánh giá là đạt theo yêu cầu của tiêu chí nội bộ;

+ Thiết bị: thực hiện định kỳ việc bảo trì, hiệu chuẩn thiết bị và đảm bảo tính hiệu lực được liên tục;

+ Mở rộng phương pháp phân tích và thường xuyên cập nhật đảm bảo hiệu lực của phương pháp;

+ Tham dự các chương trình thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng.

❖ Về kiểm soát chất lượng

+ Giới thiệu các mẫu kiểm soát chất lượng

Để kiểm soát chất lượng công tác đo đạc, thu mẫu và phân tích mẫu, các mẫu kiểm soát chất lượng (viết tắt là mẫu QC) sẽ được thực hiện song song với các mẫu chính có số lượng chiếm tối thiểu bằng 10% lượng mẫu chính. Các loại mẫu QC và mục tiêu kiểm soát xác định cho từng loại mẫu QC như sau:

- Đối với công tác thu mẫu tại hiện trường:

Mẫu trắng hiện trường: xác định mức độ nhiễm bẩn của các yếu tố tới chất lượng nước khi để mẫu tại hiện trường.

Mẫu lặp hiện trường: xác định độ chính xác của phép quan trắc.

Mẫu chuẩn kiểm tra thiết bị: kiểm soát chất lượng tại hiện trường bằng chất chuẩn.

Thực hiện mẫu trắng hiện trường và mẫu lặp hiện trường tại 09 vị trí thực hiện mẫu kiểm soát chất lượng gồm: Sông Đồng Nai đoạn 2, đoạn 3, đoạn 4, sông Thị Vải, Hồ Trị An, hồ Núi Le, sông Đồng Môn, Rạch Đông, Rạch Bà Chèo.

- Đối với công tác phân tích tại phòng thí nghiệm (PTN):

Mẫu trắng phương pháp: được phân tích đầu tiên trong mỗi mẻ mẫu. Giá trị của mỗi mẫu trắng phương pháp được chấp nhận khi $<NDL$ (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích).

Mẫu lặp PTN: là mẫu phân tích lặp lại 2 lần trên cùng một mẫu và cùng thời điểm cũng như cùng một quy trình phân tích. Mẫu lặp dùng để đánh giá độ chính xác của kỹ thuật viên. Mẫu được lựa chọn một cách ngẫu nhiên.

Mẫu chuẩn thẩm tra: Dùng để đánh giá quy trình xử lý, tay nghề kỹ thuật viên và hiệu suất thu hồi trên nền sạch.

Mẫu thêm chuẩn: dùng để đánh giá độ đúng của phương pháp ứng với các nền (matrix) mẫu khác nhau.

- Lựa chọn thông số phân tích mẫu QC:

Nhóm thông số kim loại: Sắt (Fe)

Nhóm thông số hóa lý: Tổng Photpho, Amoni ($N-NH_4^+$), pH.

(3) Quy trình thực hiện mẫu QC

❖ Đối với việc thu mẫu QC tại hiện trường.

+ *Thu mẫu trắng hiện trường:* nước cất được phòng Phân tích – Thử nghiệm chuẩn bị gồm 2 bình:

01 bình được nhân viên thu mẫu mang đến hiện trường, nạp vào dụng cụ chứa mẫu, xử lý, bảo quản, vận chuyển mẫu tương tự như mẫu chính;

01 bình để lại tại phòng lưu mẫu.

+ *Thu mẫu lập hiện trường (theo không gian)*: Lấy 1 mẫu sau đó trộn đều và chia làm 2 phần, cho vào dụng cụ chứa mẫu, xử lý, bảo quản và vận chuyển như mẫu chính.

+ *Kiểm soát chất lượng tại hiện trường bằng chất chuẩn (Mẫu chuẩn kiểm tra thiết bị)*: đối với thiết bị pH, sai số cho phép khi đo chất chuẩn nằm trong khoảng $\pm 0,05\text{pH}$ khi giá trị độ chia $0,01\text{pH}$ và $\pm 0,2\text{pH}$ khi giá trị độ chia $0,1\text{pH}$.

❖ Đối với việc phân tích mẫu QC tại phòng thí nghiệm:

+ *Mẫu trắng phương pháp*: mẫu nước cất được xử lý giống như mẫu phân tích.

Yêu cầu: nồng độ chất phân tích có trong mẫu trắng không được vượt quá giới hạn phát hiện của phương pháp.

+ *Mẫu lập hiện trường*: là mẫu phân tích lặp lại 2 lần trên cùng một mẫu và cùng thời điểm cũng như cùng một quy trình phân tích.

Yêu cầu: độ sai lệch (RPD) được tổ chức thực hiện quan trắc thiết lập và không quá 20%. Đối với mẫu đo lập tại hiện trường giới hạn RPD không quá 15%.

Công thức tính:

$$\text{RPD} = \frac{(L1 - L2)}{(L1 + L2)/2} \times 100\%.$$

L1: kết quả phân tích lần 1

L2: kết quả phân tích lần 2

+ *Mẫu chuẩn đối chứng*: là mẫu chuẩn được xử lý giống như mẫu phân tích. Nồng độ chuẩn thường chọn ở giữa dãy chuẩn hoặc thấp hơn.

Yêu cầu: hiệu suất thu hồi phải nằm trong khoảng 85-110%.

+ *Mẫu thêm chuẩn*: là mẫu được thêm vào một lượng chuẩn đã biết trước nồng độ, thường có nồng độ gần với nồng độ của mẫu. Thể tích chuẩn thêm vào không vượt quá 10% thể tích mẫu.

Yêu cầu: kết quả cho phép sai khác trong khoảng 10%.

(4) *Về đánh giá kết quả thực hiện các mẫu QC*:

Kết quả thực hiện các mẫu QC sẽ được tổng hợp cho mỗi đợt quan trắc và được đánh giá đạt hoặc không đạt theo yêu cầu của từng loại mẫu QC, đồng thời trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp khắc phục, phòng ngừa kịp thời đảm bảo chất lượng công tác đo đạc, thu mẫu và phân tích mẫu luôn được kiểm soát chặt chẽ.

Chương 2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC MẶT TRÊN ĐỊA BÀN ĐỒNG NAI ĐỢT 03 NĂM 2026

2.1. Đánh giá kết quả quan trắc nước mặt

Kế hoạch quan trắc nước mặt đợt 03 năm 2026 được thực hiện tại 164/169 vị trí (gồm 18 sông, 51 suối, 22 hồ) thuộc khu vực Nam Đồng Nai, không thu mẫu tại 04 suối Gõ, Mè, Rét, Gia Liêu (05 vị trí) và tại 81/81 vị trí (gồm có 09 sông lớn, 45 suối và 27 hồ, đập) trên địa bàn phía Bắc Đồng Nai. Kết quả cụ thể như sau:

2.1.1. Khu vực phía Nam Đồng Nai

2.1.1.1. Đối với các vị trí cấp nước sinh hoạt

- Tại vị trí cầu Hóa An:

Chất lượng nước đợt 03/2026 có xu hướng cải thiện so với đợt 02/2026 và cùng kỳ đợt 03/2025. Kết quả quan trắc cho thấy chất lượng nước bị ảnh hưởng bởi hàm lượng vi sinh có xu hướng tăng cao hơn phía 2 bên bờ, hàm lượng Coliform vượt xấp xỉ ngưỡng mức C và Coliform chịu nhiệt ở mức D, hàm lượng vi sinh tại vị trí này có chiều hướng giảm so với đợt trước và cùng kỳ. Nồng độ các thông số chất lượng nước còn lại vẫn ổn định, duy trì ở mức từ A đến B. Phát hiện 02/09 thông số vượt ngưỡng ảnh hưởng sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp: E.Coli vượt từ 7-24,5 lần, Sắt vượt 1,24 lần (bờ phải).

Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Cầu Hóa An (Sông Đồng Nai đoạn 3)	Đợt 3/2025	T	A	A	A	A	A	B	A	C	D
		G	A	A	A	A	A	B	A	D	D
		P	A	A	A	A	A	B	A	D	D
	Đợt 2/2026	T	A	B	A	A	A	B	A	D	D
		G	A	B	A	A	A	B	A	D	D
		P	A	B	A	A	A	B	A	D	D
	Đợt 3/2026	T	B	B	A	A	A	B	A	C	D
		G	B	B	A	A	A	B	A	B	C
		P	B	B	A	A	A	B	A	C	D

- Tại vị trí Nhà máy nước Biên Hòa:

Chất lượng nước đợt 3/2026 tương đương với đợt 02/2026 và cùng kỳ đợt 03/2025. Kết quả quan trắc cho thấy chất lượng nước bị ảnh hưởng chủ yếu bởi hàm lượng vi sinh (Coliform, Coliform chịu nhiệt) ở mức D, có xu hướng cao hơn ở phía bờ trái, ngoài ra nồng độ DO đo được ở mức C cũng góp phần ảnh hưởng đến chất lượng nước tại vị trí Nhà máy nước Biên Hòa. Nồng độ các thông số chất lượng nước còn lại vẫn ổn định, duy trì ở mức A và B. Phát hiện 02/09 thông số vượt ngưỡng ảnh hưởng sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp: E.Coli vượt từ 55-70 lần, Sắt vượt từ 1,1-1,8 lần.

Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
NMN Biên Hòa (Sông Đồng Nai đoạn 3)	Đợt 3/2025	T	A	A	A	A	A	B	A	D	D
		G	A	A	A	A	A	B	A	D	D
		P	A	A	A	A	A	B	A	D	D
	Đợt 2/2026	T	A	B	A	A	A	C	A	D	D
		G	A	B	A	A	A	B	A	D	D
		P	A	C	A	A	A	B	A	D	D
	Đợt 3/2026	T	B	C	A	A	A	B	A	D	D
		G	B	C	A	A	B	B	A	D	D
		P	B	C	A	A	A	B	A	D	D

- Tại vị trí gần Nhà máy nước Thiện Tân (sông Đồng Nai đoạn 2):

Chất lượng nước đợt 03/2026 khá tốt, có xu hướng cải thiện so với đợt 01/2026 và cùng kỳ năm 2025. Kết quả quan trắc đợt 3 ghi nhận các thông số thuộc nhóm phân loại chất lượng nước đều có giá trị ở mức thấp từ A đến B, chỉ phát hiện 01/08 thông số vượt ngưỡng ảnh hưởng sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp: E.Coli vượt từ 3,9-5,5 lần.

Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Gần NMN Thiện Tân (Sông Đồng Nai đoạn 2)	Đợt 3/2025	T	A	C	A	A	A	B	A	B	C
		G	A	C	A	A	A	B	A	B	B
		P	A	C	A	A	A	B	A	B	B
	Đợt 1/2026	T	A	A	A	A	A	B	A	D	D
		G	A	A	A	A	A	B	A	C	D
		P	A	A	A	A	A	B	A	C	D
	Đợt 3/2026	T	A	A	A	A	A	B	A	A	B
		G	B	A	A	A	A	B	A	B	B
		P	B	A	A	A	A	B	A	A	B

- Chất lượng nước tại Hồ Núi Le (cung cấp nước cho nhà máy nước Gia Ray) đợt 03/2026 bị ảnh hưởng bởi nồng độ Tổng Nitơ ở mức D, nồng độ (COD, Coliform chịu nhiệt) ở mức C. Nồng độ các chất ô nhiễm nhìn chung có chiều hướng tăng nhẹ so với đợt 01/2026 và cùng kỳ đợt 03/2025. Đối với nhóm thông số ảnh hưởng sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp phát hiện 01/06 thông số vượt ngưỡng: E.Coli vượt 13 lần.

Điểm	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Hồ Núi Le	Đợt 3/2025	A	A	B	B	B	D	A	B	B
	Đợt 1/2026	A	A	A	A	A	D	A	B	B
	Đợt 3/2026	A	A	B	C	A	D	A	B	C

- Tại 2 vị trí cấp nước của cụm hồ Cầu Mới (cung cấp nước sinh hoạt cho KCN Gò Dầu, Nhơn Trạch 6 và các khu vực dân cư lân cận), chất lượng nước đợt

03/2026 tương đương với đợt 01/2026 và cùng kỳ tại hồ Cầu Mới tuyến 5, trong khi tại hồ Cầu Mới tuyến 6 chất lượng nước có chiều hướng giảm so với đợt 01 và tương đương cùng kỳ. Kết quả quan trắc nhận thấy hàm lượng vi sinh có chiều hướng giảm nhưng nồng độ dinh dưỡng lại có xu hướng tăng so với đợt 01 tại cả 2 hồ. Tuy nhiên nồng độ quan trắc tại hồ Cầu Mới tuyến 5 vẫn ở mức thấp từ A đến B, còn tại hồ Cầu Mới tuyến 6 phát hiện nồng độ dinh dưỡng (Tổng Photpho) ở mức D ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước.

Đối với nhóm thông số ảnh hưởng sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp, chỉ phát hiện 01/07 thông số vượt ngưỡng cho phép: E. Coli vượt 5,5 lần tại hồ Cầu Mới tuyến 5; E.Coli vượt 6,5 lần tại hồ Cầu Mới tuyến 6.

Điểm	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Hồ cầu Mới tuyến 5	Đợt 3/2025	A	A	A	A	A	A	A	B	B
	Đợt 1/2026	A	A	A	A	A	A	A	B	B
	Đợt 3/2026	A	B	A	A	A	B	B	A	B
Hồ cầu Mới tuyến 6	Đợt 3/2025	A	A	A	A	A	A	A	B	D
	Đợt 1/2026	A	B	A	A	A	A	A	B	B
	Đợt 3/2026	A	B	A	A	A	A	D	A	B

- Chất lượng nước tại Hồ Đa Tôn (cung cấp nước cho Nhà máy cấp nước sạch Thanh Sơn – xã Thanh Sơn) đợt 03/2026 có chiều hướng cải thiện so với đợt 01/2026 nhưng giảm so với cùng kỳ năm 2025. Kết quả quan trắc cho thấy chất lượng nước hồ Đa Tôn tương đối tốt, nhóm thông số phân loại chất lượng nước đều có giá trị ở mức A và B, tuy nhiên vẫn phát hiện 01/6 thông số thuộc nhóm thông số ảnh hưởng sức khỏe con người không đạt QCVN 08:2023/BTNMT, trong đó: E.Coli vượt 6,5 lần.

Điểm	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Hồ Đa Tôn	Đợt 3/2025	A	A	A	A	A	A	A	A	A
	Đợt 1/2026	A	A	B	B	A	B	A	D	D
	Đợt 3/2026	A	A	A	B	A	B	A	B	B

- Chất lượng nước tại vị trí Nhà máy nước Vĩnh An (hồ Trị An) đợt 3/2026 có chiều hướng giảm so với đợt trước liền kề (đợt 01/2026) và cùng kỳ đợt 3/2025. Kết quả quan trắc cho thấy phần lớn các thông số thuộc nhóm phân loại chất lượng nước đạt mức từ A đến B, tuy nhiên thời điểm lấy mẫu đợt 3 được thực hiện trong điều kiện thời tiết cao điểm nắng nóng, môi trường nước hồ ghi nhận có tảo phát triển dẫn đến giá trị pH đo được tăng cao ở mức D là nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nước tại vị trí này.

Đối với nhóm thông số ảnh hưởng sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp chỉ phát hiện 1/7 thông số vượt ngưỡng tối đa: E.Coli vượt nhẹ 1,2 lần.

Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Nhà máy nước Vĩnh An (Hồ Trị An)	Đợt 3/2025	M	A	A	A	A	A	B	A	B	B
		G	A	A	A	A	A	A	A	A	B
		Đ	A	A	A	A	A	A	A	A	B
	Đợt 1/2026	M	A	A	A	A	A	B	A	B	B
		G	A	A	A	A	A	B	A	A	A
		Đ	A	A	A	A	A	B	A	A	A
	Đợt 3/2026	M	D	A	A	B	A	B	A	A	A
		G	D	A	A	B	A	B	A	A	A
		Đ	D	A	A	A	A	B	A	A	A

- Chất lượng nước Sông Đồng Môn - tại vị trí Gần Nhà máy nước Formosa (cung cấp nước cho KCN Nhơn Trạch 3 - giai đoạn 1) nhìn chung chưa có dấu hiệu cải thiện rõ rệt so với đợt 01/2026 và cùng kỳ 2025. Kết quả quan trắc đợt 3 cho thấy nồng độ hữu cơ, dinh dưỡng, TSS trong nguồn nước đã có xu hướng giảm so với đợt trước nhưng hàm lượng vi sinh, Tổng Nito vẫn ở mức cao, ảnh hưởng rất xấu đến chất lượng nước tại vị trí này.

Ngoài ra kết quả quan trắc phát hiện 3/8 thông số vượt ngưỡng tối đa ảnh hưởng đến sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp, gồm: E.Coli vượt 23 lần, Amoni vượt 1,2 lần, Sắt vượt 1,4 lần.

Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Gần NMN Formosa (Sông Đồng Môn)	Đợt 3/2025	B	D	B	B	A	D	A	C	D
	Đợt 1/2026	A	D	B	C	B	D	B	A	B
	Đợt 3/2026	A	D	A	C	A	D	A	D	D

2.1.1.2. Chất lượng nước khu vực nuôi thủy sản

- Khu vực nuôi cá bè trên sông Đồng Nai (tại 04 vị trí Hợp lưu suối Sắn Máu, Giữa làng cá bè và Hợp lưu suối Linh và Giữa làng cá bè Ba Xê):

Chất lượng nước đợt 3/2026 của các vị trí nuôi cá bè trên sông Đồng Nai đoạn 3 (làng cá bè sông Cái và làng cá bè Ba Xê) nhìn chung vẫn tương đương với đợt trước (đợt 2/2026) và cùng kỳ đợt 3/2025, đều bị ảnh hưởng bởi hàm lượng vi sinh (Coliform, Coliform chịu nhiệt) ở mức từ C đến D, ngoài ra nồng độ DO trong nước thường xuyên xuống thấp, phổ biến ở mức D. Tình trạng ô nhiễm vi sinh trong nguồn nước tại khu vực này chưa được cải thiện. Tại phía bờ trái nơi hợp lưu với các suối Sắn Máu, Tân Mai, Linh và Giữa làng cá bè Ba Xê phát hiện nồng độ Tổng Nito cao hơn các vị trí khác, phổ biến ở mức C. Đặc biệt

mức độ ô nhiễm cao nhất đo được tại phía bờ trái vị trí Giữa làng cá bè, có xu hướng tăng so với đợt trước và cùng kỳ, trong đó nồng độ các thông số hữu cơ (BOD₅, COD, DO), dinh dưỡng (Tổng Nito, Tổng Photpho) và vi sinh (Coliform, Coliform chịu nhiệt) đều ở mức từ C đến D. Ngoài ra còn phát hiện 3/9 thông số vượt ngưỡng ảnh hưởng sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp, cụ thể: E.Coli vượt từ 34,5-1.020 lần, Amoni vượt 1,32 lần, Sắt vượt từ 1,01-2,3 lần.

Điểm	Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Cá bè sông Cái	Hộp lưu suối Săn Máu - SDN	Đợt 3/2025	T	A	D	A	A	A	C	A	D	D
			G	A	C	A	A	A	B	A	D	D
			P	A	D	A	A	A	B	A	D	D
	Giữa làng cá bè		T	A	C	A	A	A	B	A	D	D
			G	A	C	A	A	A	B	A	D	D
			P	A	D	A	A	A	B	A	D	D
	Hộp lưu suối Linh - SDN		T	A	D	A	A	A	B	A	D	D
			G	A	C	A	A	A	B	A	D	D
			P	A	C	A	A	A	B	A	D	D
Cá bè Ba Xê	Giữa làng cá bè Ba Xê		T	A	D	A	A	A	B	A	D	D
			G	A	D	A	A	A	B	A	D	D
			P	A	D	A	A	A	B	A	D	D
Cá bè sông Cái	Hộp lưu suối Săn Máu - SDN	Đợt 2/2026	T	A	D	A	A	A	C	A	D	D
			G	A	C	A	A	A	B	A	D	D
			P	A	C	A	A	A	B	A	D	D
	Giữa làng cá bè		T	A	C	A	A	A	C	A	D	D
			G	A	C	A	A	A	B	A	D	D
			P	A	C	A	A	A	B	A	D	D
	Hộp lưu suối Linh - SDN		T	A	D	A	A	A	C	B	D	D
			G	A	C	A	A	A	B	A	D	D
			P	A	C	A	A	A	B	A	D	D
Cá bè Ba Xê	Giữa làng cá bè Ba Xê		T	A	D	A	A	A	C	A	D	D
			G	A	D	A	A	A	C	A	D	D
			P	A	D	A	A	A	C	A	D	D
Cá bè sông Cái	Hộp lưu suối Săn Máu - SDN	Đợt 3/2026	T	A	D	A	A	A	C	A	D	D
			G	B	C	A	A	A	B	A	D	D
			P	A	D	A	A	A	B	A	D	D
	Giữa làng cá bè		T	A	D	C	D	A	D	C	D	D
			G	B	D	A	A	B	B	A	D	D
			P	A	D	A	A	B	B	A	D	D
	Hộp lưu suối Linh - SDN		T	A	D	A	A	B	C	A	D	D
			G	B	C	A	A	B	B	A	D	D
			P	A	D	A	A	A	B	A	D	D
Cá bè Ba Xê	Giữa làng cá bè Ba Xê		T	B	D	A	A	A	C	A	C	D
			G	B	C	A	A	A	C	A	C	D
			P	B	C	A	A	A	C	A	C	D

- Tại khu vực làng cá bè La Ngà (xã La Ngà):

Kết quả quan trắc đợt 03/2026 nhận thấy nồng độ các chất ô nhiễm tại khu vực làng cá bè La Ngà có chiều hướng giảm so với đợt 02/2026 và cùng kỳ đợt 3/2025, phần lớn các thông số phân loại chất lượng nước có giá trị ở mức từ A đến B. Chất lượng nước bị ảnh hưởng chủ yếu bởi nồng độ DO giảm xuống ở mức C và D tại một số vị trí (Vị trí tiếp nhận nước từ KXLCTR Đa Lộc, Trước cầu La Ngà, Cách cầu La Ngà 1,5km về phía hạ lưu), ngoài ra tại vị trí Hợp lưu suối Tam Bung-sông La Ngà phát hiện nồng độ Tổng Nito ở mức C, cao nhất toàn đoạn và có xu hướng giảm dần theo chiều dòng chảy về phía hạ lưu của cầu La Ngà, trước khi đổ vào hồ Trị An.

Đối với nhóm thông số ảnh hưởng sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp, trong đợt 3 phát hiện 2/8 thông số vượt ngưỡng tối đa: E.Coli vượt từ 1,05-10,5 lần, Sắt vượt 1,08 lần.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Cá bè La Ngà	Hợp lưu suối Tam Bung-sông La Ngà	Đợt 3/2025	A	A	A	B	A	D	A	B	C
	Vị trí tiếp nhận nước từ KXLCTR Đa Lộc		A	A	A	B	A	C	A	A	B
	Trước cầu La Ngà		B	A	A	A	A	B	A	A	A
	Cầu La Ngà		A	A	A	B	A	C	A	B	B
	Cách cầu La Ngà 1,5km về phía hạ lưu		B	A	A	A	A	B	A	B	B
	Hợp lưu suối Tam Bung-sông La Ngà	Đợt 2/2026	A	A	C	D	A	B	A	D	D
	Vị trí tiếp nhận nước từ KXLCTR Đa Lộc		A	B	B	D	A	B	A	D	D
	Trước cầu La Ngà		A	A	A	B	A	B	A	D	D
	Cầu La Ngà		A	A	B	C	A	B	A	C	D
	Cách cầu La Ngà 1,5km về phía hạ lưu		A	B	C	D	A	B	A	B	A
	Hợp lưu suối Tam Bung-sông La Ngà	Đợt 3/2026	A	B	A	A	A	C	A	A	A
	Vị trí tiếp nhận nước từ KXLCTR Đa Lộc		A	D	A	A	A	B	A	B	B
	Trước cầu La Ngà		A	C	A	A	A	B	A	B	B
	Cầu La Ngà		A	B	A	A	A	B	A	A	A
	Cách cầu La Ngà 1,5km về phía hạ lưu		A	C	A	A	A	B	A	B	B

- Chất lượng nước mặt đợt 3/2026 tại khu vực nuôi hàu trên Sông Bà Hào (xã Phước An) có chiều hướng cải thiện so với đợt 01/2026 và cùng kỳ năm 2025. Kết quả quan trắc nhận thấy chất lượng nước tại khu vực này bị ảnh hưởng bởi hàm lượng vi sinh (Coliform chịu nhiệt) tại một vài vị trí, ngoài ra nồng độ Tổng

Nito có xu hướng tăng dần theo chiều dòng chảy và đo được ở mức C tại vị trí Hợp lưu Sông Bà Hào - Sông Gò Gia.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	TOC	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông Bà Hào	HL Sông Đồng Kho - S. Bà Hào	Đợt 3/2025	A	B	A	A	A	B	A	B	C
	HL sông Bà Hào - Rạch Tắc Hồng		A	C	A	A	A	B	A	B	B
	Sông Bà Hào		A	B	A	A	A	B	A	C	D
	HL Sông Bà Hào - Sông Gò Gia		A	B	A	A	A	B	A	B	C
	HL Sông Đồng Kho - S. Bà Hào	Đợt 1/2026	A	A	A	A	A	B	A	B	D
	HL sông Bà Hào - Rạch Tắc Hồng		A	B	B	A	A	B	B	C	D
	Sông Bà Hào		A	B	A	A	A	B	A	B	D
	HL Sông Bà Hào - Sông Gò Gia		A	B	A	A	A	B	A	C	D
	HL Sông Đồng Kho - S. Bà Hào	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	B	A	B	D
	HL sông Bà Hào - Rạch Tắc Hồng		A	A	A	A	A	B	A	B	B
	Sông Bà Hào		A	A	A	A	A	B	A	B	B
	HL Sông Bà Hào - Sông Gò Gia		A	A	A	A	A	C	A	B	C

- Chất lượng nước khu vực nuôi tôm tại Rạch Tràm, Rạch Tắc Le Le và Rạch Vũng Gấm (xã Phước An) đợt 3/2026 có chiều hướng cải thiện so với đợt 01/2026 và đợt 3/2025, nồng độ hữu cơ (BOD₅, TOC), dinh dưỡng (Tổng Nito, Tổng Photpho) và TSS nhìn chung giảm so với đợt trước liền kề và cùng kỳ năm 2025. Kết quả quan trắc cho thấy hầu hết các thông số phân loại chất lượng nước ở mức A và B, chỉ phát hiện hàm lượng Coliform chịu nhiệt ở mức C tại rạch Vũng Gấm và rạch Tràm, nồng độ DO tại rạch Vũng Gấm cũng đo được ở mức C, thấp hơn so với các vị trí khác. Do đó chất lượng nước rạch Tắc Le Le tốt hơn so với 2 vị trí còn lại.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	TOC	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Dự án nuôi tôm thâm canh xã Phước An	Rạch Tắc Le Le	Đợt 3/2025	A	A	C	C	B	B	A	D	D
	Rạch Vũng Gấm		A	A	B	A	C	B	B	B	B
	Rạch Tràm		A	A	C	D	B	B	A	C	D
	Rạch Tắc Le Le	Đợt 1/2026	A	B	C	C	B	C	A	A	B
	Rạch Vũng Gấm		A	A	B	B	C	D	B	A	A
	Rạch Tràm		A	A	C	C	A	D	C	A	B
	Rạch Tắc Le Le	Đợt 3/2026	A	A	A	A	B	B	A	B	B
	Rạch Vũng Gấm		A	C	A	A	B	B	A	B	C
	Rạch Tràm		A	B	A	A	B	B	A	B	C

- Chất lượng nước tại khu vực nuôi tôm càng xanh xã Tân Phú đợt 3/2026 tương đương với đợt 01/2026 và cùng kỳ đợt 3/2025. Theo kết quả quan trắc đợt 3, hàm lượng vi sinh đã có chiều hướng giảm so với đợt trước liền kề, tuy nhiên nồng độ Tổng Nito tiếp tục phát hiện ở mức D, cùng với nồng độ COD trong nước

có xu hướng tăng đến mức C và D gây ảnh hưởng rất xấu đến chất lượng nước khu vực này.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Khu vực nuôi tôm càng xanh xã Tân Phú	Đập Suối Mọi (Đầu vào)	Đợt 3/2025	A	A	A	A	A	D	A	B	C
	Đầu ra khu vực nuôi tôm		A	A	A	A	A	D	A	C	D
	Đập Suối Mọi (Đầu vào)	Đợt 1/2026	A	A	A	A	A	D	A	D	D
	Đầu ra khu vực nuôi tôm		A	A	B	B	A	D	A	A	B
	Đập Suối Mọi (Đầu vào)	Đợt 3/2026	A	A	B	C	A	D	A	B	B
	Đầu ra khu vực nuôi tôm		A	A	C	D	A	D	A	A	B

2.1.1.3. Đối với các khu vực giáp ranh

- Tại khu vực giáp ranh với tỉnh Lâm Đồng (*Lưu vực sông Đa Hoai quan trắc 02 vị trí Sông Đa Hoai và Suối Đa Guy - lưu vực sông Đa Hoai bắt nguồn từ tỉnh Lâm Đồng sau khi chảy qua địa phận giáp ranh giữa 2 tỉnh thuộc khu vực xã Nam Cát Tiên, Tp. Đồng Nai và xã ĐaTĩnh, tỉnh Lâm Đồng, hợp lưu cùng với nhánh suối Đa Guy giáp ranh xã Đa Hoai, tỉnh Lâm Đồng sau đó cùng chảy về sông Đồng Nai đoạn 1*):

Chất lượng nước mặt đợt 3/2026 của sông Đa Hoai và suối Đa Guy nhìn chung có chiều hướng cải thiện so với đợt 01/2026 do hàm lượng vi sinh trong nước giảm mạnh, tuy nhiên so với cùng kỳ đợt 3/2025 suối Đa Guy có chất lượng nước tương đương còn chất lượng nước sông Đa Hoai có chiều hướng giảm do TSS và Tổng Nito đều có xu hướng tăng. Kết quả quan trắc đợt 3 cho thấy chất lượng nước suối Đa Guy tốt hơn tại sông Đa Hoai với các thông số thuộc nhóm phân loại chất lượng nước đều đạt mức từ A đến B, trong khi tại sông Đa Hoai chất lượng nước bị ảnh hưởng bởi TSS và Tổng Nito phát hiện ở mức C. Ngoài ra còn phát hiện 2/7 thông số thuộc nhóm thông số ảnh hưởng đến sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp vượt ngưỡng tối đa, gồm: E.Coli vượt từ 3,9-5,5 lần, Sắt vượt từ 2,12-3,9 lần.

Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Suối Đa Guy	Đợt 3/2025	B	A	A	A	A	B	A	B	B
Sông Đa Hoai		A	A	A	A	A	B	A	B	B
Suối Đa Guy	Đợt 1/2026	A	A	A	B	A	B	A	C	D
Sông Đa Hoai		A	A	A	A	A	B	A	D	D
Suối Đa Guy	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	B	A	B	B
Sông Đa Hoai		A	A	A	A	C	C	A	B	B

- Tại khu vực giáp ranh với tỉnh Lâm Đồng - trước đây là tỉnh Bình Thuận (*suối Sông Ui- vị trí tiếp nhận nước từ Bình Thuận thuộc nhánh sông Giêng nằm*

trên địa bàn tỉnh Bình Thuận sau khi hợp lưu với nhánh suối Rùa, suối Gia Ui nằm trên địa bàn Đồng Nai và vị trí tiếp nhận sau hồ H4 tại vị trí cuối sau Nhà máy cùn Tùng Lâm 500 mét, sau đó nguồn nước sẽ chảy ngược về phía tỉnh Bình Thuận (sông Giêng) cách vị trí cuối khoảng 200m):

Kết quả quan trắc đợt 3/2026 tại suối Sông Ui tiếp tục phát hiện ô nhiễm dinh dưỡng, hữu cơ, vi sinh với nồng độ BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Coliform và Coliform chịu nhiệt có giá trị ở mức từ C đến D phổ biến tại hầu hết các vị trí. Nồng độ các chất ô nhiễm có xu hướng cao hơn tại 2 vị trí cuối nguồn bên phía Đồng Nai (Tiếp nhận nước từ hồ H4, Sau nhà máy cùn Tùng Lâm 500m), đặc biệt nồng độ COD và Tổng Nito tại 2 vị trí này vượt ngưỡng mức D nhiều lần. So với đợt 01/2026 chất lượng nước tại khu vực này có chiều hướng giảm. So với cùng kỳ năm 2025, nhìn chung chất lượng nước có chiều hướng cải thiện tại 2 vị trí đầu nguồn (Trước hợp lưu suối Sông Ui - suối Rùa, Cầu sông Ui) nhưng giảm tại 2 vị trí cuối nguồn trước khi chảy sang địa phận tỉnh Bình Thuận.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Suối Sông Ui	Trước HL s. Sông Ui-s. Rùa	Đợt 3/2025	A	A	D	D	A	D	D	B	B
	Cầu sông Ui		A	A	D	D	C	D	D	B	B
	Tiếp nhận nước từ hồ H4		B	B	C	D	A	D	D	C	D
	Sau nhà máy cùn Tùng Lâm 500m		A	A	B	D	A	D	C	B	B
	Trước HL s. Sông Ui-s. Rùa	Đợt 1/2026	A	B	A	A	A	D	B	B	C
	Cầu sông Ui		A	B	A	B	A	D	A	D	D
	Tiếp nhận nước từ hồ H4		A	B	B	C	B	D	D	D	D
	Sau nhà máy cùn Tùng Lâm 500m		A	B	B	D	B	D	D	C	D
	Trước HL s. Sông Ui-s. Rùa	Đợt 3/2026	A	A	C	D	A	D	D	C	D
	Cầu sông Ui		A	A	B	C	B	D	B	C	D
	Tiếp nhận nước từ hồ H4		A	A	D	D	A	D	D	D	D
	Sau nhà máy cùn Tùng Lâm 500m		A	A	D	D	A	D	D	B	B

- Tại khu vực giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh - trước đây là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Suối Chà Răng, Sông Ray):

+ Suối Chà Răng (thượng nguồn suối Chà Răng là ranh giới giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tp.HCM) và Đồng Nai dài khoảng 3km. Đến vị trí giáp ranh xã Xuân Mỹ - xã Châu Đức thì tiếp nhận nước suối Cạn dài khoảng 1,2 km, đoạn chảy song song Khu xử lý chất thải rắn xã Xuân Mỹ, vị trí cách KXL khoảng 200m. Nguồn nước được dẫn qua khu dân cư Cù Bị 1 (tại cầu Cù Bị 1), tiếp tục qua khu dân cư Cù Bị 2 (vị trí cuối, thuộc địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu- nay là

Tp Hồ Chí Minh và cách vị trí Hợp lưu khoảng 6km, đến suối Sông Xoài hướng về phía hồ Đá Đen):

Chất lượng nước suối Chà Răng vẫn đang trong tình trạng ô nhiễm khá nghiêm trọng. Kết quả quan trắc đợt 03/2026 tại khu vực này tiếp tục phát hiện nồng độ hữu cơ (BOD₅, COD), dinh dưỡng (Tổng Nito, Tổng Photpho) và vi sinh (Coliform, Coliform chịu nhiệt) có giá trị mức D tại cả 3 vị trí quan trắc, trong đó nồng độ Tổng Nito vượt xa ngưỡng mức D nhiều lần. So với đợt 01/2026 và cùng kỳ năm 2025 chất lượng nước suối Chà Răng chưa có chuyển biến đáng kể, tuy nhiên nồng độ các chất ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng nhìn chung đã có xu hướng cải thiện nhẹ so với đợt cùng kỳ, nhất là tại vị trí Sau khu dân cư Cù Bị.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Suối Chà Răng	Suối Cạn (sau KXL CTR Xuân Mỹ)	Đợt 3/2025	A	D	A	A	A	D	C	C	D
	HL Suối Cạn - Suối Chà Răng		A	C	C	C	A	D	D	B	C
	Sau khu dân cư Cù Bị		A	D	D	D	B	D	D	C	C
	Suối Cạn (sau KXL CTR Xuân Mỹ)	Đợt 1/2026	A	C	C	D	B	D	D	B	C
	HL Suối Cạn - Suối Chà Răng		A	A	B	C	A	D	B	B	D
	Sau khu dân cư Cù Bị		A	B	D	D	A	D	D	C	D
	Suối Cạn (sau KXL CTR Xuân Mỹ)	Đợt 3/2026	A	D	D	D	B	D	D	D	D
	HL Suối Cạn - Suối Chà Răng		A	D	D	D	B	D	D	D	D
	Sau khu dân cư Cù Bị		A	C	D	D	B	D	D	D	D

+ Sông Ray (*được bắt nguồn từ xã Xuân Hòa, chảy theo hướng Tây Nam tới vị trí gần Hồ Sông Ray và giáp ranh xã Châu Đức, Tp. Hồ Chí Minh*):

Chất lượng nước sông Ray đợt 03/2026 nhìn chung tương đương đợt 01/2026 và cùng kỳ đợt 03/2025. Kết quả quan trắc đợt 3 tiếp tục phát hiện nồng độ Tổng Nito ở mức D tại cả 3 vị trí, cao nhất tại Cầu Lang Minh, tuy nhiên ghi nhận nồng độ các chất ô nhiễm trong nguồn nước đã có chiều hướng giảm so với cùng kỳ năm 2025 và tương đương với đợt 01/2026.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông Ray	Cầu Sông Ray	Đợt 3/2025	A	A	B	C	A	D	B	B	C
	Cầu Lang Minh		A	C	B	C	A	D	B	C	D
	Gần hồ Sông Ray		A	A	B	C	A	D	B	D	D
	Cầu Sông Ray	Đợt 1/2026	A	A	A	B	A	D	C	B	C
	Cầu Lang Minh		A	B	A	B	B	D	C	B	B
	Gần hồ Sông Ray		A	B	A	B	A	D	A	C	C
	Cầu Sông Ray	Đợt 3/2026	A	A	A	B	A	D	B	B	C
	Cầu Lang Minh		A	B	A	B	A	D	C	B	C
	Gần hồ Sông Ray		A	A	A	A	A	D	A	B	B

- Tại khu vực giáp ranh với Thành phố Hồ Chí Minh (Suối Siệp có chiều dài khoảng 4,5km được bắt nguồn từ phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, có chiều dài khoảng 1,5km, sau đó chảy qua địa phận phường Biên Hòa rồi chảy ra sông Đồng Nai tại cầu Tân Vạn):

Chất lượng nước suối Siệp đợt 3/2026 nhận thấy chưa có dấu hiệu cải thiện qua các đợt quan trắc. Kết quả quan trắc cho thấy nồng độ các chất hữu cơ, dinh dưỡng và vi sinh vượt ngưỡng mức D nhiều lần, có xu hướng tăng so với đợt 01/2026 nhưng ghi nhận có chiều hướng giảm so với cùng kỳ năm 2025, ngoài ra các độc chất thường phát hiện vượt ngưỡng ảnh hưởng sức khỏe con người trong các đợt trước như Tổng phenol, chất hoạt động bề mặt cũng đã có chiều hướng giảm xuống dưới ngưỡng quy chuẩn.

Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Cầu suối Siệp (Suối Siệp)	Đợt 3/2025	A	C	D	D	B	D	D	D	D
	Đợt 1/2026	A	D	D	D	B	D	D	D	D
	Đợt 3/2026	A	C	D	D	B	D	D	D	D

2.1.1.4. Chất lượng nước mặt các sông suối khác trên địa bàn tỉnh

(1) Thượng nguồn sông Đồng Nai (suối Đaklua, xã Đaklua)

Chất lượng nước suối Đaklua đợt 3/2026 tương đương với đợt 01/2026 nhưng có chiều hướng giảm so với đợt 3/2025. Chất lượng nước bị ảnh hưởng bởi nồng độ COD, TSS có giá trị ở mức C và Tổng Nito xấp xỉ ở ngưỡng mức D. Kết quả quan trắc cho thấy nồng độ hữu cơ, dinh dưỡng có xu hướng tăng so với đợt trước đó và cùng kỳ tuy nhiên nồng độ vi sinh đã giảm đáng kể. Đối với nhóm thông số ảnh hưởng sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp, kết quả quan trắc phát hiện 2/7 thông số vượt ngưỡng tối đa: E.Coli vượt 5,5 lần, Sắt vượt 4,2 lần.

Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Suối Đaklua	Đợt 3/2025	A	A	A	A	A	A	A	B	B
	Đợt 1/2026	A	A	A	B	A	B	A	D	D
	Đợt 3/2026	A	A	B	C	C	D	A	B	B

(2) Trung lưu sông Đồng Nai (xã Nam Cát Tiên, xã Định Quán, xã Đaklua và xã Thanh Sơn)

Chất lượng nước đợt 3/2026 của sông Đồng Nai đoạn 1 quan trắc tại 02 vị trí Xã Nam Cát Tiên và Bến đò 107 có chiều hướng cải thiện so với đợt 01/2026 và tương đương cùng kỳ đợt 03/2025. Hầu hết các thông số chất lượng nước tại khu vực này có giá trị ở mức thấp từ A đến B, có xu hướng tăng nhẹ về phía hạ lưu, riêng phía bờ trái Bến đò 107 đo được nồng độ Tổng Nito ở mức C, cao hơn các vị trí khác. Đối với nhóm thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người khi sử

dụng trực tiếp phát hiện 2/7 thông số vượt ngưỡng tối đa: E.Coli vượt từ 3,4-6,5 lần, Sắt vượt từ 1,1-1,3 lần (xã Nam Cát Tiên).

Tại các vị trí chi lưu của sông Đồng Nai đoạn 1, chất lượng nước đợt 3/2026 có chiều hướng cải thiện tại suối Cầu Vắt, giảm tại suối Bún và tương đương tại suối ĐarTop so với đợt 01/2026 và cùng kỳ năm 2025.

Kết quả quan trắc đợt 3 ghi nhận tình trạng ô nhiễm tại suối Bún cao nhất trong tiểu lưu vực Trung lưu sông Đồng Nai, với nồng độ Tổng Nito có giá trị ở mức D, COD ở mức C. Tại suối Cầu Vắt nồng độ Tổng Nito xấp xỉ ngưỡng mức D, còn tại suối ĐarTop nồng độ TSS ở mức C, tăng cao bất thường so với đợt trước và cùng kỳ.

Điểm	Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông Đồng Nai đoạn 01	Bến đò Nam Cát Tiên	Đợt 3/2026	T	A	A	A	A	A	B	A	A	B
			G	A	A	A	A	A	B	A	A	A
			P	A	A	A	A	A	B	A	A	B
	Bến đò 107		T	A	A	A	A	A	C	A	B	B
			G	A	A	A	A	A	B	A	A	B
			P	A	A	A	A	A	B	A	A	B
Suối ĐarTop	Cầu C3			A	A	A	B	C	B	A	A	B
Suối Bún	Cầu suối Bún			A	A	B	C	A	D	B	C	D
Suối Cầu Vắt	Cầu Vác			A	A	A	A	A	D	A	B	B

(3) Lưu vực sông Sa Mách (xã Phú Lý)

Chất lượng nước lưu vực sông Sa Mách đợt 3/2026 tương đương đợt 01/2026 và cùng kỳ năm 2025. Kết quả quan trắc tiếp tục phát hiện nồng độ Tổng Nito ở mức D, tăng nhẹ so với đợt liền kề trước đó và cùng kỳ năm 2025, các thông số chất lượng nước còn lại có giá trị ở mức thấp từ A đến B. Đối với nhóm thông số ảnh hưởng sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp, phát hiện 2/7 thông số vượt ngưỡng gồm: E.Coli vượt 6,5 lần, Sắt vượt 2,7 lần.

Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Suối Sa Mách	Đợt 3/2025	A	A	A	A	A	D	A	D	D
	Đợt 1/2026	B	A	A	A	A	D	A	D	D
	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	D	A	B	B

(4) Lưu vực sông Mã Đà - sông Bé (phường Trị An)

Chất lượng nước lưu vực sông Mã Đà - sông Bé đợt 03/2026 có chiều hướng cải thiện so với đợt 01/2026 và tương đương đợt 3/2025. Kết quả quan trắc cho thấy nguồn nước sông Bé có hàm lượng TSS khá cao do lượng phù sa từ phía thượng nguồn kéo về, tại sông Mã Đà và hồ Bà Hào tiếp tục đo được nồng độ Tổng Nito ở mức D là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến chất lượng nước. Hàm lượng vi sinh cao nhất tại vị trí Hợp lưu sông Bé - sông Mã Đà. Nguồn nước không

phù hợp sử dụng trực tiếp do phát hiện E.Coli vượt từ 3,9-10,5 lần, Sắt vượt từ 2,04-4,0 lần.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông Bé	Hợp lưu S. Bé - S. Mã Đà	Đợt 3/2025	A	A	A	A	A	C	B	B	C
	Cách hợp lưu S. Bé - S. Đồng Nai 400m về phía thượng lưu		B	A	A	A	A	C	B	B	B
Sông Mã Đà	Gần trạm Rang Rang - Chiến khu D		A	A	A	A	A	D	A	D	D
Hồ Bà Hào	Trong Chiến khu D		A	A	C	D	B	D	A	B	B
Sông Bé	Hợp lưu S. Bé - S. Mã Đà	Đợt 1/2026	A	A	A	B	C	B	A	D	D
	Cách hợp lưu S. Bé - S. Đồng Nai 400m về phía thượng lưu		A	A	A	B	B	B	A	B	C
Sông Mã Đà	Gần trạm Rang Rang - Chiến khu D		A	A	A	A	A	D	A	D	D
Hồ Bà Hào	Trong Chiến khu D		A	A	C	C	B	D	A	D	D
Sông Bé	Hợp lưu S. Bé - S. Mã Đà	Đợt 3/2026	A	A	A	B	C	B	A	C	C
	Cách hợp lưu S. Bé - S. Đồng Nai 400m về phía thượng lưu		A	A	A	B	C	B	A	B	B
Sông Mã Đà	Gần trạm Rang Rang - Chiến khu D		A	A	A	A	A	D	A	A	B
Hồ Bà Hào	Trong Chiến khu D		A	A	A	B	B	D	A	A	A

(5) Lưu vực Lòng hồ Trị An (xã La Ngà, xã Định Quán và xã Thống Nhất)

Tại khu vực hồ Trị An, chất lượng nước đợt 03/2026 có chiều hướng giảm so với đợt 01/2026 và cùng kỳ năm 2025. Kết quả quan trắc đợt 3 ghi nhận hầu hết các thông số chất lượng nước tại các vị trí trên hồ Trị An có giá trị ở mức từ A đến B, riêng khu vực Gần nhà máy nước Vĩnh An tại thời điểm thu mẫu đo được giá trị pH ở mức D, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước tại vị trí này. Thời điểm thu mẫu đợt 3 thực hiện trong thời tiết nắng nóng, tạo điều kiện thuận lợi cho tảo phát triển, kéo theo pH nguồn nước có xu hướng tăng lên. Đối với nhóm thông số ảnh hưởng đến sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp, chỉ phát hiện 1/7 thông số vượt ngưỡng tối đa: E.Coli vượt từ 1,05-7 lần.

Tại suối Gia Tân tình trạng ô nhiễm được phát hiện với các thông số hữu cơ (BOD₅, COD), dinh dưỡng (Tổng Nito, Tổng Photpho) và vi sinh (Coliform, Coliform chịu nhiệt) đều ở mức cao từ C đến D. Chất lượng nước tương đương với đợt 01/2026 và cùng kỳ đợt 03/2025.

Điểm	Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Suối Gia Tân	Cầu Đức Huy	Đợt 3/2026		A	B	C	D	B	D	D	D	D
Hồ Trị An	Cửa sông Đồng Nai đổ vào		M	A	B	A	A	A	B	A	B	B
			G	A	A	A	A	A	B	A	B	B
			Đ	A	B	A	A	A	B	A	B	B
	Xã La Ngà-xóm Bến Cá		M	A	A	A	A	A	B	A	B	B
			G	A	A	A	A	A	B	A	B	B
			Đ	A	A	A	A	A	B	A	B	B
			M	A	A	A	A	A	B	A	A	B

Điểm	Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
	Xã Thống Nhất		G	A	A	A	A	A	B	A	A	B
			Đ	A	A	A	A	A	B	A	A	A
	Giữa hồ lớn		M	A	A	A	B	A	B	A	A	A
			G	A	A	A	A	A	B	A	A	A
			Đ	A	A	A	A	A	B	A	A	A
	Gần đảo Ó		M	A	A	A	A	A	B	A	A	B
			G	A	A	A	A	A	B	A	A	B
			Đ	D	A	A	A	A	B	A	A	B
	Nhà máy nước Vĩnh An		M	D	A	A	B	A	B	A	A	A
			G	D	A	A	B	A	B	A	A	A
			Đ	D	A	A	A	A	B	A	A	A
	Gần Chiến khu D		M	A	A	A	A	A	B	A	A	B
			G	A	A	A	A	A	B	A	A	B
			Đ	A	A	A	A	A	B	A	A	A
	Gần hồ nhỏ		M	A	A	A	A	A	B	A	A	B
			G	A	A	A	A	A	B	A	A	A
			Đ	A	A	A	A	A	B	A	A	A
	Gần cửa đập Trị An		M	A	A	A	A	A	B	A	A	A
			G	A	A	A	A	A	B	A	A	A
			Đ	A	A	A	A	A	B	A	A	A

(6) Lưu vực sông La Ngà

Chất lượng nước sông La Ngà đợt 03/2026 có chiều hướng giảm so với đợt 01/2026 và cùng kỳ năm 2025, tại các vị trí suối phụ lưu nhìn chung có chất lượng tương đương đợt 01/2026 và cùng kỳ.

Kết quả quan trắc đợt 03/2026 cho thấy chất lượng nước sông La Ngà bị ảnh hưởng chủ yếu bởi nồng độ Coliform chịu nhiệt ở mức từ C đến D, ngoài ra nồng độ COD và Tổng Nito có xu hướng tăng nhẹ về phía cuối nguồn, có giá trị đo được ở mức C.

Tại các suối chi lưu của lưu vực sông La Ngà trong đợt 03 tiếp tục phát hiện ô nhiễm với nồng độ Tổng Nito và vi sinh phổ biến ở mức C và D tại hầu hết các suối, trong đó suối Cải và suối Chồn tiếp tục là các vị trí phát hiện nồng độ Tổng Nito cao nhất. Ngoài ra tại các suối Gia Huỳnh, suối Tam Bung, cống 3 Miệng và khu vực nuôi tôm càng xanh phường Tân Phú, nồng độ hữu cơ cũng thường xuyên đo được ở mức cao. Vị trí cống 3 Miệng trong đợt 3 được ghi nhận có tình trạng ô nhiễm hữu cơ cao nhất với nồng độ BOD₅, COD có giá trị vượt ngưỡng mức D nhiều lần.

Tại các hồ thuộc lưu vực sông La Ngà, chất lượng nước đợt 03/2026 tại hồ Đa Tôn và hồ Cầu Dầu tương đối tốt với nhóm thông số chất lượng nước có giá trị phổ biến ở mức A và B. Chất lượng nước hồ Bàu Ngựa đợt 3 có dấu hiệu nhiễm hữu cơ, trong đó nồng độ BOD₅ ở mức C và nồng độ COD ở mức D. Tại hồ suối

Tre hàm lượng vi sinh trong nguồn nước chưa có dấu hiệu cải thiện, kết quả quan trắc tiếp tục đo được thông số Coliform và Coliform chịu nhiệt ở mức D.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông La Ngà	xã Phú Lâm	Đợt 3/2026	A	A	B	B	B	B	A	B	D
	xã Định Quán		A	A	B	C	B	B	A	B	C
	Sau thác Trời		A	A	B	C	B	C	A	B	C
Suối Chồn	Cầu Bình Lộc		A	A	A	B	A	D	B	D	D
	Cầu suối Chồn		A	A	A	A	A	D	B	D	D
Suối Cải	Suối Cải		A	A	B	B	A	D	B	D	D
Suối Gia Huỳnh	Cầu Gia Huỳnh		A	A	C	D	C	D	D	D	D
Suối Tam Bung	Suối Tam Bung		A	B	C	D	B	D	D	D	D
	Cầu số 1 - suối Tam Bung		A	A	B	C	A	D	C	C	C
Cổng 3 Miếng	Cổng 3 Miếng		A	C	D	D	B	D	B	D	C
Khu vực nuôi tôm càng xanh xã Tân Phú	Đập Suối Mọi (Đầu vào)		A	A	B	C	A	D	A	B	B
	Đầu ra khu vực nuôi tôm		A	A	C	D	A	D	A	A	B
Hồ Bàu Ngựa	Hồ Bàu Ngựa		A	A	C	D	B	B	A	B	B
Hồ Đa Tôn	Hồ Đa Tôn		A	A	A	B	A	B	A	B	B
Hồ Suối Tre	Hồ Suối Tre		A	A	A	A	B	A	A	D	D
Hồ Cầu Dầu	Hồ Cầu Dầu		A	C	A	B	B	A	A	B	B

(7) Lưu vực sông Thao

Tại lưu vực sông Thao, chất lượng nước các vị trí quan trắc đợt 03/2026 tương với đợt 01/2026 và cùng kỳ đợt 03/2025. Kết quả quan trắc cho thấy tình trạng ô nhiễm dinh dưỡng, vi sinh hiện diện tại tất cả các vị trí, nồng độ Tổng Nito toàn lưu vực có giá trị ở mức D. Nồng độ các chất ô nhiễm tại các vị trí sông Thao (từ cầu Bàu Xéo đến cầu Rạch Đông) có chiều hướng giảm dần về phía cuối nguồn và nhìn chung thấp hơn các suối và hồ trong lưu vực. Tại suối Địa, Cầu Hai, các hồ Sông Mây, Thanh Niên, Bà Long, Bàu Hàm, nồng độ các chất hữu cơ vẫn duy trì ở mức cao, từ C đến D. Trong đó tình trạng ô nhiễm nguồn nước tại suối Địa cao nhất toàn lưu vực, giá trị các thông số chất lượng nước phổ biến ở mức D, kết quả quan trắc ghi nhận thông số độc chất Tổng phenol vượt ngưỡng ảnh hưởng sức khỏe con người 11,4 lần, có xu hướng tăng so với đợt trước và cùng kỳ.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông Thao	Cầu Bàu Xéo	Đợt 3/2026	A	B	B	B	A	D	B	D	D
	Cầu sông Thao		A	C	A	B	A	D	C	D	D
	Cầu Rạch Đông		A	A	A	A	A	D	A	D	D
Hồ Sông Mây	Đầu vào hồ		A	B	C	D	B	D	A	C	D
	Giữa hồ		A	B	C	D	B	D	A	D	D
	Đầu ra hồ		A	B	C	D	B	D	A	B	D

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Hồ Thanh Niên	Hồ Thanh Niên		A	B	C	D	B	D	A	A	B
Hồ Bà Long	Hồ Bà Long		A	C	C	D	B	D	A	D	D
Hồ Bầu Hầm	Hồ Bầu Hầm		A	D	D	D	C	D	B	D	D

(8) Lưu vực sông Buông

Tại lưu vực sông Buông, chất lượng nước đợt 03/2026 tại các sông suối trong lưu vực vẫn chưa có chiều hướng cải thiện so với đợt 01/2026 và cùng kỳ năm 2025, tình trạng ô nhiễm dinh dưỡng và vi sinh được ghi nhận phổ biến trên toàn lưu vực.

Sông Buông chảy qua địa bàn các khu vực dân cư, đô thị và công nghiệp thuộc các phường Phước Tân, Trảng Bom, Long Hưng và xã Bình An. Kết quả quan trắc đợt 03/2026 phát hiện hàm lượng dinh dưỡng, vi sinh cao, trong đó nồng độ Tổng Nitơ tại cả 4 vị trí đều ở mức D. Nồng độ các chất ô nhiễm cao nhất tại vị trí Cầu sông Buông, thấp nhất tại vị trí cuối nguồn gần hợp lưu với sông Đồng Nai.

Tại các vị trí phụ lưu của sông Buông (suối Bí, suối Cầu Quan, suối Độn), kết quả quan trắc đo được nồng độ Tổng Nito, Coliform và Coliform chịu nhiệt phổ biến ở mức D. Suối Độn và suối Cầu Quan tiếp tục ghi nhận tình trạng ô nhiễm nước mặt cao nhất trong lưu vực và chưa có dấu hiệu cải thiện, tuy nhiên nồng độ độc chất Xyanua tại 2 vị trí này đã giảm so với đợt 01, không còn phát hiện vượt ngưỡng ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông Buông	Cầu trong KDL Giang Điền	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	D	C	D	D
	Cầu An Viễn		A	A	A	A	A	D	B	B	B
	Cầu Sông Buông		A	B	A	B	B	D	C	D	D
	Hợp lưu S. Buông - S. Đồng Nai		A	C	A	A	A	D	A	D	D
Suối Độn	Cầu Suối Độn		A	B	D	D	B	D	D	D	D
Suối Cầu Quan	Suối Cầu Quan		A	D	C	D	A	D	D	D	D
Suối Bí	Cầu Suối Bí		A	A	A	A	A	D	B	D	D
	Cầu số 3		A	A	A	A	A	D	B	C	D

(9) Các sông suối phía Đông Nam Đồng Nai

Chất lượng nước đợt 03/2026 tại các sông suối phía Đông Nam Đồng Nai nhìn chung tương đương với đợt 01/2026 và cùng kỳ đợt 03/2025. Kết quả quan trắc đợt 03 cho thấy nồng độ Tổng Nito vẫn phổ biến ở mức D tại hầu hết các vị trí quan trắc trong lưu vực. Tình trạng ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng cao nhất tập trung tại khu vực suối Chà Răng và suối Sông Ui. Nồng độ TSS tại suối Lạnh ở mức C, khá cao so với các vị trí khác trong lưu vực.

Đối với khu vực các hồ Suối Rạng, Suối Đồi, Giao Thông, Suối Vọng, Núi Le, Gia Ui, Bầu Môn, chất lượng nước nhìn chung bị ảnh hưởng bởi nồng độ Tổng

Nito ở mức D và hàm lượng Coliform chịu nhiệt ở mức từ C đến D, ngoài ra nồng độ COD còn đo được ở mức C tại một số hồ Giao Thông, Suối Vọng, Núi Le và Gia Ui.

Điểm	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông Ray	Cầu Sông Ray	Đợt 3/2026	A	A	A	B	A	D	B	B	C
	Cầu Lang Minh		A	B	A	B	A	D	C	B	C
	Gần hồ Sông Ray		A	A	A	A	A	D	A	B	B
Suối Chà Răng	Suối Cạn (sau KXL CTR Xuân Mỹ)		A	D	D	D	B	D	D	D	D
	HL Suối Cạn - Suối Chà Răng		A	D	D	D	B	D	D	D	D
	Sau khu dân cư Cù Bị		A	C	D	D	B	D	D	D	D
Suối Sông Ui	Trước HL suối Sông Ui - suối Rùa		A	A	C	D	A	D	D	C	D
	Cầu sông Ui		A	A	B	C	B	D	B	C	D
	Tiếp nhận nước từ hồ H4		A	A	D	D	A	D	D	D	D
	Sau nhà máy còn Tàng Lâm 500m		A	A	D	D	A	D	D	B	B
Suối Gia Măng	Trước đập Gia Măng		A	A	A	A	A	D	A	D	D
Suối Rùa	Suối Rùa		A	A	B	B	A	D	B	B	B
Suối Gia Ui	Suối Gia Ui		A	A	A	B	A	D	A	B	C
Suối Lạnh	Suối Lạnh		A	A	B	C	C	D	B	D	D
Suối Thẻ	Cầu Suối Thẻ		A	A	A	A	A	D	B	D	D
Hồ Suối Rạng	Hồ Suối Rạng		A	A	A	B	A	D	A	B	B
Hồ Suối Đồi	Hồ Suối Đồi		A	C	A	A	A	D	A	B	C
Hồ Giao Thông	Hồ Giao Thông		A	A	B	C	B	D	A	C	D
Hồ Suối Vọng	Hồ Suối Vọng		A	A	B	C	B	D	A	B	C
Hồ Núi Le	Hồ Núi Le		A	A	B	C	A	D	A	B	C
Hồ Gia Ui	Hồ Gia Ui		A	A	B	C	A	D	A	B	D
Hồ Bàu Môn	Hồ Bàu Môn		A	D	A	B	B	A	A	D	D

(10) Lưu vực sông Thị Vải

Tại lưu vực sông Thị Vải, chất lượng nước sông Thị Vải đợt 03/2026 có chiều hướng cải thiện so với đợt 01/2026 nhưng có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2025. Chất lượng nước tại khu vực từ Hợp lưu rạch Bà Lý - sông Thị Vải đến Khu vực phao số 23 bị ảnh hưởng chủ yếu bởi nồng độ DO trong nước thấp, phổ biến ở mức C tại hầu hết các vị trí, ngoài ra tại vị trí đầu nguồn Hợp lưu rạch Bà Ký - sông Thị Vải còn phát hiện nồng độ Tổng Nito ở mức C và D. Phía hạ lưu từ Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ đến Khu vực phao số 7 có chất lượng nước tốt hơn, tất cả các thông số chất lượng nước đạt mức từ A đến B. Nhìn chung nồng độ các chất ô nhiễm có xu hướng giảm dần theo chiều dòng chảy từ đầu nguồn đến cuối nguồn sông Thị Vải.

Ngoại trừ sông Bà Hào và Khu vực nuôi tôm thâm canh xã Phước An có chất lượng nước bị ảnh hưởng chủ yếu do hàm lượng vi sinh (Coliform chịu nhiệt) tại một vài vị trí ở mức C và D, tại các suối, rạch phụ lưu còn lại đổ vào thượng nguồn sông Thị Vải tiếp tục phát hiện nồng độ Tổng Nito hầu hết ở mức D. Tình trạng ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng tập trung cao nhất tại rạch Vũng Gấm và rạch Miếu,

trong đó còn phát hiện nồng độ Tổng dầu mỡ vượt 1,2 lần so với ngưỡng quy chuẩn ảnh hưởng tới sức khỏe con người tại rạch Miếu.

Tại cụm hồ Cầu Mới có chất lượng nước tốt hơn các sông suối phụ lưu, nhóm thông số chất lượng nước phổ biến ở mức A và B, tuy nhiên tại hồ Cầu Mới tuyến VI phát hiện nồng độ Tổng Photpho xấp xỉ ngưỡng mức D, cần có biện pháp xử lý phù hợp cho mục đích sinh hoạt.

Ngoài ra tại Công Lò Rèn đợt 03/2026, kết quả quan trắc thông số Florua thấp dưới ngưỡng ảnh hưởng tới sức khỏe con người khi sử dụng trực tiếp ($QCVN_F < 1,0 \text{ mg/l}$), có chiều hướng giảm so với đợt 01/2026 và cùng kỳ năm 2025.

Điểm	Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TOC	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông Thị Vải	Hợp lưu rạch Bà Ký - sông Thị Vải	Đợt 3/2026	T	A	C	A		A	A	D	A	A	A
			G	A	C	A		A	A	C	A	A	A
			P	A	C	A		A	A	C	A	A	A
	Khu vực xã Phước An		T	A	C	A		A	A	B	A	A	A
			G	A	C	A		A	A	B	A	A	A
			P	A	D	A		A	A	B	A	A	A
	Rạch nước lớn Vedan		T	A	C	A		A	A	B	A	B	B
			G	A	C	A		A	A	B	A	A	B
			P	A	C	A		A	A	B	A	B	B
	Cảng Gò Dầu		T	A	C	A		A	A	B	A	A	A
			G	A	B	A		A	A	B	A	A	A
			P	A	C	A		A	A	B	A	A	A
	Khu vực phao số 23		T	A	B	A		A	A	B	A	A	A
			G	A	C	A		A	A	B	A	A	A
			P	A	C	A		A	A	B	A	A	A
	Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ		T	A	A	A		A	A	B	A	A	A
			G	A	B	A		A	A	B	A	A	A
			P	A	B	A		A	A	B	A	A	A
	Khu vực phao số 7		T	A	B	A		A	A	B	A	A	A
			G	A	B	A		A	A	B	A	A	A
			P	A	B	A		A	A	B	A	A	A
Sông Bà Hào	HL Sông Đồng Kho - S. Bà Hào			A	A	A		A	A	B	A	B	D
	HL sông Bà Hào - Rạch Tác Hồng			A	A	A		A	A	B	A	B	B
	Sông Bà Hào			A	A	A		A	A	B	A	B	B
	HL Sông Bà Hào - Sông Gò Gia			A	A	A		A	A	C	A	B	C
Dự án nuôi tôm thâm canh xã Phước An	Rạch Tác Le Le			A	A	A		A	B	B	A	B	B
	Khu vực nuôi tôm siêu thâm canh (Rạch Vũng Gấm)			A	C	A		A	B	B	A	B	C
	Rạch Tràm			A	B	A		A	B	B	A	B	C
Rạch Vũng Gấm	Trước đập Vũng Gấm			A	A	D		D	C	D	C	B	B

Điểm	Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TOC	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Rạch Long Phú	Rạch Long Phú			D	C	B		A	A	D	A	D	D
cổng Lò Rèn	cổng Lò Rèn			A	A	C		B	C	D	D	B	B
Rạch Cái Sinh	Rạch Cái Sinh			A	A	C		C	A	D	B	B	B
Rạch Miễu	Rạch Miễu			A	B	D		C	C	D	D	B	B
Rạch Bà Ký	Rạch Bà Ký			A	A	B	D		B	D	B	B	C
Suối Quýt	Suối Quýt			A	A	A	A		A	C	C	B	B
Suối Trầu	Cầu Quán Tre			A	A	A	B		A	D	A	D	D
Suối Bung Môn	Cầu Bình Sơn			B	A	A	A		A	D	A	C	D
Suối Le	Cầu Thái Thiện			A	A	B	B		A	D	B	C	D
	Cầu Vạc			A	B	C	C		A	D	D	D	D
Suối Cả	Cầu Suối Cả			B	A	B	C		B	D	B	B	B
	Trước đập suối Cả			A	A	A	A		A	D	C	C	C
Hồ cầu Mới tuyến 5	hồ cầu Mới tuyến 5			A	B	A	A		A	B	B	A	B
Hồ cầu Mới tuyến 6	hồ cầu Mới tuyến 6			A	B	A	A		A	A	D	A	B

(11) Lưu vực hạ lưu sông Đồng Nai

- Tại Sông Đồng Nai đoạn 2: Chất lượng nước đợt 03/2026 có chiều hướng cải thiện so với đợt 01/2026 và cùng kỳ đợt 03/2025. Kết quả quan trắc chất lượng nước sông Đồng Nai đoạn 2 cho thấy giá trị nhóm thông số phân loại chất lượng nước phổ biến ở mức A và B tại các vị trí, ngoại trừ bờ phải vị trí Cách hợp lưu sông Bé – SDN 500m về phía hạ lưu đo được nồng độ TSS ở mức C do tiếp nhận nguồn nước từ sông Bé. Nhìn chung nồng độ các chất hữu cơ, dinh dưỡng và vi sinh có xu hướng tăng nhẹ theo chiều dòng chảy về phía cuối nguồn. Đối với nhóm thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người, phát hiện 2/8 thông số vượt ngưỡng quy chuẩn: E.Coli vượt từ 3,4-8,5 lần, Sắt vượt từ 1,04-1,3 lần.

Tại các phụ lưu của sông Đồng Nai đoạn 2 (gồm Cầu Tân Trạch, cống Ông Hoàng, suối Đá Bàn, hồ Mo Nang), môi trường nước thường xuyên trong tình trạng ô nhiễm hữu cơ, chất lượng nước chưa có chiều hướng cải thiện. Kết quả quan trắc cho thấy hàm lượng các chất hữu cơ (BOD₅, COD), dinh dưỡng (Tổng Nito, Tổng Photpho) và vi sinh (Coliform, Coliform chịu nhiệt) tại các vị trí thường xuyên có giá trị ở mức từ C đến D. Trong đợt 03/2026 tại cống Ông Hoàng ghi nhận tình trạng ô nhiễm nguồn nước cao nhất, đồng thời phát hiện nồng độ độc chất Tổng phenol vượt ngưỡng ảnh hưởng sức khỏe con người 14,4 lần.

Điểm	Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông Đồng Nai đoạn 2	Hợp lưu Sông Bé – SDN	Đợt 3/2026	T	A	A	A	A	A	B	A	A	B
			G	A	A	A	A	A	B	A	A	A
			P	A	A	A	A	B	B	A	B	B
			T	A	A	A	A	A	B	A	B	B

Điểm	Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
	Cách hợp lưu sông Bé – SĐN 500m về phía hạ lưu		G	A	A	A	A	A	B	A	A	A
			P	A	A	A	A	C	B	A	B	A
			T	A	A	A	A	A	B	A	A	B
	Gần NMN Thiện Tân		G	B	A	A	A	A	B	A	B	B
			P	B	A	A	A	A	B	A	A	B
			T	A	A	A	A	A	B	A	B	B
	Bến đò Bà Miêu		G	A	A	A	A	A	B	A	B	B
			P	A	A	A	A	A	B	A	B	B
			T	A	A	A	A	A	B	A	B	B
	Cầu Thanh Hội		G	A	A	A	A	A	B	A	B	B
			P	B	A	A	A	A	B	A	B	B
			T	B	A	A	A	A	B	A	B	B
	Bến đò Biên Hòa - Bửu Long		G	B	A	A	A	A	B	A	B	B
			P	B	A	A	A	A	B	A	B	B
Suối Đá Bàn		Suối Đá Bàn		A	A	D	D	B	D	D	B	B
Cầu Tân Trạch	Cầu Tân Trạch		A	D	D	D	B	D	D	D	D	
Cổng Ông Hường	Cổng Ông Hường		A	D	D	D	C	D	D	D	D	
Hồ Mo Nang	Hồ Mo Nang		A	D	C	D	C	D	B	C	D	

- Tại sông Đồng Nai đoạn 3 (từ cầu Hóa An đến cầu Đồng Nai): Chất lượng nước đợt 03/2026 nhìn chung tương đương so với đợt 02/2026 và cùng kỳ năm 2025. Kết quả quan trắc đợt 03 cho thấy chất lượng nước bị ảnh hưởng chủ yếu bởi hàm lượng vi sinh phổ biến ở mức D và nồng độ DO xuống thấp ở mức từ C đến D tại hầu hết các vị trí. Ngoài ra phía bờ trái vị trí Gần cầu An Hảo cũng phát hiện nồng độ Tổng Nito xấp xỉ ngưỡng mức C. Đối với nhóm thông số ảnh hưởng đến sức khỏe con người phát hiện E.Coli vượt từ 7,0-85 lần, Sắt vượt từ 1,1-3,4 lần so với ngưỡng tối đa.

Tại các suối phụ lưu của sông Đồng Nai đoạn 3 (trên địa bàn thành phố Biên Hòa cũ), chất lượng nước chưa có dấu hiệu cải thiện, tình trạng ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng vẫn tiếp tục hiện diện tại nhiều vị trí, nồng độ các chất ô nhiễm thậm chí còn có xu hướng tăng so với đợt 01/2026 và cùng kỳ tại một số vị trí như suối Linh và suối Săn Máu. Ngoài ra trong đợt 03/2026 còn phát hiện nồng độ Chất hoạt động bề mặt vượt ngưỡng ảnh hưởng sức khỏe con người tại một số vị trí: Cầu số 01 - suối Bà Lúa (Chất HDBM vượt 1,2 lần), suối Săn Máu (Chất HDBM vượt 29,1 lần), suối Tân Mai (Chất HDBM vượt 2,0 lần).

Điểm	Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông Đồng Nai đoạn 3	Cầu Hóa An	Đợt 3/2026	T	B	B	A	A	A	B	A	C	D
			G	B	B	A	A	A	B	A	B	C
			P	B	B	A	A	A	B	A	C	D
	NMN Biên Hòa		T	B	C	A	A	A	B	A	D	D
			G	B	C	A	A	B	B	A	D	D

Điểm	Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
	Cầu Rạch Cát		P	B	C	A	A	A	B	A	D	D
			T	B	C	A	A	B	B	A	D	D
			G	B	C	A	A	B	B	A	C	D
			P	B	C	A	A	B	B	A	D	D
	Cầu Bàu Hòa		T	B	D	A	A	B	B	A	D	D
			G	B	D	A	A	B	B	A	B	D
			P	B	D	A	A	B	B	A	C	D
			T	B	D	A	A	A	C	A	D	D
	Gần cầu An Hảo		G	B	D	A	A	A	B	A	D	D
			P	B	D	A	A	A	B	A	D	D
			T	B	D	A	A	A	B	A	D	D
			G	B	C	A	A	A	B	A	D	D
Cầu Đồng Nai	P	B	C	A	A	B	B	A	C	D		
	Suối Bà Lúa	Cầu số 01 - QL 15		B	D	D	D	A	D	D	D	
	HL suối Bà Lúa - SDN		A	C	C	D	B	D	C	D	D	
	Suối Siệp	Cầu suối Siệp		A	C	D	D	B	D	D	D	
Suối Chùa	Cầu trong KCN Amata		A	B	D	D	B	D	D	D	D	
Suối Linh	Cầu suối Linh		A	D	D	D	B	D	D	D	D	
Suối Sân Máu	Cầu Sân Máu		A	D	D	D	A	D	D	D	D	
Suối Tân Mai	Suối Tân Mai		A	D	D	D	A	D	D	D	D	
Hồ Long Ân	Hồ Long Ân		A	A	B	C	B	D	A	B	C	
Hồ Biên Hùng	Hồ Biên Hùng		A	A	D	D	C	D	B	C	D	

- Tại sông Đồng Nai đoạn 4 (từ khu vực xã An Phước đến khu vực phường Nhơn Trạch) chất lượng nước đợt 03/2026 có chiều hướng giảm so với đợt 01/2026 tuy nhiên đã cải thiện so với cùng kỳ năm 2025. Hàm lượng Coliform chịu nhiệt có giá trị ở mức từ C đến D tại hầu hết các vị trí quan trắc là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến chất lượng nước của sông Đồng Nai đoạn 4, ngoài ra còn đo được nồng độ DO ở mức C trên toàn đoạn. Nhìn chung nồng độ các thông số hữu cơ, dinh dưỡng tại khu vực cuối nguồn tại phường Nhơn Trạch ghi nhận cao hơn so với các vị trí đầu nguồn. Tại sông Đồng Nai đoạn 4 đo được hàm lượng E.Coli vượt từ 11-110 lần, Sắt vượt từ 1,2-8,3 lần so với ngưỡng ảnh hưởng sức khỏe con người nên không phù hợp sử dụng trực tiếp.

Tại các phụ lưu của sông Đồng Nai đoạn 4 (Rạch Bà Chèo, suối Nước Trong, sông Đồng Môn, sông Ông Quế) và các sông phía hạ lưu của sông Đồng Nai, chất lượng nước đợt 03 có chiều hướng giảm so với đợt 01/2026 và cùng kỳ. Kết quả quan trắc cho thấy, ngoại trừ sông Đồng Tranh và sông Gò Gia, tại các vị trí còn lại có nồng độ Tổng Nito đang phổ biến ở mức D. Nồng độ các chất hữu cơ, dinh dưỡng tại các suối, rạch phía đầu nguồn (suối Nước Trong, rạch Bà Chèo, sông Ông Quế, sông Đồng Môn, rạch Bàng) nhận thấy cao hơn so với các sông lớn phía hạ lưu như sông Ông Kèo, Nhà Bè, Lòng Tàu, Đồng Tranh và Gò Gia, trong đó cao nhất tại suối Nước Trong và thấp nhất tại sông Gò Gia.

Điểm	Vị trí	Đợt	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TOC	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Sông Đồng Nai đoạn 4	Gần hợp lưu sông Buông - SDN	Đợt 3/2026	T	A	C	A	A		A	B	B	B	C
			G	A	C	A	A		B	B	A	B	C
			P	A	C	A	A		B	B	A	D	D
	Hợp lưu Rạch Bà Chèo - SDN		T	A	C	A	A		A	B	A	D	D
			G	A	C	A	A		A	B	A	B	D
			P	A	C	A	A		B	B	A	D	D
	Hợp lưu rạch Suối Nước Trong - SDN		T	A	C	A	A		A	B	A	B	D
			G	A	C	A	A		A	B	A	B	D
			P	A	C	A	A		B	B	A	B	C
	Xã Nhơn Trạch		T	A	C	A	C		B	B	B	B	B
			G	A	C	A	A		A	B	A	B	C
			P	A	C	A	B		B	B	A	B	C
Suối Nước Trong	Cầu Nước Trong			A	A	A	B		B	D	B	D	D
	Cầu Ninh Hương			A	A	C	D		B	D	B	B	B
Rạch Bà Chèo	Cầu Ông Định			A	C	C	D		B	D	B	D	D
	HL Rạch Bà Chèo - s.Ông Định			A	C	A	A		A	D	A	D	D
Sông Ông Quế	Sông Ông Quế			B	A	A	B		A	D	A	B	B
Sông Đồng Môn	Cầu Quán Thủ			A	A	A	B		A	D	A	D	D
	Gần NMN Formosa			A	D	A	C		A	D	A	D	D
Rạch Bàng	Rạch Bàng			A	C	B		A	A	D	A	B	B
Sông Ông Kèo	Cầu Phước Lý			A	C	A		A	A	D	A	C	D
	Cổng Ông Kèo			A	B	A		A	A	C	A	B	B
Sông Nhà Bè	Hợp lưu Sông Nhà Bè - Sông Sài Gòn			A	C	A		A	B	D	A	C	D
Sông Lòng Tàu	Gần KCN Ông Kèo			A	A	A		A	B	D	A	B	B
	Xã Đại Phước			A	B	A		A	B	D	A	C	B
Sông Đồng Tranh	Xã Phước An			A	B	A		A	A	B	A	B	C
	Xã Đại Phước			A	C	A		A	B	B	A	B	D
Sông Gò Gia	Xã Phước An			A	B	A		A	A	B	A	A	A
	Cách hợp lưu Sông Gò Gia - Sông Thị Vải 500 m			A	B	A		A	A	B	A	A	A

2.1.2. Khu vực phía Bắc Đồng Nai

2.1.2.1. Lưu vực sông Đồng Nai

Thực hiện chương trình quan trắc lưu vực sông Đồng Nai có 15 điểm, trong đó có 09 điểm quan trắc được so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT tại Bảng 2 - Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước và 06 điểm quan trắc được so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT tại Bảng 3 - Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

Bảng: Vị trí quan trắc thuộc lưu vực sông Đồng Nai

TT	Vị trí	Ký hiệu	Tọa độ		Vị trí	
			X	Y	Trước 01/7/2025	Sau ngày 01/7/2025
1	Sông Đồng Nai, xã Phước Sơn	ĐN1	1286356	612819	xã Thống Nhất	xã Phước Sơn
2	Cầu Tân Hòa, xã Bù Đăng	SĐN1	1304900	607638	xã Đoàn Kết	xã Bù Đăng
3	Cầu Đắc Lập, xã Bù Đăng	SĐN2	1306939	602265	xã Minh Hưng	xã Bù Đăng
4	Cầu Đặc Trầm, xã Phước Sơn	SĐN3	1301000	607841	xã Phước Sơn	xã Phước Sơn
5	Cầu Đắc Wor 2, xã Thọ Sơn	SĐN4	1309569	615793	xã Đồng Nai.	xã Thọ Sơn
6	Hồ nước trắng cỏ Bù Lạch, xã Thọ Sơn	SĐN5	1306072	619950	xã Đồng Nai	xã Thọ Sơn
7	Hồ Sơn Thủy, xã Thọ Sơn	SĐN6	1314247	614883	xã Thọ Sơn	xã Thọ Sơn
8	Hồ nước xã Thọ Sơn	SĐN7	1317275	621943	xã Phước Sơn	xã Phước Sơn
9	Hồ cấp nước xã Bù Đăng	SĐN8	1305370	609051	thị trấn Đức Phong	xã Bù Đăng
10	Cầu Bù Đăng, xã Bù Đăng	SĐN9	1306567	608800	thị trấn Đức Phong	xã Bù Đăng
11	Hồ nước xã Bù Đăng	SĐN10	1304364	601976	xã Minh Hưng	xã Bù Đăng
12	Cầu 38, xã Nghĩa Trung	SĐN11	1300928	598944	xã Đức Liễu	xã Nghĩa Trung
13	Cầu Pan Toong, xã Nghĩa Trung	SĐN12	1294969	594629	xã Đức Liễu	xã Nghĩa Trung
14	Hồ cấp nước xã Nghĩa Trung	SĐN13	1289467	589065	xã Nghĩa Trung	xã Nghĩa Trung
15	Cầu Bù Na 2, xã Nghĩa Trung	SĐN14	1292529	589281	xã Nghĩa Trung	xã Nghĩa Trung

Lưu vực sông Đồng Nai thực hiện quan trắc 06 hồ nước, vị trí cụ thể trình bày dưới bảng sau đây:

STT	Ký hiệu	Vị trí	Ghi chú
1.	SĐN5	Hồ nước trắng cỏ Bù Lạch, xã Thọ Sơn	
2.	SĐN6	Hồ Sơn Thủy, xã Thọ Sơn	
3.	SĐN7	Hồ nước xã Thọ Sơn	
4.	SĐN8	Hồ cấp nước xã Bù Đăng*	Cấp nước sinh hoạt
5.	SĐN10	Hồ nước xã Bù Đăng	
6.	SĐN13	Hồ cấp nước xã Nghĩa Trung*	Cấp nước sinh hoạt

Bảng: Kết quả quan trắc chất lượng nước tại các hồ

TT	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
1.	Hồ nước trắng cỏ Bù Lạch, xã Thọ Sơn	Đợt 3/2026	A	A	B	B	C	B	B	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	B	B	C	B	A	A	A
2.	Hồ Sơn Thủy, xã Thọ Sơn	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	B	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	A	A	A	A	A
3.	Hồ nước xã Thọ Sơn	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	D	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	B	B	A	A	A
4.	Hồ cấp nước xã Bù Đăng	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	B	A	B	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	A	A	A	D	B
5.	Hồ nước xã Bù Đăng	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	C	A	B	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	A	B	A	B	A
6.	Hồ cấp nước xã Nghĩa Trung	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	A	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	A	A	A	A	A

Nhận xét:

- Đối với các hồ thuộc lưu vực sông Đồng Nai:

+ Kết quả quan trắc cho thấy hồ nước trắng cỏ Bù Lạch, xã Thọ Sơn (SĐN5), hồ cấp nước xã Bù Đăng (SĐN8), hồ cấp nước xã Nghĩa Trung (SĐN13) có các thông số pH, DO, hữu cơ, dinh dưỡng, vi sinh, TSS dao động từ mức A đến mức B, chất lượng nước ổn định, có xu hướng cải thiện hơn đợt quan trắc liền kề. Vị trí có chất lượng nước giảm so với đợt 1/2026 như vị trí hồ nước xã Thọ Sơn (SĐN7), hồ nước xã Bù Đăng (SĐN10) do thông số tổng N có mức D (rất xấu) và mức C (xấu).

+ Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người: vị trí SĐN8 phát hiện E.Coli vượt 2 lần, vị trí SĐN10 có E.Coli vượt 3,5 lần so với quy chuẩn cho phép. Các

thông số còn lại như Amoni, Sắt, Kẽm, Chì, tổng Phenol đạt giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT.

- Đối với sông và các suối thuộc lưu vực sông Đồng Nai:

+ Chất lượng nước duy trì tương đối ổn định so với đợt quan trắc liền kề như: Suối Đắc R'Lấp (SDN2), suối Đa Quin - cầu Đắc Trâm (SDN3), Suối Đắc Oa - cầu Bù Đăng (SDN9), suối Đắc Qourre - Cầu 38 xã Nghĩa Trung (SDN11), Suối Đắc Pan Ton - Cầu Pan Toong, xã Nghĩa Trung (SDN12) cho thấy chất lượng các thông số dao động từ tốt (mức A) đến trung bình (mức B). Một số vị trí như Sông Đồng Nai, xã Phước Sơn (ĐN1), Cầu Đắc Wor 2, xã Thọ Sơn (SDN4) chất lượng nước giảm so với đợt quan trắc liền kề do ảnh hưởng thông số tổng P giảm xuống mức D.

+ Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người: kết quả cho thấy một số vị trí có tần suất phát hiện như Suối Đắc R'Lấp (SDN2) có E.coli vượt 3,5 lần; Suối Đa Quin - cầu Đắc Trâm, xã Phước Sơn (SDN3) có E.Coli vượt 6,5 lần; Suối Đắc Qourre - Cầu 38, xã Nghĩa Trung (SDN11) có Amoni vượt 2,2 lần so với QCVN 08:2023/BTNMT, các thông số ảnh hưởng sức khỏe con người còn lại đạt giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT.

Nhìn chung, các hồ, suối thuộc lưu vực sông Đồng Nai có chất lượng tương đối tốt và ổn định so với đợt quan trắc liền kề. Hàm lượng hữu cơ, TSS của các hồ, suối đa số duy trì ở mức B (trung bình). Nước có thể sử dụng cho mục đích sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

2.1.2.2. Lưu vực Sông Bé

Lưu vực sông Bé có 50 vị trí quan trắc, 34 vị trí quan trắc được so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT tại bảng 02 Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước, 16 điểm quan trắc được so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT bảng 03 - Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

Vị trí quan trắc thuộc lưu vực Sông Bé

STT	Tên vị trí	Ký hiệu	Tọa độ/vị trí			
			X	Y	Vị trí thu mẫu (trước ngày 01/7/2025)	Vị trí thu mẫu (sau ngày 01/7/2025)
					Phường/ xã (cũ)	Phường/ xã mới
1	Sông Bé - hồ Thác Mơ, xã Phú Nghĩa	SB1	1312064	586440	xã Đức Hạnh	xã Phú Nghĩa
2	Sông Bé-Cầu Đắc Lung, Phường Phước Long	SB2	1311157	582011	phường Thác Mơ	Phường Phước Long
3	Đập tràn cầu Đơn (Sông Bé), xã Thiện Hưng	SB3	1325950	566697	xã Thanh Hòa	xã Thiện Hưng
4	Cầu Sông Bé, xã Thiện Hưng	SB4	1320800	563842	xã Thanh Bình	xã Thiện Hưng
5	Thủy điện Srok Phu Miêng, xã Tân Hưng	SB5	1301406	553583	xã Thanh An	xã Tân Hưng
6	Sông Bé - cầu Trà Thanh, xã Long Hà	SB6	1297193	556211	xã Long Hà	xã Long Hà
7	Cầu Sông Bé, xã Thuận Lợi	SB7	1283513	556916	xã Thuận Phú	xã Thuận Lợi
8	Sông Bé, Cầu Nha Bích, xã Nha Bích	SB8	1272737	556144	xã Minh Lập	xã Nha Bích
9	Cầu Suối Dung, Phường Phước Long	SSB1	1308965	580471	phường Thác Mơ	Phường Phước Long
10	Hồ Long Thủy, Phường Phước Long	SSB2	1310047	580753	phường Long Thủy	Phường Phước Long
11	Cầu Đakia, xã Đa Kì	SSB3	1320037	565516	xã Đakia	xã Đa Kì
12	Suối chợ, xã Thiện Hưng	SSB4	1325753	559734	xã Thiện Hưng	xã Thiện Hưng
13	Hồ nước xã Long Hà	SSB5	1299161	560932	xã Long Hà	xã Long Hà
14	Cầu Suối Cát, xã Tân Hưng	SSB6	1294271	550371	xã Thanh An.	xã Tân Hưng
15	Hồ Sóc Xiêm, xã Tân Hưng	SSB7	1291002	549619	xã Tân Hưng	xã Tân Hưng
16	Cầu Suối Đâm, xã Phú Riềng	SSB8	1297716	566316	xã Bù Nho	xã Phú Riềng

STT	Tên vị trí	Ký hiệu	Tọa độ/vị trí			
			X	Y	Vị trí thu mẫu (trước ngày 01/7/2025)	Vị trí thu mẫu (sau ngày 01/7/2025)
					Phường/ xã (cũ)	Phường/ xã mới
17	Đập Long Tân, xã Long Hà	SSB9	1293545	564250	xã Long Tân	xã Long Hà
18	Hồ nông trường 8, xã Bình Tân	SSB10	1302589	576243	xã Bình Tân	xã Bình Tân
19	Suối Rạt, xã Phú Riềng	SSB11	1291382	570639	xã Phú Riềng	xã Phú Riềng
20	Hồ nông trường 10, xã Phú Riềng	SSB12	1288539	569532	xã Phú Riềng	xã Phú Riềng
21	Hồ Suối Lam, xã Thuận Lợi	SSB13	1283860	568758	xã Thuận Phú	xã Thuận Lợi
22	Suối nhỏ, xã Thuận Lợi	SSB14	1284862	569525	xã Thuận Lợi	xã Thuận Lợi
23	Cầu suối Nghiên, xã Nha Bích	SSB15	1277609	554556	xã Minh Lập	xã Nha Bích
24	Hồ Suối Cam, Phường Bình Phước	SSB16	1277087	569197	Phường Tân phú	Phường Bình Phước
25	Suối Sông Rinh, Phường Đồng Xoài	SSB17	1272613	565403	Phường Tân Thành	Phường Đồng Xoài
26	Cầu An Lộc, Phường Bình Long	SSB18	1288440	539447	Phường An Lộc	Phường Bình Long
27	Hồ cấp nước Phường Bình Long	SSB19	1283900	538939	xã Thanh Bình	Phường Bình Long
28	Hồ cấp nước Tân Khai, xã Tân Khai	SSB20	1277319	537011	Thị trấn Tân Khai	xã Tân Khai
29	Suối Ấp Xa Trạch, xã Tân Quan	SSB21	1282635	540247	xã Phước An	xã Tân Quan
30	Suối Xa Cát, xã Tân Quan	SSB22	1276042	543379	xã Tân Quan	xã Tân Quan
31	Suối Tiên, Phường Minh Hưng	SSB23	1271151	541447	phường Minh Hưng	Phường Minh Hưng
32	Cầu Xa Cát, xã Nha Bích	SSB24	1269178	546425	xã Nha Bích	xã Nha Bích
33	Cầu Suối Đông, xã Nha Bích	SSB25	1273799	552492	xã Minh Thắng	xã Nha Bích
34	Hồ Phước Hòa, xã Nha Bích	SSB26	1263702	550774	xã Nha Bích	xã Nha Bích

STT	Tên vị trí	Ký hiệu	Tọa độ/vị trí			
			X	Y	Vị trí thu mẫu (trước ngày 01/7/2025)	Vị trí thu mẫu (sau ngày 01/7/2025)
					Phường/ xã (cũ)	Phường/ xã mới
35	Suối Ngang, xã Nha Bích	SSB27	1266481	545300	Phường Minh Thành	xã Nha Bích
36	Cầu Suối Đôi, Phường Chơn Thành	SSB28	1262609	540442	phường Hưng Long	Phường Chơn Thành
37	Suối Bưng Rục, Phường Minh Hưng	SSB29	1268002	538146	phường Minh Hưng	Phường Minh Hưng
38	Cầu Bà Và, Phường Minh Hưng	SSB30	1264015	531948	xã Minh Long	Phường Minh Hưng
39	Suối Hồ Đá, Phường Chơn Thành	SSB31	1259405	537113	xã Thành Tâm	Phường Chơn Thành
40	Cầu Tham Rót, Phường Chơn Thành	SSB32	1256194	541357	xã Thành Tâm	Phường Chơn Thành
41	Hồ cấp nước xã Thuận Lợi	SSB33	1283806	574064	xã Thuận Lợi	xã Thuận Lợi
42	Cầu 2, xã Đồng Tâm	SSB34	1276388	572721	xã Đồng Tiến	xã Đồng Tâm
43	Suối Cà Bè (Đắc Rip), Phường Bình Phước	SSB35	1273785	570968	phường Tân xuân	Phường Bình Phước
44	Suối Đồng Tiến, Phường Bình Phước	SSB36	1274498	570776	phường Tân xuân	Phường Bình Phước
45	Suối Rạt, xã Đồng Phú	SSB37	1258800	567487	xã Tân Tiến	xã Đồng Phú
46	Suối Rạt, cầu Ba Bi, xã Đồng Phú	SSB38	1253057	565946	xã Tân Lập	xã Đồng Phú
47	Hồ Suối Giai, xã Đồng Phú	SSB39	1259613	561516	xã Tân Lập	xã Đồng Phú
48	Suối Bàu Chu, xã Đồng Phú	SSB40	1259012	562524	xã Tân Lập	xã Đồng Phú
49	Suối Rạt - cầu số 11, xã Đồng Tâm	SSB41	1282240	579670	xã Đồng Tiến	xã Đồng Tâm
50	Cầu trắng, xã Tân Tiến	SSG2	1322384	549460	xã Tân Thành	xã Tân Tiến

Vị trí quan trắc hồ và đập nước thuộc lưu vực sông Bé

TT	Ký hiệu	Vị trí thu mẫu	Ghi chú
1.	SB1	Sông Bé - hồ Thác Mơ, xã Phú Nghĩa	
2.	SB3	Đập tràn cầu Đơn (Sông Bé), xã Thiện Hưng	
3.	SB5	Thủy điện Srok Phu Miêng, xã Tân Hưng	
4.	SSB2	Hồ Long Thủy, phường Phước Long	
5.	SSB5	Hồ nước xã Long Hà	
6.	SSB7	Hồ Sóc Xiêm, xã Tân Hưng	
7.	SSB9	Đập Long Tân, xã Long Hà	
8.	SSB10	Hồ nông trường 8, xã Bình Tân	
9.	SSB12	Hồ nông trường 10, xã Phú Riêng	
10.	SSB13	Hồ Suối Lam, xã Thuận Lợi	
11.	SSB16	Hồ Suối Cam, phường Bình Phước	
12.	SSB19	Hồ cấp nước phường Bình Long	Cấp nước sinh hoạt
13.	SSB20	Hồ cấp nước Tân Khai, xã Tân Khai	Cấp nước sinh hoạt
14.	SSB26	Hồ Phước Hòa, xã Nha Bích	
15.	SSB33	Hồ cấp nước xã Thuận Lợi	Cấp nước sinh hoạt
16.	SSB39	Hồ Suối Giai, xã Đồng Phú	

Bảng: Kết quả quan trắc chất lượng nước tại các hồ

TT	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
1.	Hồ Thác Mơ, xã Phú Nghĩa	Đợt 3/2026	A	A	A	A	B	B	B	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	B	B	A	B	A	A	A
2.	Đập tràn Cầu Đơn	Đợt 3/2026	A	A	A	A	B	A	C	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	B	B	A	A	A
3.	Thủy điện Srok Phu	Đợt 3/2026	A	A	A	A	B	A	B	A	A

TT	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
	Miêng, xã Tân Hưng	Đợt 1/2026	A	A	A	A	B	B	A	A	A
4.	Hồ Long Thủy	Đợt 3/2026	A	B	A	A	A	A	A	B	D
		Đợt 1/2026	A	C	D	D	B	B	A	B	C
5.	Hồ nước xã Long Hà	Đợt 3/2026	A	B	A	A	A	A	A	B	D
		Đợt 1/2026	A	A	A	B	A	A	A	B	B
6.	Hồ Sóc Xiêm, xã Tân Hưng	Đợt 3/2026	A	A	A	A	B	A	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	D	D	A	B	A	A	A
7.	Đập Long Tân, xã Long Hà	Đợt 3/2026	A	B	A	A	B	A	C	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	B	A	A	A	A
8.	Hồ nông trường 8, xã Bình Tân	Đợt 3/2026	B	A	A	A	B	A	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	B	A	A	A	A
9.	Hồ nông trường 10, xã Phú Riềng	Đợt 3/2026	A	B	A	A	B	A	C	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	B	A	A	B	B
10.	Hồ Suối Lam, xã Thuận Lợi	Đợt 3/2026	A	A	B	B	A	A	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	B	A	A	A	A	A
11.	Hồ Suối Cam, Phường Bình Phước	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	D	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	B	B	A	C	A	A	A
12.	Hồ cấp nước Phường Bình Long	Đợt 3/2026	A	A	A	A	B	A	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	B	B	B	B	B	A	A
13.	Hồ cấp nước Tân Khai	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	B	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	A	B	A	A	A
14.		Đợt 3/2026	A	A	A	A	B	B	A	A	A

TT	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
	Hồ Phước Hòa, xã Nha Bích	Đợt 1/2026	A	A	B	B	B	B	A	A	A
15.	Hồ cấp nước xã Thuận Lợi	Đợt 3/2026	A	A	A	A	B	A	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	B	B	A	A	A
16.	Hồ Suối Giai, xã Đồng Phú	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	A	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	D	D	A	A	A	A	A

Nhận xét:

- Đối với các hồ thuộc lưu vực sông Bé:

+ Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tại các hồ cho thấy phần lớn duy trì tương đối ổn định so với đợt 1/2026, các thông số có chất lượng dao động từ mức A (tốt) đến mức B (trung bình) như hồ Thác Mơ, xã Phú Nghĩa (SB1); Thủy điện Srok Phu Miêng, xã Tân Hưng (SB5); Hồ Sóc Xiêm, xã Tân Hưng (SSB7); Hồ nông trường 8, xã Bình Tân (SSB10); Hồ nông trường 10, xã Phú Riềng (SSB12); Hồ Suối Lam, xã Thuận Lợi (SSB13); Hồ Phước Hòa, xã Nha Bích (SSB26); Hồ Suối Giai, xã Đồng Phú (SSB39).

+ Một số vị trí có chất lượng nước giảm so với đợt 1/2026 như hồ Suối Cam, phường Bình Phước (SSB16) có tổng N phân loại mức D; Đập tràn Cầu Đơn, xã Thiện Hưng (SB3) do ảnh hưởng của thông số tổng P chuyển từ mức A xuống mức C (xấu). Ảnh hưởng bởi thông số Coliform chịu nhiệt có mức D (rất xấu) và phát hiện thông số ảnh hưởng sức khỏe vượt quy chuẩn như hồ nước xã Long Hà (SSB5) có E.coli vượt 6,5 lần; Hồ Long Thủy (SSB2) có E.coli vượt 39,5 lần so với QCVN 08:2023/BTNMT.

- Đối với các suối thuộc lưu vực Sông Bé:

+ Kết quả quan trắc cho thấy chất lượng nước đợt 03/2026 có xu hướng cải thiện và tương đương so với đợt 1/2026 như vị trí Cầu Đắc Lung, phường Phước Long (SB2); Cầu sông Bé, xã Thiện Hưng (SB4); Cầu Trà Thanh, xã Long Hà (SB6); Cầu Nha Bích, xã Nha Bích (SB8); Cầu suối Cát, xã Tân Hưng (SSB6); Suối Rạt, cầu số 11, xã Đồng Tâm (SSB41); Cầu Bà Và, phường Minh Hưng (SSB30); Suối Xa Cát, xã Tân Quan (SSB22): kết quả trắc cho thấy các thông số có chất lượng dao động từ mức A đến mức B, chất lượng nước tương đối ổn định so với đợt liền kề.

+ Một số điểm có chất lượng nước giảm so với đợt quan trắc liên kế ảnh hưởng cục bộ do hàm lượng hữu cơ, dinh dưỡng và vi sinh như vị trí Cầu An Lộc, phường Bình Long (SSB18) thông số DO, tổng N, Coliform và Coliform chịu nhiệt có phân loại mức D (rất xấu). Suối Ấp Xa Trạch, xã Tân Quan (SSB21) thông số BOD₅, COD có chất lượng giảm so với đợt liên kế, chuyển từ mức B xuống mức C. Vị trí Suối Tiên, phường Minh Hưng (SSB23) quan trắc cho thấy BOD₅, COD có chất lượng mức C, tổng N có phân loại mức D; Cầu Suối Đôi, phường Chơn Thành (SSB28); Suối nhỏ, xã Thuận Lợi (SSB14) chất lượng nước chưa có dấu hiệu cải thiện so với đợt 1/2026.

+ Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người: một số điểm quan trắc có chất lượng nước ảnh hưởng bởi hàm lượng dinh dưỡng, vi sinh và có tần suất phát hiện thông số ảnh hưởng sức khỏe con người vượt quy chuẩn cho phép như: Cầu Đắc Lung (SB2) quan trắc cho thấy 02 thông số vượt quy chuẩn là E.Coli vượt 65 lần, chất hoạt động bề mặt vượt 1,1 lần; Cầu Suối Đâm (SSB8) quan trắc cho thấy E.Coli vượt 13,5 lần, Sắt vượt 1,2 lần; Suối nhỏ, xã Thuận Lợi (SSB14) có E.Coli vượt 07 lần, Amoni vượt 29,6 lần so với QCVN 08:2023/BTNMT. Vị trí Cầu An Lộc (SSB18) có thông số E.Coli vượt 110 lần, Amoni vượt 13,2 lần; Suối Tiên (SSB23) cho thấy 02 thông số vượt là E.Coli vượt 23 lần, Kẽm vượt 02 lần so với QCVN 08:2023/BTNMT.

Nhìn chung, các hồ, đập, suối thuộc lưu vực Sông Bé đa số có chất lượng pH, DO, hữu cơ, TSS ổn định chủ yếu ở mức A và mức B - chất lượng tốt đến trung bình, tương đương với đợt 1/2026. Vài điểm quan trắc có hàm lượng DO thấp chủ yếu do thời tiết nắng nhiều, nước bốc hơi nhanh ảnh hưởng đến nồng độ oxy hòa tan và hàm lượng hữu cơ. Một số điểm có thông số tổng N, vi sinh phân loại mức D ảnh hưởng tới môi trường sống của cá, sinh vật sống trong môi trường nước, do các suối này có lưu lượng dòng chảy thấp, gần khu chợ, khu dân cư đô thị và tác động kết hợp của điều kiện thời tiết.

2.1.2.3. Lưu vực sông Sài Gòn

Lưu vực thượng nguồn sông Sài Gòn có 13 điểm quan trắc, trong đó có 09 điểm quan trắc được so sánh với Bảng 2 Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước, 04 điểm quan trắc được so sánh với Bảng 3 Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước QCVN 08:2023/BTNMT.

Vị trí thu mẫu nước mặt tại lưu vực sông Sài Gòn được thể hiện dưới bảng sau đây:

STT	Tên	Ký hiệu	Tọa độ		Vị trí	
			X	Y	Trước 01/7/2025	Sau ngày 01/7/2025
1	Sông Sài Gòn, xã Tân Khai	SG1	1273782	519655	xã Tân Hiệp	xã Tân Khai
2	Hồ Nước xã Lộc Thạnh	SSG1	1317136	537129	xã Lộc Hòa	xã Lộc Thạnh
3	Hồ cầu Trắng, xã Lộc Quang	SSG3	1315025	548460	xã Lộc Hiệp	xã Lộc Quang
4	Hồ Rừng cấm xã Lộc Tấn	SSG4	1311954	537289	xã Lộc Tấn	xã Lộc Tấn
5	Cầu Xa Ngâu, Xã Lộc Ninh	SSG5	1310885	536435	thị trấn Lộc Ninh	xã Lộc Ninh
6	Cầu Mua, xã Lộc Ninh	SSG6	1307945	537351	thị trấn Lộc Ninh	xã Lộc Ninh
7	Cầu Suối chợ, xã Lộc Ninh	SSG7	1310086	537131	thị trấn Lộc Ninh	xã Lộc Ninh
8	Cầu Bù Linh, xã Lộc Quang	SSG8	1310656	548765	xã Lộc Phú	xã Lộc Quang
9	Hồ cấp nước, xã Lộc Quang	SSG9	1308091	548545	xã Lộc Quang	xã Lộc Quang
10	Cầu Lộc Điền, xã Lộc Điền	SSG10	1305651	538464	xã Lộc Điền	xã Lộc Điền
11	Cầu Cản Lê, xã Lộc Thành	SSG11	1297712	535308	xã Lộc Thịnh	xã Lộc Thành
12	Suối Chà Là, xã Minh Đức	SSG12	1285352	532088	xã Minh Tâm	xã Minh Đức
13	Suối Tà Mông, xã Tân Khai	SSG13	1270942	527012	xã Tân Hiệp	xã Tân Khai

Các mẫu quan trắc được so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT tại Bảng 3, gồm có 04 hồ vị trí cụ thể trình bày dưới bảng sau đây:

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí thu mẫu	Ghi chú
1.	SSG1	Hồ nước xã Lộc Thạnh	
2.	SSG3	Hồ Cầu trắng xã Lộc Quang	Cấp nước sinh hoạt

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí thu mẫu	Ghi chú
3.	SSG4	Hồ Rừng Cẩm xã Lộc Tấn	
4.	SSG9	Hồ cấp nước xã Lộc Quang	
5.	SSM	Bàu nước cạn	Lưu vực Sông Măng

Bảng: Kết quả quan trắc chất lượng nước tại các hồ

TT	Vị trí	Đợt	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
1.	Hồ nước xã Lộc Thạnh	Đợt 3/2026	A	A	A	A	B	A	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	B	B	B	B	A	A	A
2.	Hồ cầu Trắng xã Lộc Quang	Đợt 3/2026	A	A	A	A	B	B	A	B	B
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	A	B	A	A	B
3.	Hồ Rừng Cẩm xã Lộc Tấn	Đợt 3/2026	A	A	A	A	A	A	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	B	B	A	A	A	A	A
4.	Hồ cấp nước xã Lộc Quang	Đợt 3/2026	A	A	A	A	B	A	A	A	A
		Đợt 1/2026	A	A	A	A	B	A	B	A	A

Nhận xét:

- Đối với các hồ: kết quả quan trắc chất lượng nước đợt 3/2026 tại các hồ cho thấy các thông số quan trắc duy trì ở mức A (tốt) đến mức B (trung bình) so với đợt quan trắc liền kề. Tuy nhiên, quan trắc phát hiện thông số ảnh hưởng sức khỏe con người vượt ngưỡng cho phép khi sử dụng trực tiếp tại hồ cầu Trắng xã Lộc Quang (SSG3) có thông số E.coli vượt 23 lần, Sắt vượt 1,5 lần; Hồ cấp nước xã Lộc Quang (SSG9) có thông số E.coli vượt 5,5 lần so với quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT, tại bảng 1.

- Đối với các suối:

+ Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt đợt 3/2026, cho thấy các suối phần lớn có chất lượng tương đối ổn định so với đợt 1/2026. Hầu hết các thông số có chất lượng dao động từ mức A đến mức B. Chất lượng nước vài vị trí có dấu hiệu cải thiện tốt hơn đợt quan trắc liền kề bởi thông số tổng N chuyển từ mức C, mức D lên mức A, B như vị trí Suối Cần Lê - Cầu Cần Lê (SSG11); Cầu Xa Ngâu, Xã Lộc Ninh (SSG5).

+ Một số vị trí phát hiện thông số ảnh hưởng sức khỏe vượt quy chuẩn như Cầu Lộc Điền, xã Lộc Điền (SSG10) có E.coli vượt 85 lần, Sắt vượt 1,2 lần; Suối Tà Mông, xã Tân Khai (SGG13) có E.Coli vượt 11 lần; Suối Trào - Cầu Bù Linh (SSG8) có E.coli vượt 24,5 lần, Sắt vượt 1,7 lần so với QCVN 08:2023/BTNMT. Riêng vị trí Cầu Mua, xã Lộc Ninh (SSG6) có thông số DO phân loại mức C, tổng N phân loại mức D, Coliform chịu nhiệt phân loại mức C và phát hiện thông số ảnh hưởng sức khỏe con người vượt quy chuẩn là E.Coli vượt 24,5 lần so với QCVN 08:2023/BTNMT.

Nhìn chung, hầu hết các hồ, suối thuộc lưu vực sông Sài Gòn có thông số pH, hữu cơ (BOD_5 , COD) dao động chủ yếu chất lượng mức A (tốt) đến mức B (trung bình) phản ánh điều kiện cân bằng và khả năng tự làm sạch của nguồn nước vẫn tương đối tốt. Vài vị trí có DO phân loại mức C (xấu) nồng độ oxy hòa tan thấp cục bộ, tổng N phân loại mức D (rất xấu) có thể ảnh hưởng đến môi trường sống của sinh vật sống trong môi trường nước, chất lượng nước của các điểm này bị tác động chủ yếu do các suối gần khu chợ, khu dân cư đô thị và tác động kết hợp của điều kiện thời tiết.

2.1.2.4. Lưu vực sông Măng

Sông Măng là nhánh sông thuộc lưu vực sông Mê Kông, chạy dọc biên giới Việt Nam - Campuchia ở khu vực phía Bắc Đồng Nai (xã Hưng Phước), có lưu lượng trung bình năm khoảng $10,58 \text{ m}^3/\text{s}$, tương đương với tổng lượng khoảng 330,75 triệu m^3 . Phần thuộc địa phận Bắc Đồng Nai có chiều dài khoảng 64km và diện tích khoảng 169 km^2 .

Chương trình quan trắc thực hiện tại 02 điểm: vị trí SM - Sông Măng (Đắc Jer Man) xã Hưng Phước và vị trí SSM - bầu nước cạn, xã Thiện Hưng.

Kết quả quan trắc đợt 3/2026, cụ thể như sau:

- Sông Măng (Đắc Jer Man), xã Hưng Phước: các thông số hầu hết có chất lượng dao động từ mức A và mức B, riêng thông số BOD_5 có chất lượng cải thiện hơn đợt 1/2026, chuyển từ mức D (rất xấu) lên mức C (xấu). Thông số COD vẫn còn phân loại mức D. Phát hiện 01/09 thông số vượt ngưỡng ảnh hưởng sức khỏe con người là E.Coli vượt 04 lần so với QCVN 08:2023/BTNMT.

- Bầu nước cạn (SSM): kết quả quan trắc cho thấy các thông số hầu hết có chất lượng dao động từ mức A và mức B. Riêng thông số hữu cơ BOD_5 , COD chuyển từ mức B (trung bình) xuống mức D (rất xấu), có thể vào mùa khô, nắng nhiều nước bốc hơi nhanh, chất lượng hữu cơ giảm. Phân tích thấy E.coli vượt 4 lần so với QCVN 08:2023/BTNMT.

Nhìn chung, sông Măng (SM) có chất lượng nước tương đối ổn định, nước có thể sử dụng cho mục đích sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp. Vị trí bầu nước cạn (SSM) chất lượng nước đang có dấu hiệu tích tụ hữu cơ trong thời gian dài. Khu vực bầu nước cạn không có nước lưu thông, một phần ảnh hưởng bởi hoạt động sản xuất nông nghiệp của các hộ dân xung quanh và yếu tố thời tiết do đó chất lượng nước chưa được cải thiện so với đợt quan trắc liền kề.

2.1.2.5. Lưu vực sông Chiu Riu

Sông Chiu Riu có 01 điểm quan trắc (SCR: Suối Bông – xã Lộc Thành), suối gần Khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư. Kết quả quan trắc cho thấy hàm lượng Coliform và Coliform chịu nhiệt có phân loại mức D. Chất lượng nước tương đương, chưa có dấu hiệu cải thiện hơn đợt 01/2026. Phát hiện 01 thông số vượt ngưỡng ảnh hưởng sức khỏe con người là E.Coli vượt 39,5 lần so với QCVN 08:2023/BTNMT.

2.2. Đánh giá việc thực hiện công tác QA/QC theo quy định

a. Khu vực Nam Đồng Nai

Đợt 03 năm 2026, theo kế hoạch thực hiện quan trắc mẫu QC tại 09 vị trí quan trắc.

- Phạm vi quan trắc: sông Đồng Nai đoạn 2, đoạn 3, đoạn 4; sông Thị Vải, hồ Trị An, hồ Núi Le, sông Đồng Môn, Rạch Đông và Rạch Bà Chèo.

- Vị trí thu mẫu: đối với các sông thu mẫu tại điểm giữa dòng chảy, hồ Trị An thu mẫu tại vị trí gần cầu La Ngà.

- Thông số phân tích: Sắt (Fe), Amoni (N-NH_4^+), Tổng Photpho, pH.

b. Khu vực Bắc Đồng Nai

- Theo kế hoạch thực hiện quan trắc mẫu QC tại 08 vị trí quan trắc. Phạm vi quan trắc: sông Bé - cầu Đắc Lung, Cầu Đắc R'Láp, Hồ Suối Giai, Hồ nông trường 10, Hồ Cầu Trắng, Cầu Suối Cát, Cầu Bà Và, Suối cầu Nghriên.

- Thông số phân tích: Sắt (Fe), Amoni (N-NH_4^+), Tổng Photpho, pH.

2.2.1. Về đảm bảo chất lượng trong đo đạc, thu mẫu tại hiện trường

Đảm bảo đạt các yêu cầu như sau:

- + Các thiết bị trong đo đạc, thu mẫu tại hiện trường được hiệu chuẩn, kiểm tra định kỳ theo đúng quy định, đảm bảo các số liệu đo đạc được chính xác.

- + Phương pháp thu mẫu đã tuân thủ theo các TCVN về hướng dẫn kỹ thuật lấy mẫu.

+ Phương pháp đo đặc tại hiện trường: trang thiết bị đáp ứng các điều kiện đo đặc tại hiện trường.

+ Phương pháp bảo quản mẫu: đạt yêu cầu đối với các sông, suối, hồ nhỏ. Đối với các mẫu trắng hiện trường đều được bảo quản theo quy định (như bảo quản lạnh 5°C trong thùng đá và axit bảo quản mẫu theo tỷ lệ 1:1).

a. Đối với mẫu trắng phòng thí nghiệm

Mẫu nước cất lưu tại phòng thí nghiệm. Mục đích để kiểm tra sự nhiễm bẩn dụng cụ và hoá chất, chất chuẩn trong quá trình phân tích mẫu.

* Khu vực Nam Đồng Nai:

Tất cả các thông số thực hiện đạt yêu cầu nồng độ chất phân tích có trong mẫu trắng không quá giới hạn phát hiện của phương pháp.

Cụ thể: Thông số Fe < 0,05 mg/l 100% mẫu đạt yêu cầu; Thông số Tổng Photpho < 0,01 mg/l 100% mẫu đạt yêu cầu; Thông số N-NH₄ < 0,02 mg/l 100% mẫu đạt yêu cầu.

* Khu vực Bắc Đồng Nai:

Tất cả các thông số thực hiện đạt yêu cầu nồng độ chất phân tích có trong mẫu trắng không quá giới hạn phát hiện của phương pháp.

Cụ thể: Thông số Fe < 0,03 mg/l 100% mẫu đạt yêu cầu; Thông số Tổng Photpho < 0,02 mg/l 100% mẫu đạt yêu cầu; Thông số N-NH₄ < 0,02 mg/l, 100% mẫu đạt yêu cầu.

b. Đối với mẫu trắng hiện trường

Mẫu nước cất lưu tại phòng thí nghiệm. Mục đích để kiểm tra sự nhiễm bẩn dụng cụ và hoá chất, chất chuẩn trong quá trình phân tích mẫu.

* Khu vực Nam Đồng Nai

Mẫu nước cất được nhân viên thu mẫu mang đến hiện trường, nạp vào dụng cụ chứa mẫu, xử lý, bảo quản, vận chuyển mẫu tương tự như mẫu chính. Mục đích để kiểm soát sự nhiễm bẩn trong quá trình lấy mẫu, đo và thử nghiệm tại hiện trường.

Tất cả các thông số thực hiện đạt yêu cầu nồng độ chất phân tích có trong mẫu trắng không quá giới hạn phát hiện của phương pháp.

Cụ thể: Thông số Fe < 0,05 mg/l; Thông số Tổng Photpho < 0,01 mg/l; Thông số N-NH₄ < 0,02 mg/l.

* Khu vực Bắc Đồng Nai:

Tất cả các thông số thực hiện đạt yêu cầu nồng độ chất phân tích có trong mẫu trắng không quá giới hạn phát hiện của phương pháp.

Cụ thể: Thông số Fe < 0,03 mg/l; Thông số Tổng Photpho < 0,02 mg/l; Thông số N-NH₄ < 0,02 mg/l.

c. Đối với mẫu chuẩn kiểm tra thiết bị

Kiểm soát độ chính xác của thiết bị tại hiện trường bằng chất chuẩn. Đối với thiết bị đo pH thì sai số cho phép nằm trong khoảng $\pm 0,05$ pH, đảm bảo 100% đạt yêu cầu.

d. Đối với mẫu lặp

Lấy 1 mẫu sau đó trộn đều và chia làm 2 phần, cho vào dụng cụ chứa mẫu, xử lý, bảo quản và vận chuyển như mẫu chính. Mục đích để kiểm soát độ tập trung của việc lấy mẫu, đo và thử nghiệm tại hiện trường.

Bảng 3. Kết quả mẫu kiểm soát chất lượng đối với thông số Tổng Photpho, Fe, Amoni và pH

Ký hiệu mẫu	Tổng Photpho (mg/l)				Fe (mg/l)				N-NH ₄ (mg/l)				pH			
	Mẫu chính	Mẫu lặp	Độ chụm	Đánh giá	Mẫu chính	Mẫu lặp	Độ chụm	Đánh giá	Mẫu chính	Mẫu lặp	Độ chụm	Đánh giá	Mẫu chính	Mẫu lặp	Độ chụm	Đánh giá
A	KHU VỰC NAM ĐỒNG NAI															
SW-BC-03	0,17	0,16	6%	Đạt	4,64	4,64	0%	Đạt	0,93	0,94	1%	Đạt	7,06	7,06	0%	Đạt
SW-DM-02	0,05	0,046	4%	Đạt	0,69	0,67	3%	Đạt	0,35	0,35	0%	Đạt	7,24	7,23	0%	Đạt
SW-DN-06-G	0,02	0,02	4%	Đạt	0,21	0,15	33%	Không đạt	0,18	0,19	5%	Đạt	6,75	6,75	0%	Đạt
SW-DN-07-G	0,04	0,042	0%	Đạt	0,40	0,4	0%	Đạt	0,21	0,21	0%	Đạt	6,06	6,06	0%	Đạt
SW-DN-19-G	0,04	0,039	5%	Đạt	0,64	0,65	2%	Đạt	0,16	0,16	0%	Đạt	7,00	7,00	0%	Đạt
SW-NL-01	0,02	0,023	4%	Đạt	0,30	0,3	0%	Đạt	0,13	0,13	0%	Đạt	7,02	7,00	0%	Đạt
SW-RD-01	0,02	0,02	0%	Đạt	0,20	0,2	0%	Đạt	0,19	0,19	0%	Đạt	7,41	7,41	0%	Đạt
SW-TA-09-G	0,03	0,031	7%	Đạt	0,21	0,22	5%	Đạt	0,09	0,092	0%	Đạt	6,47	6,44	0%	Đạt
SW-TV-03-G	0,06	0,059	0%	Đạt	0,13	0,13	0%	Đạt	0,21	0,21	0%	Đạt	7,12	7,13	0%	Đạt
Số mẫu lặp chưa đạt yêu cầu				0				1				0				0
Tổng số mẫu lặp thực hiện				9				9				9				9
B	KHU VỰC BẮC ĐỒNG NAI															
SDN 2	0,06	0,06	0%	Đạt	0,17	0,16	6%	Đạt	0,21	0,21	0%	Đạt	7,06	7,06	0%	Đạt
SSB39	0,02	0,02	0%	Đạt	0,39	0,36	8%	Đạt	0,02	0,02	0%	Đạt	7,2	7,2	0%	Đạt
SSB12	0,31	0,31	0%	Đạt	0,35	0,32	9%	Đạt	0,02	0,02	0%	Đạt	6,72	6,72	0%	Đạt
SSB2	0,02	0,02	0%	Đạt	0,03	0,03	0%	Đạt	0,02	0,02	0%	Đạt	6,53	6,53	0%	Đạt
SSG3	0,02	0,02	0%	Đạt	0,75	0,81	8%	Đạt	0,11	0,10	10%	Đạt	7,09	7,09	0%	Đạt
SSB6	0,02	0,02	0%	Đạt	0,13	0,15	14%	Đạt	0,02	0,02	0%	Đạt	6,8	6,8	0%	Đạt
SSB30	0,24	0,23	4%	Đạt	0,03	0,03	0%	Đạt	0,02	0,02	0%	Đạt	6,57	6,57	0%	Đạt
SSB15	0,02	0,02	0%	Đạt	0,03	0,03	0%	Đạt	0,02	0,02	0%	Đạt	6,84	6,84	0%	Đạt
Số mẫu lặp chưa đạt yêu cầu				0				0				0				0

Ký hiệu mẫu	Tổng Photpho (mg/l)				Fe (mg/l)				N-NH ₄ (mg/l)				pH			
	Mẫu chính	Mẫu lặp	Độ chụm	Đánh giá	Mẫu chính	Mẫu lặp	Độ chụm	Đánh giá	Mẫu chính	Mẫu lặp	Độ chụm	Đánh giá	Mẫu chính	Mẫu lặp	Độ chụm	Đánh giá
A	KHU VỰC NAM ĐỒNG NAI															
Tổng số mẫu lặp thực hiện				8				8				8				8

Đợt 03 năm 2026 thực hiện mẫu lặp tại khu vực Nam Đồng Nai có 35/36 giá trị mẫu QC đạt theo yêu cầu, tại khu vực Bắc Đồng Nai có 08/08 giá trị mẫu QC đạt theo yêu cầu. Như vậy, có thể kết luận nhiệm vụ quan trắc nước mặt trên địa bàn Đồng Nai đợt 03/2026 có kết quả tin cậy thông qua chương trình QA/QC.

2.2.2. Về đảm bảo chất lượng tại phòng thí nghiệm

Bảng 4. Đánh giá kết quả QC phòng thí nghiệm khu vực Nam Đồng Nai

STT	Thông số	Mẫu trắng phương pháp (mg/L)	Mẫu lặp RPD $\leq 5\%$	Mẫu chuẩn đối chứng (90-110%)	Mẫu chuẩn thẩm tra (90-110%)	Mẫu thêm chuẩn H _{C1;C2;C3} : 90-110% H _{LOQS} : 85-115%	Đánh giá
1	Fe	<0,02	2,2 – 4,4	101,2 – 106,7	93,0 – 106,0	88,0 – 106,0	Đạt
2	Amoni	<0,01	0,2 – 4,7	92,0 – 105,8	93,5 – 106,5	94,6 – 105,3	Đạt
3	P-T	<0,003	0 – 3,4	–	93,5 – 108,0	96,7 – 103,3	Đạt

Bảng 5. Đánh giá kết quả QC phòng thí nghiệm khu vực Bắc Đồng Nai

STT	Thông số	Mẫu trắng phương pháp (mg/L)	Mẫu lặp RPD $\leq 20\%$	Mẫu chuẩn thẩm tra (80-110%)	Đánh giá
1	Amoni	KPH (MDL=0,02)	0,07 - 0,79	91,18 - 102,33	Đạt
2	Tổng P	KPH (MDL=0,02)	0,20 - 4,84	95,10 - 102,0	Đạt
3	Fe	KPH (MDL=0,03)	0,95 - 5,84	84,79 - 103,83	Đạt

2.3. Kết Luận

2.3.1. Khu vực Nam Đồng Nai

Nhìn chung, chất lượng nước mặt khu vực phía Nam Đồng Nai đợt 03 năm 2026 ghi nhận sự cải thiện cục bộ tại một số khu vực như sông Thị Vải, sông Đa Hoai, hạ lưu sông La Ngà và các vùng nuôi tôm, hầu xã Phước An, tuy nhiên tình trạng ô nhiễm vi sinh (E.Coli, Coliform) và ô nhiễm dinh dưỡng (Tổng Nitơ ở mức D) vẫn diễn ra phổ biến trên diện rộng tại các tiểu lưu vực.

Đối với nguồn nước cấp sinh hoạt, ngoại trừ vị trí Gần nhà máy nước Thiện Tân và hồ Đa Tôn có chất lượng khá tốt, các vị trí còn lại đều phát hiện vi sinh

phổ biến ở mức C, D hoặc chỉ số pH tăng cao do tảo phát triển trong mùa nắng nóng (Nhà máy nước Vĩnh An). Các vùng nuôi trồng thủy sản trọng điểm như làng cá bè sông Cái, Ba Xê và khu nuôi tôm Tân Phú tiếp tục chịu áp lực lớn do hàm lượng vi sinh cao và nồng độ oxy hòa tan xuống thấp.

Đặc biệt, các khu vực giáp ranh như suối Sông Ui, suối Chà Răng, suối Siệp cùng các suối phụ lưu đô thị (suối Linh, suối Săn Máu) hay lưu vực sông Thao, sông Buông vẫn là những điểm nóng ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng đặc biệt nghiêm trọng, kết quả quan trắc còn phát hiện độc chất Tổng phenol vượt ngưỡng quy chuẩn tại suối Địa và cống Ông Hường, gây ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái và an toàn nguồn nước.

2.3.2. Khu vực Bắc Đồng Nai

- Qua kết quả quan trắc đợt 03/2026 của khu vực Bắc Đồng Nai tại 81 vị trí cho thấy tổng quan đa số các hồ, đập có chất lượng nước tương đối ổn định, một số điểm cho thấy xu hướng cải thiện chất lượng tốt hơn so với đợt quan trắc liền kề (đợt 1/2026).

- Một số vị trí có chất lượng chưa đồng đều giữa thông số hữu cơ, dinh dưỡng, vi sinh nên ảnh hưởng đến tiêu chí đánh giá chất lượng chung của sông, suối. Phần lớn các suối có lưu lượng dòng chảy thấp, bị tác động chủ yếu do gần các khu chợ, khu dân cư đô thị và tác động kết hợp của điều kiện thời tiết, có phát hiện thông số ảnh hưởng sức khỏe con người vượt quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT như vị trí Cầu Đắc Wor 2, xã Thọ Sơn (SDN4); Cầu An Lộc, phường Bình Long (SSB18); Suối Tiên, phường Minh Hưng (SSB23); Cầu suối Dung (SSB1); Suối Cà Bè (SSB35); Suối Đồng Tiền (SSB36); Suối Tà Mông, xã Tân Khai (SGG13). Nhìn chung, nguồn nước tại hầu hết các hồ, sông suối có thể sử dụng cho mục đích sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

PHỤ LỤC

**Phụ lục 1: Mức phân loại chất lượng nước của các thông số tại các vị trí
quan trắc nước mặt đợt 03/2026 tại khu vực phía Nam Đồng Nai**

Lưu vực	Điểm	Vị trí	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TOC	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Lưu vực Sông Đa Hoai	Suối Đa Guy	X. Nam Cát Tiên		A	A	A	A		A	B	A	B	B
	Sông Đa Hoai	Sông Đa Hoai		A	A	A	A		C	C	A	B	B
Thượng nguồn Sông Đồng Nai	Suối Đăklua	Suối Đăklua		A	A	B	C		C	D	A	B	B
Trung lưu Sông Đồng Nai	Sông Đồng Nai đoạn 01	Bến đò Nam Cát Tiên	T	A	A	A	A		A	B	A	A	B
			G	A	A	A	A		A	B	A	A	A
			P	A	A	A	A		A	B	A	A	B
		Bến đò 107	T	A	A	A	A		A	C	A	B	B
			G	A	A	A	A		A	B	A	A	B
			P	A	A	A	A		A	B	A	A	B
	Suối ĐarTop	Cầu C3		A	A	A	B		C	B	A	A	B
	Suối Bún	Cầu suối Bún		A	A	B	C		A	D	B	C	D
	Suối Cầu Vắt	Cầu Vác		A	A	A	A		A	D	A	B	B
Lưu vực Sông Sa Mách	Suối Sa Mách	Suối Sa Mách		A	A	A	A		A	D	A	B	B
Lưu vực Sông Mã Đà - Sông Bé	Sông Bé	Hợp lưu S. Bé - S. Mã Đà		A	A	A	B		C	B	A	C	C
		Cách hợp lưu S. Bé - S. Đồng Nai 400 m về phía thượng lưu		A	A	A	B		C	B	A	B	B
	Sông Mã Đà	Gần trạm Rang Rang - Chiến khu D		A	A	A	A		A	D	A	A	B
	Hồ Bà Hào	Trong Chiến khu D		A	A	A	B		B	D	A	A	A
Vùng lòng hồ Trị An	Suối Gia Tân	Cầu Đức Huy		A	B	C	D		B	D	D	D	D
	Hồ Trị An	Cửa sông Đồng Nai đổ vào	M	A	B	A	A		A	B	A	B	B
			G	A	A	A	A		A	B	A	B	B
			Đ	A	B	A	A		A	B	A	B	B
		Xã La Ngà - xóm Bến Cá	M	A	A	A	A		A	B	A	B	B
			G	A	A	A	A		A	B	A	B	B
			Đ	A	A	A	A		A	B	A	B	B
		Xã Thống Nhất	M	A	A	A	A		A	B	A	A	B
			G	A	A	A	A		A	B	A	A	B
			Đ	A	A	A	A		A	B	A	A	A
		Giữa hồ lớn	M	A	A	A	B		A	B	A	A	A
			G	A	A	A	A		A	B	A	A	A
			Đ	A	A	A	A		A	B	A	A	A
		Gần đảo Ó	M	A	A	A	A		A	B	A	A	B
			G	A	A	A	A		A	B	A	A	B
			Đ	D	A	A	A		A	B	A	A	B
		Nhà máy nước Vĩnh An	M	D	A	A	B		A	B	A	A	A
			G	D	A	A	B		A	B	A	A	A
			Đ	D	A	A	A		A	B	A	A	A
		Gần Chiến khu D	M	A	A	A	A		A	B	A	A	B

Lưu vực	Điểm	Vị trí	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TOC	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
			G	A	A	A	A		A	B	A	A	B
			Đ	A	A	A	A		A	B	A	A	A
		Gần hồ nhỏ	M	A	A	A	A		A	B	A	A	B
			G	A	A	A	A		A	B	A	A	A
			Đ	A	A	A	A		A	B	A	A	A
		Gần cửa đập Trị An	M	A	A	A	A		A	B	A	A	A
			G	A	A	A	A		A	B	A	A	A
			Đ	A	A	A	A		A	B	A	A	A
	Cá bè La Ngà	Hợp lưu suối Tam Bung-sông La Ngà		A	B	A	A		A	C	A	A	A
		Vị trí tiếp nhận nước từ KXLCTR Đa Lộc		A	D	A	A		A	B	A	B	B
		Trước cầu La Ngà	M	A	C	A	A		A	B	A	B	B
			G	B	C	A	A		A	B	A	A	B
			Đ	B	C	A	A		A	B	A	B	B
		Cầu La Ngà		A	B	A	A		A	B	A	A	A
		Cách cầu La Ngà 1,5km về phía hạ lưu	M	A	C	A	A		A	B	A	B	B
			G	A	C	A	A		A	B	A	B	B
			Đ	A	C	A	A		A	B	A	B	B
Lưu vực Sông La Ngà	Sông La Ngà	xã Phú Lâm		A	A	B	B		B	B	A	B	D
		xã Định Quán		A	A	B	C		B	B	A	B	C
		Sau thác Trời		A	A	B	C		B	C	A	B	C
	Suối Chồn	Cầu Bình Lộc		A	A	A	B		A	D	B	D	D
		Cầu suối Chồn		A	A	A	A		A	D	B	D	D
	Suối Cải	Suối Cải		A	A	B	B		A	D	B	D	D
	Suối Gia Huynh	Cầu Gia Huynh		A	A	C	D		C	D	D	D	D
	Suối Tam Bung	Suối Tam Bung		A	B	C	D		B	D	D	D	D
		Cầu số 1 - suối Tam Bung		A	A	B	C		A	D	C	C	C
	Cống 3 Miếng	Cống 3 Miếng		A	C	D	D		B	D	B	D	C
	Khu vực nuôi tôm càng xanh xã Tân Phú	Đập Suối Mọi (Đầu vào)		A	A	B	C		A	D	A	B	B
		Đầu ra khu vực nuôi tôm		A	A	C	D		A	D	A	A	B
	Hồ Bầu Ngựa	Hồ Bầu Ngựa		A	A	C	D		B	B	A	B	B
	Hồ Đa Tôn	Hồ Đa Tôn		A	A	A	B		A	B	A	B	B
	Hồ Suối Tre	Hồ Suối Tre		A	A	A	A		B	A	A	D	D
	Hồ Cầu Dầu	Hồ Cầu Dầu		A	C	A	B		B	A	A	B	B
Lưu vực Sông Thao	Sông Thao	Cầu Bàu Xéo		A	B	B	B		A	D	B	D	D
		Cầu sông Thao		A	C	A	B		A	D	C	D	D
		Cầu Rạch Đông		A	A	A	A		A	D	A	D	D
	Hồ Sông Mây	Đầu vào hồ		A	B	C	D		B	D	A	C	D
		Giữa hồ		A	B	C	D		B	D	A	D	D
		Đầu ra hồ		A	B	C	D		B	D	A	B	D
	Suối Địa	Suối Địa		B	D	D	D		B	D	D	D	D
	Suối Cầu Hai	Suối Cầu Hai		A	A	C	D		A	D	D	D	D

Lưu vực	Điểm	Vị trí	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TOC	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
	Hồ Thanh Niên	Hồ Thanh Niên		A	B	C	D		B	D	A	A	B
	Hồ Bà Long	Hồ Bà Long		A	C	C	D		B	D	A	D	D
	Hồ Bầu Hâm	Hồ Bầu Hâm		A	D	D	D		C	D	B	D	D
Lưu vực Sông Buồng	Suối Độn	Cầu Suối Độn		A	B	D	D		B	D	D	D	D
	Suối Cầu Quan	Suối Cầu Quan		A	D	C	D		A	D	D	D	D
	Sông Buồng	Cầu trong KDL Giang Điền		A	A	A	A		A	D	C	D	D
		Cầu An Viễn		A	A	A	A		A	D	B	B	B
		Cầu Sông Buồng		A	B	A	B		B	D	C	D	D
		Hộp lưu S. Buồng - S. Đồng Nai		A	C	A	A		A	D	A	D	D
	Suối Bí	Cầu Suối Bí		A	A	A	A		A	D	B	D	D
		Cầu số 3		A	A	A	A		A	D	B	C	D
Các Sông Đồng Nam Đồng Nai	Sông Ray	Cầu Sông Ray		A	A	A	B		A	D	B	B	C
		Cầu Lang Minh		A	B	A	B		A	D	C	B	C
		Gần hồ Sông Ray		A	A	A	A		A	D	A	B	B
	Suối Chà Răng	Suối Cạn (sau KXL CTR Xuân Mỹ)		A	D	D	D		B	D	D	D	D
		HL Suối Cạn - Suối Chà Răng		A	D	D	D		B	D	D	D	D
		Sau khu dân cư Cù Bị		A	C	D	D		B	D	D	D	D
	Suối Sông Ui	Trước HL suối Sông Ui - suối Rùa		A	A	C	D		A	D	D	C	D
		Cầu sông Ui		A	A	B	C		B	D	B	C	D
		Tiếp nhận nước từ hồ H4		A	A	D	D		A	D	D	D	D
		Sau nhà máy cồn Tùng Lâm 500m		A	A	D	D		A	D	D	B	B
	Suối Gia Măng	Trước đập Gia Măng		A	A	A	A		A	D	A	D	D
	Suối Rùa	Suối Rùa		A	A	B	B		A	D	B	B	B
	Suối Gia Ui	Suối Gia Ui		A	A	A	B		A	D	A	B	C
	Suối Lạnh	Suối Lạnh		A	A	B	C		C	D	B	D	D
	Suối Thê	Cầu Suối Thê		A	A	A	A		A	D	B	D	D
	Hồ Suối Rạng	Hồ Suối Rạng		A	A	A	B		A	D	A	B	B
	Hồ Suối Đồi	Hồ Suối Đồi		A	C	A	A		A	D	A	B	C
	Hồ Giao Thông	Hồ Giao Thông		A	A	B	C		B	D	A	C	D
		Hồ Suối Vọng	Hồ Suối Vọng		A	A	B	C		B	D	A	B
	Hồ Núi Le	Hồ Núi Le		A	A	B	C		A	D	A	B	C
Hồ Gia Ui	Hồ Gia Ui		A	A	B	C		A	D	A	B	D	
Hồ Bầu Môn	Hồ Bầu Môn		A	D	A	B		B	A	A	D	D	
Lưu vực Sông Thị Vải	Sông Thị Vải	Hộp lưu rạch Bà Ký - sông Thị Vải	T	A	C	A		A	A	D	A	A	A
			G	A	C	A		A	A	C	A	A	A
			P	A	C	A		A	A	C	A	A	A
		Khu vực xã Phước An	T	A	C	A		A	A	B	A	A	A
			G	A	C	A		A	A	B	A	A	A
			P	A	D	A		A	A	B	A	A	A
		Rạch nước lớn Vedan	T	A	C	A		A	A	B	A	B	B

Lưu vực	Điểm	Vị trí	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TOC	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
		Cảng Gò Dầu	G	A	C	A		A	A	B	A	A	B
			P	A	C	A		A	A	B	A	B	B
			T	A	C	A		A	A	B	A	A	A
			G	A	B	A		A	A	B	A	A	A
			P	A	C	A		A	A	B	A	A	A
		Khu vực phao số 23	T	A	B	A		A	A	B	A	A	A
			G	A	C	A		A	A	B	A	A	A
			P	A	C	A		A	A	B	A	A	A
		Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ	T	A	A	A		A	A	B	A	A	A
			G	A	B	A		A	A	B	A	A	A
			P	A	B	A		A	A	B	A	A	A
		Khu vực phao số 7	T	A	B	A		A	A	B	A	A	A
			G	A	B	A		A	A	B	A	A	A
			P	A	B	A		A	A	B	A	A	A
	Sông Bà Hào	HL Sông Đồng Kho - S. Bà Hào		A	A	A		A	A	B	A	B	D
		HL sông Bà Hào - Rạch Tắc Hồng		A	A	A		A	A	B	A	B	B
		Sông Bà Hào		A	A	A		A	A	B	A	B	B
		HL Sông Bà Hào - Sông Gò Gia		A	A	A		A	A	C	A	B	C
	Rạch Vũng Gấm	Trước đập Vũng Gấm		A	A	D		D	C	D	C	B	B
	Rạch Long Phú	Rạch Long Phú		D	C	B		A	A	D	A	D	D
	cổng Lò Rèn	cổng Lò Rèn		A	A	C		B	C	D	D	B	B
	Rạch Cái Sinh	Rạch Cái Sinh		A	A	C		C	A	D	B	B	B
	Rạch Miếu	Rạch Miếu		A	B	D		C	C	D	D	B	B
	Rạch Bà Ký	Rạch Bà Ký		A	A	B	D		B	D	B	B	C
	Suối Quýt	Suối Quýt		A	A	A	A		A	C	C	B	B
	Suối Trầu	Cầu Quán Tre		A	A	A	B		A	D	A	D	D
	Suối Bung Môn	Cầu Bình Sơn		B	A	A	A		A	D	A	C	D
	Suối Le	Cầu Thái Thiện		A	A	B	B		A	D	B	C	D
		Cầu Vạc		A	B	C	C		A	D	D	D	D
	Suối Cả	Cầu Suối Cả		B	A	B	C		B	D	B	B	B
		Trước đập suối Cả		A	A	A	A		A	D	C	C	C
	Hồ cầu Mới tuyến 5	hồ cầu Mới tuyến 5		A	B	A	A		A	B	B	A	B
	Hồ cầu Mới tuyến 6	hồ cầu Mới tuyến 6		A	B	A	A		A	A	D	A	B
	Dự án nuôi tôm thâm canh xã Phước An	Rạch Tắc Le Le		A	A	A		A	B	B	A	B	B
		Khu vực nuôi tôm siêu thâm canh (Rạch Vũng Gấm)		A	C	A		A	B	B	A	B	C
		Rạch Tràm		A	B	A		A	B	B	A	B	C
Sông Đồng Nai đoạn 2	Sông Đồng Nai đoạn 2	Hợp lưu Sông Bé – SDN	T	A	A	A	A		A	B	A	A	B
			G	A	A	A	A		A	B	A	A	A
			P	A	A	A	A		B	B	A	B	B

Lưu vực	Điểm	Vị trí	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TOC	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
và các phụ lưu		Cách hợp lưu sông Bé – SDN 500m về phía hạ lưu	T	A	A	A	A		A	B	A	B	B
			G	A	A	A	A		A	B	A	A	A
			P	A	A	A	A		C	B	A	B	A
		Gần NMN Thiện Tân	T	A	A	A	A		A	B	A	A	B
			G	B	A	A	A		A	B	A	B	B
			P	B	A	A	A		A	B	A	A	B
		Bến đò Bà Miếu	T	A	A	A	A		A	B	A	B	B
			G	A	A	A	A		A	B	A	B	B
			P	A	A	A	A		A	B	A	B	B
		Cầu Thạnh Hội	T	A	A	A	A		A	B	A	B	B
			G	A	A	A	A		A	B	A	B	B
			P	B	A	A	A		A	B	A	B	B
		Bến đò Biên Hòa - Bàu Long	T	B	A	A	A		A	B	A	B	B
			G	B	A	A	A		A	B	A	B	B
			P	B	A	A	A		A	B	A	B	B
	Suối Đa Bàn	Suối Đa Bàn		A	A	D	D		B	D	D	B	B
	Cầu Tân Trạch	Cầu Tân Trạch		A	D	D	D		B	D	D	D	D
	Cống Ông Hoàng	Cống Ông Hoàng		A	D	D	D		C	D	D	D	D
	Hồ Mo Nang	Hồ Mo Nang		A	D	C	D		C	D	B	C	D
Sông Đồng Nai đoạn 3 và các phụ lưu	Sông Đồng Nai đoạn 3	Cầu Hóa An	T	B	B	A	A		A	B	A	C	D
			G	B	B	A	A		A	B	A	B	C
			P	B	B	A	A		A	B	A	C	D
		NMN Biên Hòa	T	B	C	A	A		A	B	A	D	D
			G	B	C	A	A		B	B	A	D	D
			P	B	C	A	A		A	B	A	D	D
		Cầu Rạch Cát	T	B	C	A	A		B	B	A	D	D
			G	B	C	A	A		B	B	A	C	D
			P	B	C	A	A		B	B	A	D	D
		Cầu Bàu Hòa	T	B	D	A	A		B	B	A	D	D
			G	B	D	A	A		B	B	A	B	D
			P	B	D	A	A		B	B	A	C	D
		Gần cầu An Hảo	T	B	D	A	A		A	C	A	D	D
			G	B	D	A	A		A	B	A	D	D
			P	B	D	A	A		A	B	A	D	D
		Cầu Đồng Nai	T	B	D	A	A		A	B	A	D	D
			G	B	C	A	A		A	B	A	D	D
			P	B	C	A	A		B	B	A	C	D
	Suối Bà Lúa	Cầu số 01 - QL 15		B	D	D	D		A	D	D	D	D
		HL suối Bà Lúa - SDN		A	C	C	D		B	D	C	D	D
	Suối Siệp	Cầu suối Siệp		A	C	D	D		B	D	D	D	D
	Suối Chùa	Cầu trong KCN Amata		A	B	D	D		B	D	D	D	D
	Suối Linh	Cầu suối Linh		A	D	D	D		B	D	D	D	D
	Suối Sắn Máu	Cầu Sắn Máu		A	D	D	D		A	D	D	D	D
	Suối Tân Mai	Suối Tân Mai		A	D	D	D		A	D	D	D	D

Lưu vực	Điểm	Vị trí	Mặt cắt	pH	DO	BOD ₅	COD	TOC	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
	Hồ Long Ân	Hồ Long Ân		A	A	B	C		B	D	A	B	C
	Hồ Biên Hùng	Hồ Biên Hùng		A	A	D	D		C	D	B	C	D
	Cá bè sông Cái	Hợp lưu suối Săn Máu - SDN	T	A	D	A	A		A	C	A	D	D
			G	B	C	A	A		A	B	A	D	D
			P	A	D	A	A		A	B	A	D	D
		Giữa làng cá bè	T	A	D	C	D		A	D	C	D	D
			G	B	D	A	A		B	B	A	D	D
			P	A	D	A	A		B	B	A	D	D
		Hợp lưu suối Linh - SDN	T	A	D	A	A		B	C	A	D	D
			G	B	C	A	A		B	B	A	D	D
			P	A	D	A	A		A	B	A	D	D
	Cá bè Ba Xê	Giữa làng cá bè Ba Xê	T	B	D	A	A		A	C	A	C	D
			G	B	C	A	A		A	C	A	C	D
			P	B	C	A	A		A	C	A	C	D
Sông Đồng Nai đoạn 4 và các phụ lưu	Sông Đồng Nai đoạn 4	Gần hợp lưu sông Buông - SDN	T	A	C	A	A		A	B	B	B	C
			G	A	C	A	A		B	B	A	B	C
			P	A	C	A	A		B	B	A	D	D
		Hợp lưu Rạch Bà Chèo - SDN	T	A	C	A	A		A	B	A	D	D
			G	A	C	A	A		A	B	A	B	D
			P	A	C	A	A		B	B	A	D	D
		Hợp lưu rạch Suối Nước Trong - SDN	T	A	C	A	A		A	B	A	B	D
			G	A	C	A	A		A	B	A	B	D
			P	A	C	A	A		B	B	A	B	C
		Xã Nhon Trạch	T	A	C	A	C		B	B	B	B	B
			G	A	C	A	A		A	B	A	B	C
			P	A	C	A	B		B	B	A	B	C
	Suối Nước Trong	Cầu Nước Trong		A	A	A	B		B	D	B	D	D
		Cầu Ninh Hương		A	A	C	D		B	D	B	B	B
	Rạch Bà Chèo	Cầu Ông Định		A	C	C	D		B	D	B	D	D
		HL Rạch Bà Chèo - s.Ông Định		A	C	A	A		A	D	A	D	D
	Sông Ông Quế	Sông Ông Quế		B	A	A	B		A	D	A	B	B
	Sông Đồng Môn	Cầu Quán Thủ		A	A	A	B		A	D	A	D	D
		Gần NMN Formosa		A	D	A	C		A	D	A	D	D
	Rạch Bàng	Rạch Bàng		A	C	B		A	A	D	A	B	B
	Sông Ông Kèo	Cầu Phước Lý		A	C	A		A	A	D	A	C	D
		Cổng Ông Kèo		A	B	A		A	A	C	A	B	B
	Sông Nhà Bè	Hợp lưu Sông Nhà Bè - Sông Sài Gòn		A	C	A		A	B	D	A	C	D
	Sông Lòng Tàu	Gần KCN Ông Kèo		A	A	A		A	B	D	A	B	B
		Xã Đại Phước		A	B	A		A	B	D	A	C	B
	Sông Tranh	Xã Phước An		A	B	A		A	A	B	A	B	C
		Xã Đại Phước		A	C	A		A	B	B	A	B	D
	Sông Gò Gia	Xã Phước An		A	B	A		A	A	B	A	A	A
		Cách hợp lưu Sông Gò Gia - Sông Thị Vải 500 m		A	B	A		A	A	B	A	A	A

**Phụ lục 2: Mức phân loại chất lượng nước của các thông số tại các vị trí
quan trắc nước mặt đợt 03/2026 tại khu vực phía Bắc Đồng Nai**

STT	Ký hiệu	Vị trí	Tên sông, suối, hồ	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
1	SB1	Sông Bé - hồ Thác Mơ, xã Phú Nghĩa	Hồ Thác Mơ	A	A	A	A	B	B	B	A	A
2	SB2	Sông Bé - Cầu Đắc Lung	Sông Bé	A	C	B	B	A	A	A	B	D
3	SB3	Đập tràn Cầu Đơn (Sông Bé)	Hồ Cầu Đơn	A	A	A	A	B	A	C	A	A
4	SB4	Cầu Sông Bé, xã Thiện Hưng	Sông Bé	A	A	A	A	A	A	A	B	B
5	SB5	Thủy điện Srok Phu Miêng	Hồ thủy điện Sok Phu Miêng	A	A	A	A	B	A	B	A	A
6	SB6	Sông Bé - cầu Trà Thanh, xã Long Hà	Sông Bé	A	A	B	B	A	A	A	A	A
7	SB7	Cầu Sông Bé, xã Thuận Lợi	Sông Bé	A	B	A	A	A	A	D	A	A
8	SB8	Sông Bé, Cầu Nha Bích, xã Nha Bích	Sông Bé	A	B	B	B	A	A	A	B	C
9	SSB1	Cầu Suối Dung, Phường Phước Long	Suối Dung	A	B	C	C	A	D	A	D	D
10	SSB2	Hồ Long Thủy, Phường Phước Long	Hồ Long Thủy	A	B	A	A	A	A	A	B	D
11	SSB3	Cầu Đakia, xã Đa Kì	Suối Nhỏ	A	C	A	A	A	B	D	A	A
12	SSB4	Suối chợ, xã Thiện Hưng	Suối chợ	A	C	C	C	A	D	D	A	A
13	SSB5	Hồ nước xã Long Hà	Hồ nước	A	B	A	A	A	A	D	B	B
14	SSB6	Cầu Suối Cát, xã Tân Hưng	Suối Cát	A	B	A	A	A	A	A	A	A
15	SSB7	Hồ Sóc Xiêm, xã Tân Hưng	Hồ Sóc Xiêm	A	A	A	A	B	A	A	A	A
16	SSB8	Cầu Suối Đâm, xã Phú Riêng	Suối Đâm	A	C	A	A	A	A	A	B	B
17	SSB9	Đập Long Tân, xã Long Hà	Hồ Long Tân	A	B	A	A	B	A	C	A	A

STT	Ký hiệu	Vị trí	Tên sông, suối, hồ	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
18	SSB10	Hồ nông trường 8, xã Bình Tân	Hồ Nông trường 8	B	A	A	A	B	A	A	A	A
19	SSB11	Suối Rạt, xã Phú Riềng	Suối Rạt	A	B	B	B	A	A	D	A	A
20	SSB12	Hồ nông trường 10, xã Phú Riềng	Hồ Nông trường 10	A	B	A	A	B	A	C	A	A
21	SSB13	Hồ Suối Lam, xã Thuận Lợi	Suối Lam	A	A	B	B	A	A	A	A	A
22	SSB14	Suối nhỏ xã Thuận Lợi	Suối nhỏ	B	A	D	D	A	D	D	B	B
23	SSB15	Suối Cầu Nghien, xã Nha Bích	Suối Nghien	A	B	C	C	B	A	A	B	B
24	SSB16	Hồ Suối Cam, Phường Bình Phước	Suối Cam	A	A	A	A	A	D	A	A	A
25	SSB17	Suối Sông Rinh, Phường Đồng Xoài	Suối Sông Rinh	A	C	A	A	A	B	A	B	B
26	SSB18	Cầu An Lộc, Phường Bình Long	Suối nhỏ	A	D	B	B	A	D	A	D	D
27	SSB19	Hồ cấp nước Phường Bình Long	Hồ nước	A	A	A	A	B	A	A	A	A
28	SSB20	Hồ cấp nước Tân Khai, xã Tân Khai	Hồ nước Tân Khai	A	A	A	A	A	B	A	A	A
29	SSB21	Suối Ấp Xa Trạch, xã Tân Quan	Suối Xa Trạch	A	B	C	C	A	A	A	B	B
30	SSB22	Suối Xa Cát, xã Tân Quan	Suối Xa Cát	A	B	B	B	A	A	B	A	A
31	SSB23	Suối Tiên, Phường Minh Hưng	Suối Tiên	A	A	C	C	A	D	A	B	B
32	SSB24	Cầu Xa Cát, xã Nha Bích	Suối Xa Cát	A	C	B	B	A	B	A	A	A
33	SSB25	Cầu Suối Đông, xã Nha Bích	Suối Đông	A	C	B	B	A	A	A	A	A
34	SSB26	Hồ Phước Hòa, xã Nha Bích	Hồ Phước Hoà	A	A	A	A	B	B	A	A	A
35	SSB27	Suối Ngang, Phường Chơn Thành	Suối Ngang	A	C	C	B	A	C	A	A	A
36	SSB28	Cầu Suối Đôi, Phường Chơn Thành	Suối Đôi	A	C	B	B	A	D	A	B	B

STT	Ký hiệu	Vị trí	Tên sông, suối, hồ	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
37	SSB29	Suối Bung Rục, Phường Minh Hưng	Suối Bung Rục	A	A	D	D	A	B	A	A	A
38	SSB30	Cầu Bà Và, Phường Minh Hưng	Suối Bà Và	A	B	B	B	A	A	B	A	B
39	SSB31	Suối Hồ Đá, Phường Chơn Thành	Suối Hồ Đá	A	B	A	A	A	B	B	B	B
40	SSB32	Cầu Tham Rót, Phường Chơn Thành	Suối Cái	A	B	C	C	A	B	A	B	C
41	SSB33	Hồ cấp nước xã Thuận Lợi	Hồ Đồng Xoài	A	A	A	A	B	A	A	A	A
42	SSB34	Cầu 2, xã Đồng Tâm	Suối Rạt	A	B	C	B	A	D	A	B	B
43	SSB35	Suối Cà Bè (Đắk Rip), Phường Bình Phước	Suối Cà Bè	A	C	B	B	B	D	A	D	D
44	SSB36	Suối Đồng Tiền, Phường Bình Phước	Suối Đồng Tiền	A	C	D	D	A	D	D	B	B
45	SSB37	Suối Rạt, xã Đồng Phú	Suối Rạt	A	A	A	A	A	D	B	A	A
46	SSB38	Suối Rạt, cầu Ba Bì, xã Đồng Phú	Suối Rạt	A	B	C	B	A	D	B	A	A
47	SSB39	Hồ Suối Giai, xã Đồng Phú	Suối Giai	A	A	A	A	A	A	A	A	A
48	SSB40	Suối Bàu Chu, xã Đồng Phú	Suối Bàu Chu	A	C	C	C	A	D	D	B	B
49	SSB41	Suối Rạt - Cầu số 11, xã Đồng Tâm	Suối Rạt	A	A	A	A	A	A	A	A	A
50	SSG2	Cầu trắng, xã Tân Tiến	Cầu Trắng	A	B	B	B	A	B	A	A	A
51	SG1	Sông Sài Gòn, xã Tân Khai	Sông Sài Gòn	A	A	A	A	A	B	A	A	A
52	SSG1	Hồ Nước xã Lộc Thạnh	Hồ Lộc Hoà	A	A	A	A	B	A	A	A	A
53	SSG3	Hồ cầu Trắng, xã Lộc Quang	Hồ Cầu Trắng	A	A	A	A	B	B	A	B	B
54	SSG4	Hồ rừng cấm xã Lộc Tấn	Hồ Rừng Cấm	A	A	A	A	A	A	A	A	A
55	SSG5	Cầu Xa Ngâu, Xã Lộc Ninh	Suối Xa Ngâu	A	C	A	A	A	B	A	B	B

STT	Ký hiệu	Vị trí	Tên sông, suối, hồ	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
56	SSG6	Cầu Mua, xã Lộc Ninh	Suối Mua	A	C	A	A	A	D	A	B	C
57	SSG7	Cầu Suối chợ, xã Lộc Ninh	Suối Chợ	A	C	B	B	A	B	A	B	A
58	SSG8	Cầu Bù Linh, xã Lộc Quang	Suối Trào	A	B	A	A	A	B	A	B	B
59	SSG9	Hồ cấp nước xã Lộc Quang	Hồ Lộc Quang	A	A	A	A	B	A	A	A	A
60	SSG10	Cầu Lộc Điền, xã Lộc Điền	Suối Ha Ra	A	B	A	A	A	B	A	C	D
61	SSG11	Cầu Cản Lê, xã Lộc Thành	Suối Cản Lê	A	A	A	A	A	B	A	A	A
62	SSG12	Suối Chà Là, xã Minh Đức	Suối Chà Là	A	B	A	A	A	A	A	A	A
63	SSG13	Suối Tà Mông, xã Tân Khai	Suối Tà Mông	A	A	B	B	A	B	D	B	B
64	ĐN1	Sông Đồng Nai, xã Phước Sơn	Sông Đồng Nai	A	A	B	B	A	B	D	B	B
65	SDN1	Cầu Tân Hòa, xã Bù Đăng	Suối Đắc Oa	A	B	A	A	A	C	A	B	A
66	SDN2	Cầu Đắc Lấp, xã Bù Đăng	Suối Đắc R' Lấp	A	A	A	A	A	B	A	B	B
67	SDN3	Cầu Đắc Trầm, xã Phước Sơn	Suối Đa Quin	A	B	A	A	A	B	B	B	B
68	SDN4	Cầu Đắc Wor 2, xã Thọ Sơn	Suối Đắc Wor	A	B	A	A	A	B	D	B	A
69	SDN5	Hồ nước trắng cỏ Bù Lạch, xã Thọ Sơn	Hồ nước	A	A	B	B	C	B	B	A	A
70	SDN6	Hồ Sơn Thủy, xã Thọ Sơn	Hồ Sơn Thủy	A	A	A	A	A	B	A	A	A
71	SDN7	Hồ nước xã Thọ Sơn	Hồ nước	A	A	A	A	A	D	A	A	A
72	SDN8	Hồ cấp nước xã Bù Đăng	Hồ cấp nước	A	A	A	A	A	B	A	B	A
73	SDN9	Cầu Bù Đăng, xã Bù Đăng	Suối Đắc Oa	A	B	A	A	A	B	A	A	A
74	SDN10	Hồ nước xã Bù Đăng	Hồ nước	A	A	A	A	A	C	A	B	A

STT	Ký hiệu	Vị trí	Tên sông, suối, hồ	pH	DO	BOD ₅	COD	TSS	TN	TP	Coliform	Coliform chịu nhiệt
75	SDN11	Cầu 38, xã Nghĩa Trung	Suối Đăk Qoure	A	A	A	A	A	B	A	A	A
76	SDN12	Cầu Pan Toong, xã Nghĩa Trung	Suối Đăk Pan Ton	A	B	B	B	A	A	A	A	A
77	SDN13	Hồ cấp nước xã Nghĩa Trung	Hồ cấp nước	A	A	A	A	A	A	A	A	A
78	SDN14	Cầu Bù Na 2, xã Nghĩa Trung	Suối Pa Răng	A	B	B	C	A	B	A	A	A
79	SCR	Suối Bông, xã Lộc Thành	Suối Bông	A	B	B	B	A	B	A	D	D
80	SM	Sông Măng xã Hưng Phước	Sông Măng	A	B	C	D	A	A	A	B	A
81	SSM	Bàu nước cạn xã Thiện Hưng	Bàu nước	A	A	D	D	A	B	B	B	A

**Phụ lục 3: Tổng hợp kết quả QC phòng thí nghiệm tại khu vực Nam Đồng
Nai đợt 03/2026**

STT	Thông số	Sample ID	Kết quả (mg/L)	Độ lệch ≤ 5%	Giá trị chuẩn (mg/L)	Hiệu suất (90-110 %)	Đánh giá	Ngày phân tích
1	Fe	BL	<0,02				Đạt	6/2/26
2	Fe	C1	0,10		0,10	96,0	Đạt	6/2/26
3	Fe	C2	4,06		4,00	101,6	Đạt	6/2/26
4	Fe	CDC	2,06		2,00	103,1	Đạt	6/2/26
5	Fe	26,245DV	0,77	1,7			Đạt	6/2/26
6	Fe	26,245DV	0,76				Đạt	6/2/26
7	Fe	26,245DV+C2S	1,74		1,00	97,1	Đạt	6/2/26
8	Fe	26,232/8QT	0,30				Đạt	6/2/26
9	Fe	26,232/10QT	0,30				Đạt	6/2/26
10	Fe	26,232/11QT	<0,05				Đạt	6/2/26
11	Fe	26,232/12QT	<0,05				Đạt	6/2/26
12	Fe	BL	<0,02				Đạt	6/2/26
13	Fe	C1	0,10		0,10	103,0	Đạt	11/2/026
14	Fe	C2	4,01		4,00	100,3	Đạt	11/2/026
15	Fe	CDC	2,03		2,00	101,7	Đạt	11/2/026
16	Fe	26,250/2DV	0,18	2,3			Đạt	11/2/026
17	Fe	26,250/2DV	0,18				Đạt	11/2/026
18	Fe	26,250/2DV+C1S	0,28		0,10	107,0	Đạt	11/2/026
19	Fe	26,248/2QT	0,40				Đạt	11/2/026
20	Fe	26,248/31QT	0,40				Đạt	11/2/026
21	Fe	26,248/32QT	<0,05				Đạt	11/2/026
22	Fe	26,248/33QT	<0,05				Đạt	11/2/026
23	Fe	BL	<0,02				Đạt	11/2/026
24	Fe	C1	0,09		0,10	90,0	Đạt	26/2/26
25	Fe	C2	4,02		4,00	100,4	Đạt	26/2/26
26	Fe	CDC	2,08		2,00	104,1	Đạt	26/2/26
27	Fe	26,307/20QT	<0,05				Đạt	26/2/26
28	Fe	26,307/20QT	<0,05				Đạt	26/2/26
29	Fe	26,307/20QT+LOQS	0,05	1,9	0,05	106,0	Đạt	26/2/26
30	Fe	26,307/20QT+LOQS	0,05		0,05	104,0	Đạt	26/2/26
31	Fe	26,307/11QT	0,21				Đạt	26/2/26

STT	Thông số	Sample ID	Kết quả (mg/L)	Độ lệch ≤ 5%	Giá trị chuẩn (mg/L)	Hiệu suất (90-110 %)	Đánh giá	Ngày phân tích
32	Fe	26,307/19QT	0,15				Đạt	26/2/26
33	Fe	26,307/20QT	<0,05				Đạt	26/2/26
34	Fe	26,307/21QT	<0,05				Đạt	26/2/26
35	Fe	BL	<0,02				Đạt	26/2/26
36	Fe	C1	0,10		0,10	95,0	Đạt	26/2/26
37	Fe	C2	4,03		4,00	100,8	Đạt	26/2/26
38	Fe	26,308/3QT	0,20				Đạt	26/2/26
39	Fe	26,308/6QT	0,20				Đạt	26/2/26
40	Fe	26,308/7QT	<0,05				Đạt	26/2/26
41	Fe	26,308/8QT	<0,05				Đạt	26/2/26
42	Fe	26,310/2QT	0,69				Đạt	26/2/26
43	Fe	26,310/11QT	0,67				Đạt	26/2/26
44	Fe	26,310/12QT	<0,05				Đạt	26/2/26
45	Fe	26,310/13QT	<0,05				Đạt	26/2/26

STT	Thông số	Sample ID	Kết quả (mg/L)	Độ lệch ≤ 5%	Giá trị chuẩn (mg/L)	Hiệu suất (90-110 %)	Đánh giá	Ngày phân tích
1	Amoni	BL	<0,01				Đạt	12/2/26
2	Amoni	C1	0,03		0,03	100,0	Đạt	12/2/26
3	Amoni	C2	0,52		0,50	104,2	Đạt	12/2/26
4	Amoni	CDC	0,30		0,31	94,6	Đạt	12/2/26
5	Amoni	26,232/8QT	0,13	0,75			Đạt	12/2/26
6	Amoni	26,232/8QT	0,13				Đạt	12/2/26
7	Amoni	26,232/8QT+C2S	0,43	1,16	0,31	94,6	Đạt	12/2/26
8	Amoni	26,232/8QT+C2S	0,43		0,31	96,2	Đạt	12/2/26
9	Amoni	26,232/10QT	0,13				Đạt	12/2/26
10	Amoni	BL	<0,01				Đạt	12/2/26
11	Amoni	C1	0,03		0,03	100,0	Đạt	12/2/26
12	Amoni	C2	0,53		0,50	106,2	Đạt	12/2/26
13	Amoni	CDC	0,32		0,31	102,6	Đạt	12/2/26
14	Amoni	26,232/11QT	<0,02				Đạt	12/2/26
15	Amoni	26,232/12QT	<0,02				Đạt	12/2/26

STT	Thông số	Sample ID	Kết quả (mg/L)	Độ lệch $\leq 5\%$	Giá trị chuẩn (mg/L)	Hiệu suất (90-110 %)	Đánh giá	Ngày phân tích
16	Amoni	BL	<0,01				Đạt	26/2/26
17	Amoni	C1	0,03		0,03	106,5	Đạt	26/2/26
18	Amoni	C2	0,49		0,50	97,4	Đạt	26/2/26
19	Amoni	CDC	0,30		0,31	95,2	Đạt	26/2/26
20	Amoni	26,248/1QT	0,23	0,9			Đạt	26/2/26
21	Amoni	26,248/1QT	0,23				Đạt	26/2/26
22	Amoni	26,248/1QT+C2S	0,53	0,19	0,31	95,2	Đạt	26/2/26
23	Amoni	26,248/1QT+C2S	0,53		0,31	94,8	Đạt	26/2/26
24	Amoni	26,248/2QT	0,21				Đạt	26/2/26
25	Amoni	BL	<0,01				Đạt	26/2/26
26	Amoni	C1	0,03		0,03	106,5	Đạt	26/2/26
27	Amoni	C2	0,48		0,50	96,2	Đạt	26/2/26
28	Amoni	CDC	0,29		0,31	94,2	Đạt	26/2/26
29	Amoni	26,248/31QT	0,21				Đạt	26/2/26
30	Amoni	26,248/32QT	<0,02				Đạt	26/2/26
31	Amoni	26,248/33QT	<0,02				Đạt	26/2/26

STT	Thông số	Sample ID	Kết quả (mg/L)	Độ lệch $\leq 5\%$	Giá trị chuẩn (mg/L)	Hiệu suất (90-110 %)	Đánh giá	Ngày phân tích
1	P-T	BL	<0,003				Đạt	7/2/26
2	P-T	C1	0,025		0,026	96,9	Đạt	7/2/26
3	P-T	C2	0,099		0,098	100,8	Đạt	7/2/26
4	P-T	26,232/8QT	0,02				Đạt	7/2/26
5	P-T	26,232/9QT	0,04				Đạt	7/2/26
6	P-T	26,232/10QT	0,02				Đạt	7/2/26
7	P-T	26,232/11QT	<0,01				Đạt	7/2/26
8	P-T	26,232/11QT	<0,01				Đạt	7/2/26
9	P-T	26,232/11QT+CLOQS	0,018	2,25	0,010	101,4	Đạt	7/2/26
10	P-T	26,232/11QT+CLOQS	0,018		0,010	105,4	Đạt	7/2/26
11	P-T	26,232/12QT	<0,01				Đạt	7/2/26
12	P-T	BL	<0,003				Đạt	27/2/26
13	P-T	C1	0,027		0,026	103,1	Đạt	27/2/26

STT	Thông số	Sample ID	Kết quả (mg/L)	Độ lệch $\leq 5\%$	Giá trị chuẩn (mg/L)	Hiệu suất (90-110 %)	Đánh giá	Ngày phân tích
14	P-T	C2	0,100		0,098	101,7	Đạt	27/2/26
15	P-T	26,248/2QT	0,04				Đạt	27/2/26
16	P-T	26,248/31QT	0,04				Đạt	27/2/26
17	P-T	26,248/32QT	<0,01				Đạt	27/2/26
18	P-T	26,248/32QT	<0,01				Đạt	27/2/26
19	P-T	26,248/32QT+CLOQS	0,017	1,8	0,010	100,1	Đạt	27/2/26
20	P-T	26,248/32QT+CLOQS	0,02		0,010	103,1	Đạt	27/2/26
21	P-T	26,248/33QT	<0,01				Đạt	27/2/26

**Phụ lục 4: Tổng hợp kết quả QC phòng thí nghiệm tại khu vực Bắc Đồng
Nai đợt 03/2026**

Ngày thực hiện	Kí hiệu mẫu	Tổng P (QC 1 mg/L)			
		Kết quả mg/L	H %	RPD %	Đánh giá
06/2/2026	QC 1 PPM	1,003	100,30	1,68	Đạt
06/2/2026	QC 1 PPM	1,020	102,00		
06/2/2026	MT	KPH (MDL= 0,02)			Đạt
10/02/2026	QC 1 PPM	0,989	98,90	1,02	Đạt
10/02/2026	QC 1 PPM	0,979	97,90		
10/02/2026	MT	KPH (MDL= 0,02)			Đạt
27/02/2026	QC 1 PPM	0,999	99,90	0,20	Đạt
27/02/2026	QC 1 PPM	0,997	99,70		
27/02/2026	MT	KPH (MDL= 0,02)			Đạt
03/3/2026	QC 1 PPM	1,015	101,50	4,84	Đạt
03/3/2026	QC 1 PPM	0,967	96,70		
03/3/2026	MT	KPH (MDL= 0,02)			Đạt
06/3/2026	QC 1 PPM	0,951	95,10	1,15	Đạt
06/3/2026	QC 1 PPM	0,962	96,20		
06/3/2026	MT	KPH (MDL= 0,02)			Đạt
Ngày thực hiện	Kí hiệu mẫu	Amoni (QC 0,2 mg/L)			
		Kết quả mg/L	H %	RPD %	Đánh giá
05/02/2026	QC 0,2 PPM	0,182	91,18	0,113	Đạt
05/02/2026	QC 0,2 PPM	0,183	91,29		
05/02/2026	MT	KPH (MDL=0,02)			
02/10/2026	QC 0,2 PPM	0,185	92,50	0,668	Đạt
02/10/2026	QC 0,2 PPM	0,186	93,12		
02/10/2026	MT	KPH (MDL=0,02)			
27/02/2026	QC 0,2 PPM	0,205	102,26	0,068	Đạt
27/02/2026	QC 0,2 PPM	0,205	102,33		
27/02/2026	MT	KPH (MDL=0,02)			
28/02/2026	QC 0,2 PPM	0,185	92,56	0,530	Đạt
28/02/2026	QC 0,2 PPM	0,184	92,07		
28/02/2026	MT	KPH (MDL=0,02)			
02/3/2026	QC 0,2 PPM	0,184	92,06	0,791	Đạt
02/3/2026	QC 0,2 PPM	0,183	91,33		
02/3/2026	MT	KPH (MDL=0,02)			

05/3/2026	QC 0,2 PPM	0,192	95,90	0,687	Đạt
05/3/2026	QC 0,2 PPM	0,190	95,25		
Ngày thực hiện	Kí hiệu mẫu	Fe (QC 1,0 mg/L)			
		Kết quả mg/L	H %	RPD %	Đánh giá
08/02/2026	QC 1,0 PPM	0,90	89,89	5,838	Đạt
08/02/2026	QC 1,0 PPM	0,85	84,79		
08/02/2026	MT	KPH (MDL=0,03)			
10/02/2026	QC 1,0 PPM	0,98	97,90	1,674	Đạt
10/02/2026	QC 1,0 PPM	0,96	96,28		
10/02/2026	MT	KPH (MDL=0,03)			
01/03/2026	QC 1,0 PPM	1,00	100,48	0,946	Đạt
01/03/2026	QC 1,0 PPM	1,00	99,53		
01/03/2026	MT	KPH (MDL=0,03)			
02/03/2026	QC 1,0 PPM	0,96	96,21	1,510	Đạt
02/03/2026	QC 1,0 PPM	0,98	97,67		
02/03/2026	MT	KPH (MDL=0,03)			
06/03/2026	QC 1,0 PPM	1,04	103,83	2,997	Đạt
06/03/2026	QC 1,0 PPM	1,01	100,76		
06/03/2026	MT	KPH (MDL=0,03)		5,838	Đạt